

VĂN ĐỀ

thanh tâm tuyền • vũ khắc hoan • tô thù
yên • bình nguyên lộc • cung tiến • duy
thanh • trần hồng châu • từ anh • đình
hùng • quách thoại • trần thanh hiệp •
đỗ tử lệ • nguyễn ngữ • ngọc dung • phạm
nguyên vũ • hoàng ngọc tuần • từ kết tường
trần thịnh • mừng mán • mai thảo

GIAI PHẨM²
XUÂN TÂN HỢI

NỘI DUNG GIAI PHẨM

Xuân Tân Hợi

Mai Thảo : những nét lớn về sinh hoạt văn học nghệ thuật 1970. *Vũ Khắc Khoan* : xuân, trích thư nói về tùy bút. *Tù Anh* : một thất bại huy hoàng. *Trần thị Ngh.* : giả thiết. *Trần Hồng Châu* : tình khúc đại học. *Hoàng Ngọc Tuấn* : mùa xuân cho mắt cọp. *Tô Thùy Yên, Phạm Nguyên Vũ, Cung Tiến, Du Thanh, Ngọc Dũng* : thơ tự do. *Ngũ Ngử* : sân bay. *Đình Hùng, Quách Thoại, Trần Thanh Hiệp* : thơ. *Bình Nguyên Lộc* : bộn buồn mọi của thế kỷ hai mươi. *Du Tử Lê* : trên sân gỗ. *Thanh Tâm Tuyền* : lồng treo. *Mường Mãn* : xuân trắng. *Tú Kế Tường* : loài chim trừ tịch.

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP :

VŨ CÔNG TRỰC

QUẢN LÝ :

BÀ BUI THỊ HÒA-KHANH

BÀI VỞ GỬI CHO :

MAI THẢO

Tòa soạn : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

MAI THẢO

những nét lớn về sinh hoạt nghệ thuật miền nam 1970

Từ nhiều năm nay, nghĩa là từ khi cuộc chiến giữa hai miền đất nước tổ quốc chia cắt đã hội tụ đầy đủ những yếu tố ở trong nó và ở ngoài nó để biến thành một lưu huyết trường kỳ không lối thoát, nền văn học, nghệ thuật trẻ trung và đầy ắp triển vọng của miền Nam Việt Nam, bắt nguồn từ một hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử và thời thế, tới hết năm 1970, vẫn chưa ra thoát được cái hoàn cảnh đặc biệt ở đó nó được khai sinh, nó được hình thành. Gió bão trùng trùng dấy bốc cùng khắp trên mọi miền đất nước lâm chiến. Gió bão ấy, không chỉ thổi qua những thửa vườn Lục Tỉnh Tiền Giang, còn ào ạt đột nhập vào khu vườn văn học. Lửa đạn hai mươi năm kín trùm những vùng biển và những vùng trời chúng ta đang sống, thì lửa đạn ấy, bất cứ là bắn tới từ một họng súng nào, hỏa tiễn 122 ly hay bom sáng đặc cũng vậy, (đừng vội tìm hiểu nguyên nhân, hãy ghi nhận trước cái hiển nhiên không chối cãi của cảnh tượng) không chỉ làm ngừng dứt thường hằng một tiến trình xã hội, còn làm cho một dòng sinh hoạt nghệ thuật bị lay chuyển và gián đoạn thường xuyên. Một nhà văn đến tuổi bắt chợt phải rời bỏ bàn viết để lên đường ra trận. Một đoàn kịch địa phương tan rã vì sân khấu bị

phá hủy, mất đất trình diễn. Một nhóm họa sỹ trẻ muốn thực hiện một cuộc triển lãm lưu động qua nhiều thành phố. Công tác phổ biến nghệ thuật tạo hình tốt đẹp tới quảng đại thưởng ngoạn ấy cuối cùng phải đình hoãn. Vì những lý do, như giới nghiêm, giao thông đứt đoạn, thiếu an ninh ở nhiều vùng. Một đoàn trình diễn xuất ngoại không thể đến một quốc gia láng giềng. Vì quốc gia láng giềng là thù nghịch, trường hợp này, nghệ thuật chẳng còn là những gió đông gió tây kết liên thân hữu các dân tộc, mà chỉ còn là phương tiện, công cụ hỗ trợ đơn thuần cho vận động ngoại giao và chính trị giữa các nhà nước. Thủ đô Sài Gòn, tập trung đến chín mươi phần trăm những hình thái sinh hoạt nghệ thuật mọi mặt của cả nước mà thiếu hết phương tiện và địa điểm xứng đáng cho trình diễn trang trọng. Vì người ta nói, mọi năng lực và tiềm lực vẫn phải dành ưu tiên cho tiếp chiến và tiền đồn. Bằng một vài thí dụ nhỏ lấy trong những trở lực muôn vàn, mọi người dễ dàng nhận thức được rằng, mặc dầu cái cảnh tượng phồn thịnh sầm uất bề mặt của một vài ngành sinh hoạt như điện ảnh, báo chí, tiểu thuyết, văn học nghệ thuật ta, từ nhiều năm nay chưa từng có lúc nào thể hiện được cho nó một phát huy rực rỡ toàn vẹn. Đó là cái cảnh tượng của những dấy động ồn ào, vô lối, thỉnh thoảng tắt ngấm, những tiến phát, những phát cơ khởi đầu dừng cầm, ngoạn mục, dần dần chẳng đi về đâu, không đi tới đâu. Mưa những sức gió thổi qua một chiều, nương những ngọn triều ào tới một buổi, hơn là có gió lớn và lửa hồng tự thân đầy ắp làm động lực đẩy tới, hơn một cuộc vận động mở đường đao to búa lớn đã mau chóng phơi bày cái nguyên hình nhợt nhạt thiếu não, không tạo được một vang động cũng không dành được một hưởng ứng nào. Một tác phẩm được in ra rồi chìm mau chóng vào khoảng không và quên lãng. Một diễn đàn dựng lên, rồi sống và chết, tả, hữu, dẫn thân, viễn mơ hay quý quá gì cũng mặc, định mệnh non yếu chung chẳng khác biệt gì nhau lắm, là chất vật và một mối sống, lạc lõng giữa một xã hội lâm chiến đang tự nuôi dưỡng lẫn hồi bằng những thể loại thực phẩm không phải là những thực phẩm tinh thần.

Bao nhiêu năm trước đây đã vậy. Năm vừa qua, mặc dầu chiến cuộc lắng dịu, đồng thời với những phong trào vận động

lúa bình phát động liên tiếp trong nước và toàn cầu, khiến tình thế trong tương lai có thể được ngắm nhìn bằng một viễn tượng tươi sáng hơn, thực trạng văn học nghệ thuật 1970 cũng chưa ra thoát được cái thực chất hụt hẫng, bất toàn của những năm trước. Những phần tổng kết sơ lược về một số bộ môn sâu đây do đó không thể ghi nhận được những dự phóng và triển vọng chỉ có thể đúc kết được từ và bằng những sự kiện của sinh hoạt có chứa đựng trong chúng những dự phóng và triển vọng đích thực.

Tạm gọi ở đây là kiểm điểm lại một số hoạt động, thành tích trong năm, so sánh với cái không có hoàn toàn, hoặc với những hoạt động, những thành tích đồng tính của năm 1969.

● HOẠT ĐỘNG GIA TĂNG TRÊN ĐỊA HẠT ĐIỆN ẢNH

Năm 1970 vừa qua được coi là năm đánh dấu cho một hồi sinh khá bất ngờ và ngoạn mục của điện ảnh Việt Nam. Sau một thời gian giải đóng vai trò nhân chứng bất lực trước xâm nhập tàn bạo cùng khắp của phim ảnh quốc tế nhập nội, điện ảnh Việt Nam nhận thức được nhu cầu thưởng ngoạn và nương theo một vài điểm trợ giúp, phương tiện trong chính sách nâng đỡ sản xuất tư nhân của chính quyền, vội vã trở mình. Trên những sàn quay, những dàn đèn sunlight được đồng hoạt thấp sáng. Một số phim trường chấm dứt cái tình trạng náo nê của cổ đại tràn chếm. Những tờ hợp đồng bay thành lấp lánh một màn mưa tiền bạc hân hoan trên mái đầu đám chuyên viên, tài tử, đạo diễn đã tưởng phải đổi nghề sau một mùa hạ hán trường kỳ. Những hãng phim mới hấp tấp thành lập. Cuộc chạy đua chiếm rạp, chiếm phương tiện, giành lấy trình chiếu ưu tiên cho sản phẩm miên trên thị trường quốc nội, buộc hầu hết những người làm điện ảnh phải nhăm mắt bỏ qua những nghiên cứu kỹ càng, những sửa soạn châu đáo là điều kiện thiết yếu phải có trước tất cả những điều kiện khác, để hoàn thành được một cuốn phim hay. Căn cứ vào những yếu tố thu hút khán giả của những phim quốc tế ăn khách, hơn là nỗ lực vươn tới nghệ thuật điện ảnh thuần lọc, hơn là mở một con đường mới và những chân trời mới cho điện ảnh dân tộc,

phần lớn các hãng phim đều chú trọng nhiều đến phương diện thương mại, đặt tiêu chuẩn hàng đầu phải đạt tới, là sự thành công rực rỡ về tài chính trước đã. Với năm 1970, và trước phon trào coi phim nóng nhiệt của đám đông sáng chiều nườm nượp kéo tới chật kín những phòng tối, sự thành công về tài chính, vì số tiền của những phim Việt mới trình chiếu trong năm qua đã vượt xa những dự đoán lạc quan nhất của mọi người. Mở đầu bằng Chiều Kỷ Niệm với Thầm Thủy Hằng, kế tới là Loan Mả Nhung, phóng tác một tiểu thuyết về tuổi trẻ du dương của Nguyễn Thụy Long và Chân Trời Tím của Liên Ảnh, công ty sản xuất mới cơ bản thể hơn mọi công ty khác, - sản phẩm này lấy cốt truyện ở một tiểu thuyết về đời sống quân ngũ của Văn Quang, ba cuốn phim Việt vừa kể đã được chiếu nhiều tuần trên nhiều rạp, lần đầu tiên đạt được số thu không kém những kiệt tác quốc tế trình bày trên màn bạc Chợ Lớn Sài Gòn.

Những phim Việt được thực hiện theo một nhịp điệu tuần tự trước hết tạo được cơ hội tốt cho đám chuyên viên một mặt được quen thuộc hơn nữa với thế giới sân quay, một mặt vẫn còn phải học tập bằng kinh nghiệm sống, cách thức xử dụng và thực hiện những kỹ thuật mới. Về hình thức, những phim Việt sau này đã đạt được những tiến bộ đáng kể. Nghĩa là loại bỏ được dần dần những lỗi lầm sơ đẳng nhất về văn phạm điện ảnh, không đến nỗi làm cho người xem nhăn mặt hay cười bỏ như đối với những sản phẩm ngớ ngẩn đầu trĩ của nhiều năm trước. Nhưng nói rằng điện ảnh Việt Nam đang đi tới thực hiện được những kiệt tác cỡ lớn những công trình mà cái đẹp, cái sâu sắc độc đáo làm bàng hoàng chấn động thì còn đường đi tới ấy còn xa lắm trong tương lai. Cho tới hết năm qua, phim Việt vẫn nghiêng nặng về thương mại, chạy theo thị hiếu mòn cũ của thưởng ngoạn, đầy đặc những dấu tích của kỹ thuật vay mượn cóp nhặt, hơn là can đảm vận dụng và hướng dẫn thưởng ngoạn đi tới những tiếp nhận và những rung động mới. Điều mà mọi người mong mỏi là các hãng sản xuất, sau những thành công đầu, và sau khi đã tạo dựng được một nền tảng vững vàng về mọi mặt, đừng quên nghĩ đến thực hiện những sản phẩm khác, nghệ thuật và mới lạ hơn.

Một hiện tượng nữa đáng đính kèm vào sinh hoạt phim trường 1970 là một số thật đông những tiểu thuyết, hiện đại, thể vì những tưởng tích cải lương, đã được mua và đưa lên màn bạc. Đó là những tiểu thuyết của Văn Quang, Nguyễn Thụy Long, Nguyễn Đình Toàn, Mai Thảo, Ngọc Linh, Nguyễn thị Hoàng, Lê thị Bích Vân, Duyên Anh, Viên Linh v.v... Vì nhu cầu thương mại và khả năng thực hiện hứa hẹn gò bó, những tác phẩm văn chương được điện ảnh chiếu cổ phần lớn đã bị sửa đổi hoặc cắt xén tàn nhẫn. Tóm lại, điện ảnh ta đã có những bước tiến. Vì hoạt động đều nhịp và bắt buộc phải đuổi theo một trình độ thưởng ngoạn càng ngày càng cao hơn. Điện ảnh Việt Nam do đó, được hồi sinh cũng đồng thời đang đứng trước những thử thách mới.

● TIỂU THUYẾT, BÁO CHÍ, LƯỢNG SỐ VÀ PHẠM CHẤT.

Những cuốn sách mới, của những tác giả có tên tuổi cũng như của những người viết mà sách là tác phẩm đầu tay được thay đổi từng tháng từng tuần trên những sạp sách, chứng tỏ rằng nhịp ấn loát và xuất bản tiểu thuyết quay đều từ hai năm 68, 69 vẫn không vì vật giá leo thang, cung cấp tràn đầy, làm chò chậm lại. Sách in thật nhiều và vẫn bán được. Những tác giả tên tuổi vẫn dành được chỗ đứng vững vàng trong cảm tình và tìm kiếm của người đọc chung thủy với những thể giới sáng tác và bút pháp, văn thể họ đã chấp nhận. Những tác giả của những tập thơ đầu và những tập đoản thiên thứ nhất cũng được mau chóng biết tới. Đó là cái hiện tượng khá lạ lùng của văn chương tiểu thuyết miền Nam 1970, nếu chúng ta nghĩ rằng trước những gai lửa của đời sống thực tế, tâm thức và nhu cầu cấp thiết của con người biến chứng phải hướng tới những địa hạt khác không phải của văn chương và ngoài văn chương. Trong niềm khát vọng trốn chạy khỏi thực tại thù nghịch, văn chương tiểu thuyết với những thể giới của mơ mộng chìm đắm, tưởng tượng lộng lẫy, tình cảm lướt thướt, lại chính là những bờ bến huyền ảo cần thiết cho những viễn du chốc lát của tâm hồn? Văn chương chính là cái phiến trời xanh bao la đó cho những tâm mát ngọt ngào bị án ngữ,

những tia nắng của một phía thời thế mù sương, giống suối m. chảy giữa một vùng lửa cháy? Hiện tượng này có thể giải thích bằng nhiều cách. Điều hiển nhiên là trong cái rừng sách xuất bản hàng tháng được đổi thay, làm mới không ngừng, những truyện dài loại tiểu thuyết tình cảm là một tràn ngập lẫn lộn rõ rệt. Chúng đến từ những trang trong nhật báo. Bởi hết những nhà văn thuộc mọi khuynh hướng bây giờ, như một bài nhậ định của Võ Phiến, đều viết truyện đăng từng kỳ cho báo hàng ngày. Chúng đến từ những thế giới cá nhân của người viết 70 chỗ nhận một hòa nhập vào toàn thể, nhưng đồng thời cũng miễn liệt phản chống lại cái ý hướng đồng hóa tự nhiên của toàn thể. Văn chương tiểu thuyết đó là một sản phẩm thuần túy của những người viết sống giam hãm trong một vòng vây thành phố, thiếu những chân trời. Nói rằng phần lớn tiểu thuyết ta thiếu những không gian và những biển trời là như thế.

Trong bầu không khí quần quanh tù túng vây bọc lấy những thế giới sáng tác mỗi ngày một khép kín, một thu nhỏ, văn chương tiểu thuyết 1970 nghiêng nặng về kỹ thuật biểu hiện, mặc nhiệt đã thất bại trong ý hướng trình bày những nhận thức của nhà văn về xã hội, về đời sống, trước một thời thế quyết liệt mà tiếng nói, thái độ nhà văn, cần thiết và quyết định hơn bao giờ. Bảo rằng chúng ta tuyệt nhiên không có một tác phẩm nào ở đó nhà văn không chỉ dựng truyện mà còn lên tiếng, không chỉ nhicu ngẫm mà còn phán xét, không chỉ đắm chìm mãi miệt trong ngôn ngữ, mà còn làm sáng tỏ bằng văn chương những biến thiên và những tiến trình xã hội, là không đúng. Cũng không đúng hẳn, nếu bảo rằng trên cái ngưỡng động u uất nội chung của cõi văn chương tiểu thuyết tự vây hãm chính nó là đặc thù của sáng tác 70, chúng ta không có những phá vỡ, những luồng gió mới, những tìm kiếm, những lên đường. Nhưng mà những tác phẩm có từ một thái độ tích cực như vậy ít lắm. Dăm ba cuốn bút ký, hồi ký viết về từ mặt trận của những người viết trẻ, mà ý nghĩa của viết được coi như gần nhất với hành động, mới chỉ là những ghi nhận bằng, bằng giản lược của những người lữ hành đích thực đang đi sâu vào thực tế đất nước, nhưng chỉ thấy được cái bề mặt không thấy được những chiều sâu. Chúng là những « đoản văn

lộc tử » « những ghi nhận tại chỗ » ghép lại. Để cập tới những chủ đề văn chương lớn lao như đất nước, dân tộc, quê hương, thể hệ, chúng chưa có được những kích thước và cái khuôn mặt rực rỡ của những tác phẩm lớn.

Ở một địa hạt khác, nhỏ chắt, tách rời, ít vang động, là một số các nhà văn có tinh thần trường phái, chịu ảnh hưởng của trào lưu tiểu thuyết mới Âu Châu, với những nỗ lực vận dụng trí tuệ soạn thảo bằng hình thức tiểu thuyết, những tuyên ngôn mới cho vai trò của tiếng nói, định mệnh và cái trở thành của ngôn ngữ trước đời sống. Công cuộc này mới bắt đầu. Trong giai đoạn thí nghiệm. Chưa có những thành tựu. Văn chương thuần túy và trường phái này chỉ đi tới được một hình thành toàn vẹn, khi nó được xác nhận và thấy rõ như một trường phái mới.

● NHỮNG DIỄN ĐÀN ĐI DẦN VÀO IM LẶNG

Bỏ qua cái hiện tượng quái đản của báo ngày — mà, ngoại trừ một vài tờ có phong cách và tôn chỉ đứng đắn — còn đa số là những công cụ thương mại che đậy vụng về kịch cớm dưới những chiêu bài tranh đấu chính trị, vì dân, vì nước, khiến báo chí đang rơi xuống một vùng lầy xa đọa bí hiểm chưa từng thấy, những diễn đàn văn học nghệ thuật, tuần báo, tạp chí, bán nguyệt san v.v. thấy đều ở giữa một không hoang vắng trầm trọng. Về vật chất. Cũng như về tinh thần. Những trường hợp mệnh yểu càng khắp. Những diễn đàn thiếu tháng, thương binh, một sớm, một chiều, đầy đặc. Người ta không nhìn thấy những tòa soạn tổ chức chu đáo, có nền tảng vững vàng, quy tụ được những bạn đường nhất trí trong một bộ biên tập hùng hậu, là điều kiện tiên quyết cho một cơ quan văn nghệ muốn tồn tại, đi tới và đi xa. Còn nói gì đến ảnh hưởng, đến vang động. Còn nói gì đến những mục tiêu, những kế hoạch ngắn và dài hạn, muốn thực hiện muốn theo đuổi. Nếu nói báo chí văn học nghệ thuật là cái phần chủ yếu của hình thành và phát huy văn học nghệ thuật, thì cái phần sinh hoạt chủ yếu này mờ nhạt, vất vưởng suốt mười hai tháng của năm 1970. Những bài viết công phu nhất không được biết tới. Viết cứ viết, báo cứ chết. Những bài phê bình, nhận định, tranh

juận, đã kích dữ dội nhất cũng chỉ là những vang động ném từ một phía. Giữa báo chí duy trì một có mặt cực nhọc đầy miệt cưỡng và người đọc, là một cây cầu liên hệ đồ dẫn từng nhịp mỗi. Cho đến khi giữa hai bờ cách biệt, chỉ còn một dòng sông mang tên là thần nhiên.

Trước tình trạng này của báo chí văn nghệ thủ đô, những nhóm người viết trẻ các tỉnh, đặc biệt là ở những tỉnh miền Trung, đã có những cố gắng đáng khen ngợi là tạo dựng được một vài diễn đàn bổ túc cho địa phương mình. Trên những diễn đàn đó, cũng tranh luận, hội thảo, tuyên ngôn, lên tiếng. Nghĩ là cũng muốn nói lớn, làm lớn. Như những diễn đàn lớn. Nhưng sự thật là thủ đô đã khó, thì địa phương chẳng thể nuôi sống một tờ báo, dù làm báo bằng nhiệt tình và mồ hôi nước mắt. Trong suốt năm 70, là nhiều phong trào sinh hoạt địa phương kế tiếp nổi dậy và kế tiếp tan rã. Thiệp chí không dùng được gì. Làm văn nghệ bây giờ, cái khổ nạn nhất là không thể chỉ đơn thuần bằng thiệp chí. Đó là một sự thật. Sự thật tối đen của những diễn đàn đang đi dần vào im lặng.

● MỘT NĂM PHỒN THỊNH CỦA ÂM NHẠC VÀ TRÌNH DIỄN

Mỗi một vòm văn chương, chữ nghĩa, choáng váng trước thực tế xã hội gai lửa, lớp quần chúng thường ngoạn tìm đến những hình thái phổ biến nghệ thuật có sẵn, trước mặt, dễ dàng tiếp nhận hơn : nghệ thuật trình diễn.

Trong những ngành trình diễn chính như sân khấu, kịch nói, tuồng chèo, cải lương, âm nhạc, truyền hình, ngoài cái được mùa của điện ảnh đã nói ở phần đầu, hiện tượng sinh hoạt náo động xầm uất nhất là âm nhạc. Trong tiếng sừng nổ, cả nước đang sáng chiều nghe nhạc. Giữa những tiếng động đình tại như óc của thời thế rối loạn, âm nhạc là đối tượng của một kiếm tìm đông đảo. Những ca khúc diễm tình tiền chiến như hơi thở tuyệt vời duy nhất còn lại của một thời đã mất đang phục hồi đắm thắm trong thưởng ngoạn hiện tại là một bằng chứng. Những cuốn sách nhạc đem lời cho nhà xuất bản nhiều hơn một tác phẩm văn chương, những quán thu băng, những băng đĩa, mọc ra như nấm,

những chương trình tạp diễn ở đó âm nhạc bao giờ cũng là tiết mục chính yếu, là những bằng chứng khác. Trong một phái đoàn văn nghệ được mời xuất ngoại, trước những nhà văn, trước những ban kịch, những tiếng hát với kèn trống, dàn địch bao giờ cũng đi đầu, là một bằng chứng khác nữa về cái vai trò lấn lướt choán ngập của âm nhạc trình diễn trong sinh hoạt 70.

Âm nhạc nằm ngoài năm kia được đánh dấu bằng hiện tượng Trịnh Công Sơn qua những ca khúc than khóc quê hương tan nát. Tiếng than khóc ấy xuất phát từ một tuổi trẻ hoang mang, bị phân. Mùa nhạc này, những bài hát được thu bằng, thu đĩa, yêu cầu nhiều nhất là những ca khúc trữ tình tiền chiến, những sáng tác mới, náo nùng, lướt thướt, say đắm của Phạm Duy, Phạm Đình Chương.

Phong trào thưởng thức nhạc Việt, đặc biệt là những ca khúc êm dịu, với những lời hát ngợi ca hạnh phúc và tình yêu được giải thích bằng hai cách. Thứ nhất, nó là biểu tỏ tất nhiên cái khuynh hướng của quảng đại thưởng ngoạn khát khao những rung động và không khí thời bình bởi không có với hiện tại khốc liệt này nên chỉ có thể kiếm tìm trong những vang vọng xa thẳm vớt lên từ kỷ niệm, từ quá khứ. Tâm trạng này phản ánh một mâu thuẫn: trong sự chấp nhận chiến cuộc như một vận nạn dân tộc lại có cái phản ứng chối từ và đối kháng tiêu cực một cuộc chiến đã chịu đựng đến mức tối đa. Thứ hai, âm nhạc trữ tình là một vỏ về lý tưởng cho một ý thức vẫn sáng suốt nhưng đã mỏi mệt và chứa đầy ngờ vực. Đó là vùng trú ẩn dịu dàng, niềm lãng quên chốc lát cho cả một lớp người thành phố thu mình trong những cái vỏ an toàn, chỉ nhìn thấy chiến tranh qua một ánh hỏa châu.

Tác dụng truyền cảm và vận động hữu hiệu của âm nhạc trong năm qua, do đó chỉ làm thỏa mãn được một phía thưởng ngoạn trưởng giả mà không được xử dụng cho những công tác tác thiết khác. Những cuộc xuất ngoại trình diễn mấy năm trước vì tắc trách, bẽ bối, giao lầm vào tay bọn con buôn làm áp phe nghệ thuật đã khiến cho nhiều kế hoạch xuất ngoại mới được dự trù cho năm qua phải hủy bỏ. Những phong trào nhạc trẻ tuy vẫn có sinh hoạt nhưng đã mất đi cái náo động thời đầu. Âm nhạc

1970 cuối cùng là nhạc giải trí, nhạc phòng trà. Ngoại trừ một số sáng tác có từ điệu và rung động mới, mà phần lớn là nhạc phổ thơ, không khí âm nhạc thủ độ mười hai tháng vừa qu chỉ là cái kéo dài của nhạc tiền chiến.

● NGHE NHƯ VỞ ĐÁP ÁO QUAN

Câu thơ bi đát mượn làm tiêu đề trên đây cho một kiếm tìm lướt thoáng về kịch là của Trần Lê Nguyễn một người làm kịch không bao giờ toại nguyện. Thêm một năm nữa nối tiếp vào những năm buồn bã trước, sân khấu thủ độ vẫn im lặng và tối đen. Đèn màu chẳng thấy cháy sáng cho những vở kịch và những tổ chức kịch được biết đến những chiều lộng lẫy. Một vài đoàn kịch nặng trĩu tính chất tuyên truyền chậm tiến trình bày trên màn ảnh nhỏ, đôi ba tối kịch mới xem không, những hoạt động hữu hạn của kịch trong giới sinh viên và của Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị không thể coi là những thành tích xứng đáng đánh dấu cho tầm quan trọng hàng đầu phải có của sân khấu trong sinh hoạt toàn thể. Người đọc ít đọc kịch, ngoại trừ một thiểu số phân biệt được thể nào những là điểm khác biệt căn bản của kịch phẩm so với những thể loại sáng tác khác của văn chương. Kịch viết ra, không được diễn. Những người viết kịch phần lớn đã chuyển hướng. Cho một mùa kịch chết, những sáng tác cũng nghèo nàn. Ngoại trừ trường kịch « Những người không chịu chết » của Vũ Khắc Khoan vừa viết xong trên tạp chí này, và tuy chưa kịp in thành sách nhưng đã được dựng mới đây trên một sân khấu Đà Lạt, vì tình trạng thiếu vắng kịch bản, một vào tổ chức muốn làm sống lại sân khấu, đã tính tới dựng lại những vở kịch thơ và suối tiền chiến. Nhưng tất cả vẫn chỉ là những phác họa và dự thảo. Hết năm 1970 và sang tới 1971 chắc chắn cũng sẽ như vậy, sân khấu Việt Nam chết lặng từng mùa, chưa thể nhìn thấy cho nó một hồi sinh. Thành thực là những người làm kịch lạc quan và nhiệt tình nhất cũng không nhìn thấy cho sân khấu năm tới một triển vọng nào hết.

● NHỮNG NÉT LỚN, NHỮNG NÉT NHỎ.

Bài tổng kết giản lược và không toàn vẹn này dành bỏ qua ngành hội họa, phiên dịch, kiến trúc, vì người viết không theo dõi. Thơ cũng vậy, mặc dầu trong năm 1970, mấy tập Sa mạc Phát Tiết, mùa Thu Trong Thi Ca do nhà An Tiêm xuất bản đã giới thiệu Bùi Giáng, nhà thơ lớn của thi ca miền Nam, như một tài năng xuất chúng, một kho tàng ngôn ngữ vô tận và rung động tràn đầy. Nhìn chung và trên những nét lớn, chúng ta có thể đi tới kết luận này là thời thế giao động đang đẩy văn học nghệ thuật miền Nam tới một ngã ba đường. Chiến cuộc xem chừng lắng dịu nhưng hòa bình vẫn còn là ảo tưởng. Trong cái không khí tranh tối tranh sáng kéo dài, một năm văn học nghệ thuật mờ nhạt, hoang mang, đầy phân vân và đầy ngờ vực đã qua đi, không để lại được một vang động đáng kể nào trong đời sống hướng tới những chiều hướng khác. Hết thấy mọi cố gắng lớn nhỏ chỉ nhằm duy trì một có mặt. Cuối cùng là văn học nghệ thuật miền Nam 1970 đã không thực hiện được vai trò của nó, bởi cái lẽ giản dị là những nhân đường chưa xong, khi ở phần lớn những trường hợp vẫn thiếu những kim chỉ nam cho sáng tác cũng như cho hành động.

mai thảo

TRẦN THỊ TUỆ MAI

khuôn mặt ngủ

Thôi xin trăng đừng vào
màu trăng hiu quạnh quá
trong đêm trường xanh xao
để làm tôi nức nở

Thôi xin gió đừng lên
cánh sầu chưa khép kín
giấc sầu chưa dỗ yên
để làm tôi chết lạnh

Tình đã xa muôn trùng
còn thấp hoài ngọn đò
thuyền đã chìm đáy sông
còn nghe hoài sóng vỗ

Xin mắt thôi lệ hờn
xin lòng thôi đau thương
xin vỡ tan hình ảnh
xin trả nhau tâm hồn.

trần thị tuệ mai

VŨ KHẮC KHOAN

xuân, trích thư nói về túy bút

Thưở ấy, khi rượu nho ủ kín từ mùa thu bắt đầu cựa quậy lên men ; khi vầng trời Địa Trung Hải vừa rũ sạch bụi xám mây cuối mùa đông để trở về màu thiên thanh nguyên thủy ; khi con trai và con gái thành Athènes nhìn nhau để chọn màu áo, nắm tay nhau nhịp bước ra khỏi cổng thành, má au hồng mà nghe mùa xuân rạo rực từ lòng huyết quản ; khi đồi, núi, sông biển và lộc cảnh nho, tất cả tự động quay cuồng trong một cơn say mênh mông vô tận ; thì từ ngàn xưa, hồn hoang thần Dionysos cũng tự lòng đất được ra khỏi cũi u minh thần thoại, thơ thần đầu ngọn cỏ, vương vất nơi cành cây, thắm ước tái sinh, đợi giờ nhập thể. Trong cơn say đó, nghệ thuật thành hình.

Chị Nguyễn, kính,

...Chưa hết. Người ta lại vừa nêu thêm lên một thuyết nữa. Thuyết cơ cấu. Và những danh từ riêng Lévi-Strauss, Roland Barthes, Starobinski cộng với những danh từ chung mang một âm hưởng ảm ở khoa học degré zéro de l'écriture, texte limite, signifiant, signifié, habitat eunuchoïde, viriloïde... tất cả đã đồng lõa lập thành một thứ ngôn ngữ thời thượng. Tôi có cảm tưởng, tựu chung, người ta không tiến không lui, người ta vẫn đứng nguyên vị ở cái ngã tư bế tắc mà cả hai đường phải trái đã tự

lâu cầm cao tắm biển một chiều. Một chiều Marx và một chiều Freud. Lucien Goldmann và Charles Mauron. Tự chung, cái mà người ta muốn khám phá trong tác phẩm nghệ thuật, tôi nghĩ rằng cái đó vẫn ở đó, vẫn như thế, người đạt tới vạt đến, vạt đi, đến đó, đi đó. Như lại.

...Tôi nghĩ rằng lũ chúng ta chỉ là một lũ người tuy gần sạch nghiệp nhưng vẫn còn bị ám ảnh bởi một cái gì — một cảm giác mơ hồ về một hành-động-đã-lỡ, một gợn tâm tư, một hình-như-kỷ-niệm. Ở ngay hôm nay này mằm trong yên lặng. Ở một kiếp nào đây đưa đến mãi hôm nay. Hình như, hình như trong tận cùng sâu thẳm tâm thức chúng ta, vài mảnh hồn hoang vẫn còn lẩn náu, bởi còn quyến luyến hương và vị cuộc sống mà chưa chịu đầu thai. Có những đêm, trông mắt muốn khép kín bưng mà vẫn mở rộng, hút dấn vào cái hình thù quái đản một đôi thạch sùng quẩn quít, ta bỗng thấy bỗng bênh lạc vào một bến nước lạ, lạ đấy mà lại như quen. Có những nửa khuya, một tiếng gà gáy lẻ không chờ không đợi, bỗng dưng lọt kịp được vào cái nhịp xao xuyến tâm thức chúng ta, để trong một xái na ngỗ ngang, ta ngẩn ngơ thấy ta không còn hẳn là ta, ta hình như đã là một cái gì, ta rời ra hình như sẽ phải là một cái gì. *Ta tưởng ta là Đường Minh Hoàng.*

Đó. Chạy thấy không? Cái đó chính là cái đó. Và đó cũng là cái khổ của chúng ta. Chúng ta bị ma làm. Chúng ta bị tà ép.

Quên? Giơ cao bàn tay mặt để tuyên thệ suốt đời lẻo đẻo tuân theo một nếp kỷ luật, khoác một chiếc áo đen, xuống một mớ tóc, dầy một con sào cho bến này chông chênh nối tiếp bến khác để luôn luôn núi sông người và cây cỏ biển ảo trước đôi mắt lúc nào cũng muốn ngơ ngơ ngác ngác, ngồi xuống theo một thể kết già để lọt được vào cái trống rỗng của thiền, hay yêu, hay thù, hoặc ngập lặn trong nhầy nhụa của truy lạc — chị Nguyễn ạ, có lúc nào mà con người sao lảng cái công cuộc khám phá phương cách để quên đau? Nhưng tôi nghĩ rằng quên chỉ là thỏa hiệp, quên không dứt khoát, quên không giải quyết. Vấn đề sẽ còn nguyên vẹn — nổi tằm tức những mảnh hồn hoang lẫn thẩn trong ta —, vấn đề sẽ lại đặt ra, ở một giây phút nào đó ngay trong hiện

kiếp, ở một kiếp nào đó, nghiêm trọng hơn nhiều. Phải giải quyết, nghĩa là thanh toán cái đám u hồn tà mà ám ảnh chúng ta. Chúng ta có thể làm được việc đó, chính chúng ta, hình như chỉ chúng ta. Bằng viết. Viết như một truy kích tà ma. Viết như một vận dụng quyền uy phù thủy mà âm binh là những ngôn từ. Tôi biết rằng đã có những phù thủy vì non tay ấn bị vật ngã bởi chính âm binh của mình. Một người phù thủy tự trọng phải có gan dẫn thân vào một hành trình không thường (bất buộc, vì trong trường hợp chúng ta, phù thủy với con bệnh lại là một), nơi xuất phát là vùng ý thức sáng rực mặt trời manh nha tự cái riêng biệt của hiện tại hực sôi thế sự, hểm sâu tiềm thức đặc quanh ẩn ức chỉ là trạm nghỉ chân, nơi tới chính là trung tâm cơn lốc xoáy tròn ốc của mệnh mang vô thức nguyên thủy mà hấp lực — cường độ tương xứng nhịp rung động tâm thức chúng ta — hấp lực có thể nghiêng nất tất cả quá khứ lẫn vị lai, bóp vụn tất cả hình hài của vạn vật sinh sinh hóa hóa. Người phù thủy giữ vững tay quyết, mở ngõ sáu giác của mình, chiếu dụ cơn lốc nhập vào thân xác, choáng váng đảo đồng, trở thành cơn lốc, đề rời giữa cơn « *lúy lúy cần khôn* », đánh vần từng tiếng, xếp đặt từng câu, kiến trúc những thế giới rất thực mà lạ hoặc, xây dựng những vũ trụ hoang đường nhưng quen thuộc, nhào nặn những nhân vật tuy quái đản mà lại rất người, bố trí những thế sống vừa đặc biệt lại vừa thường nhật. Đề hình thành cái mà người đời thường gọi là tác phẩm.

Tôi không cười khi nghĩ rằng chúng ta là một lũ thượng đế. Bởi chúng ta sáng tạo.

Tôi không cười khi nghĩ rằng chúng ta trở thành một lũ a la hán. Bởi chúng ta đã vượt khỏi cái vòng kiềm tỏa của nhân duyên bám rễ tự những hằng hà sa số kiếp nào. Bởi những u hồn lẫn quất trong ta, như những con trùng vi ti gập sức đối kháng trụ sinh, khi con-đồng-phù-thủy đã tỉnh cơn say choáng váng, *bất say* dừng lại, tác phẩm thành hình, những u hồn đó sẽ ôm nhau than khóc, sẽ rủ nhau bằng bế đi khỏi thân xác chúng ta.

... Như vậy, trước hết và ở ngay ý hướng ban đầu, ngay nơi căn bản, viết chỉ là vì mình. Nhưng nếu người đọc cũng thấy ngây ngất lây men *lúy lúy bất*, nếu đọc có thể trở thành một nhận

diện tà ma ở ngay nơi thân xác người đọc, thì... đó không phải là lỗi mà lại càng không phải là công của người viết. Có phải không, chị Nguyễn?

...Tôi chắc bây giờ thì chị đã hiểu tại sao tôi lại dùng dash từ *táy bát*. *Táy* chứ không *tày*. Chị thấy không, tôi đâu có lập dị?

...

vũ

1-1971

TÙY ANH

một thất bại huy hoàng

Chiến tranh Việt Nam không phải là một vở dài cần có khán giả. Các phe làm chiến không bao giờ muốn có những người Việt đứng ngoài, chứ đừng nói là đứng ngoài đề mà phản đối.

Thế nhưng vẫn có những người Việt muốn đứng ngoài, vẫn có những người Việt không tìm thấy lý do để cho cuộc chiến này kéo dài.

Không chấp nhận chiến tranh đã khó, cố gắng bày tỏ thái độ phản chiến căn cứ trên hy vọng sống còn sau những tháng ngày dài xao trộn trong lửa đạn hận thù là một điều khó hơn.

Phản chiến, đối với người Việt, nếu không phải là một thái độ phản kháng liều lĩnh thì cũng là một hành động « từ mệnh » nguy hiểm.

Thế nhưng vẫn có ý thức phản chiến, vẫn có trực giác phản chiến. Và có thể nói, trực giác của người Việt phản chiến là trực giác về một hoàn cảnh bế tắc và bi đát cùng cực, đồng thời cũng là trực giác về những điều kiện sống còn tối hậu. Nếu không có ý thức và trực giác đó thì hẳn đã không có những người dám đem tự thân làm ánh đuốc nguyện cầu và cảnh tỉnh như Nhất Chi Mai...

Nếu nhờ một phép lạ nào đó mà hòa bình Genève 1954 có thể kéo dài được đến hôm nay thì có lẽ người Việt sẽ không bao giờ có cơ hội để được thấy rằng cái vinh quang lịch sử của dân tộc Việt Nam khi đuổi được thực dân Pháp sau 80 năm bị trị quả thực chỉ là một vinh quang phù du thoáng hiện những mầm mống ác hại làm tiêu tan hy vọng tự do, hạnh phúc, độc lập của người Việt, và có thể làm hoen ố cả sự nghiệp của chính những người đã có công đầu trong cuộc kháng Pháp...

Những mầm mống ác hại đó đã phát tác từ ngót mười năm nay, cái cộng nghiệp lịch sử bị đất đó đã đem hoa kết trái ngót mười năm nay : những hoa độc và trái đắng đã biến Việt Nam thành một hỏa ngục trần gian. /

Cũng vì muốn đánh « Mỹ-Ngụy », thống nhất đất nước để hoàn thành một sứ mạng có tính cách quốc tế cho nên công lao xây dựng miền Bắc ngót mười năm sau Hiệp định Genève đã nát tan vì phi pháo của Mỹ. Những người dân miền Bắc chưa đủ thời giờ thử nghiệm nếp sống thản nhiên mà Xã Hội chủ nghĩa hứa hẹn đi phải chật vật trở lại nếp sống tay súng tay cày. Bao nhiêu thanh niên phải từ giả gia đình, trường học, ruộng vườn lên đường vào Nam, sang Lào, sang Cam Bốt đem xương máu duy trì vinh quang cho Đảng, cho Nhà Nước...

Nếu miền Bắc là một trại tập trung khổng lồ nhằm mục đích nuôi dưỡng chiến tranh thì miền Nam là một vùng lầy bị đất đai và đang quần quai chịu đựng mọi thăng trầm của chiến tranh giải phóng và chiến tranh chống Cộng.

Bao nhiêu thanh niên đều được vét sạch đưa ra trận. Thành thị trở nên những cứ điểm an toàn giả tạo và băng hoại ; nông thôn trở thành vùng oanh kích tự do. Một Đại úy Mỹ, con rể của TT Johnson, tiết lộ rằng trong thời gian chiến đấu ở VN, có lần ông đã phải ra lệnh cho binh sĩ dưới quyền là phải « Bắn chết tất cả những gì động đậy và đốt phá tất cả những gì không động đậy ». Tiêu lệnh hành quân của Đại Hàn đôi khi còn minh bạch hơn : « Làng nào có tiếng súng là làng đó bị tiêu diệt ».

Chủ thuyết và quyền lợi của ngoại nhân đã và đang biến thành lý tưởng đấu tranh của những người Việt ở bên này và bên kia vĩ tuyến. Và những lý tưởng đấu tranh ấy lại cũng đã trở thành bom đạn tàn hại chính những người Việt. Một thống kê bán chính thức và có thể còn rất xa thực tế đã ghi nhận rằng trong khoảng 30 tháng (từ tháng 07.1965 đến tháng 11.1967) nguyên số bom mà phe « Đồng Minh » đã dùng nếu đem rải đều từ Bắc chí Nam và chia đều cho người Việt bất kể già trẻ thì mỗi cây số vuông sẽ nhận được *bảy tấn rưỡi*, và mỗi nhân khẩu sẽ được *bốn mươi lăm ki lô* !

Thảm trạng đó do đâu mà có ? Tại sao lại có cảnh người Việt giết người Việt ? Tại sao miền Bắc lại trở thành một chiến tuyến của Xã hội chủ nghĩa chống đế quốc Trắng và miền Nam phải nhận thân phận một tiền đồn của Khối Tự Do chống đế quốc ~~Đỏ~~ ?

Thế chiến thứ hai là một cơ hội ngàn vàng cho người Việt Nam kết hợp nhau đánh đuổi thực dân và giành lại độc lập dân tộc. Trong lúc cấp thời, các cá nhân và đoàn thể ái quốc đã liên kết với nhau hướng dẫn toàn dân kháng chiến. Nhưng cũng từ khởi điểm, liên minh ái quốc lãnh đạo kháng chiến này đã không loại bỏ được hết mọi bất đồng: lòng ái quốc có thừa nhưng những thành phần trong liên minh cách mạng này lại cũng có thừa những dị biệt về chính kiến và tư lợi.

Tình trạng đó càng trở nên trầm trọng vì những âm mưu tái đồ hộ của Pháp sau năm 1945 cũng như vì thái độ và chủ trương của nhóm lãnh tụ Cộng Sản VN trong liên minh kháng chiến.

Người CSVN đã tranh được lợi thế và cuối cùng đã nắm trọn quyền lãnh đạo kháng chiến, dần dần đẩy những thành phần ái quốc không Cộng Sản vào thế thụ động và phản động bất đắc dĩ. Mầm mống của cuộc nội chiến Quốc-Cộng chính là ở đó.

Người Cộng Sản VN tranh được lợi thế như vậy vì từ sau thế chiến thứ hai phong trào Cộng Sản quốc tế, nhờ thời cơ, đã

biến thành một trong những phương tiện hữu hiệu và quyết định đối với khối những quốc gia cựu thuộc địa đang vùng lên để tranh cho cảnh mạng và độc lập. Với lòng tin mãnh liệt vào ý thức hệ, những người CSVN đã vội tin rằng Cộng Sản là phương thức duy nhất để chống thực dân Pháp và xây dựng lại quốc gia. Thế là họ nhất quyết loại trừ những kẻ không đồng chính kiến, nhất quyết ứng dụng ý thức hệ Cộng Sản vào thực tế xã hội Việt Nam. Quan điểm của họ đã thúc đẩy họ xem những người không đồng chính kiến là thù nghịch, thái độ bất tín vào lý thuyết đã thúc đẩy họ đối xử với những người không đồng quan điểm như là phản động. Hoàn cảnh phức tạp lúc bấy giờ đã che đậy những thái độ sai lầm đó và ý chí ái quốc của toàn dân lúc bấy giờ đã vô tình biện minh cho những toan tính độc quyền và độc tin đó.

Những người ái quốc không Cộng Sản đã không có được lợi thế về cả hai phương diện chủ thuyết và hành động. Họ chỉ có một tinh thần ái quốc đơn sơ, chỉ có những kỹ thuật hành động dựa trên một vài cảm hứng từ những chủ thuyết của Nhật, của Trung Hoa. Nhưng Nhật và Trung Hoa lại là những quốc gia đang bại trận và suy sụp. Đó là chưa kể những người không Cộng Sản đã không tiên liệu đủ, đã không đủ thủ đoạn để đối đầu với những mưu định độc quyền lãnh đạo kháng chiến của các « đồng chí » Cộng Sản của họ trong liên minh kháng Pháp.

Bị loại khỏi hàng ngũ kháng chiến, những người không Cộng Sản chỉ còn hai đường để lựa chọn : hoặc trở thành tiêu cực, hoặc thỏa hiệp vì quyền lợi hay tự ái.

Người Cộng Sản càng cứng rắn, cố tin bao nhiêu thì những người không Cộng Sản càng dè chừng lo sợ, càng bám víu vào thì lực ngoại lai bấy nhiêu.

Tình thế đó kéo dài cho đến khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc bằng thỏa ước Genève tháng 07-1954 dành cho những người Cộng Sản quyền lãnh đạo nửa nước VN.

Lòng tin sắt đá vào ý thức hệ của những người Cộng Sản VN đã được đền bù; sự nghiệp cách mạng của những người Cộng Sản VN đã hoàn thành tuy không huy hoàng nhưng không phải là không vẻ vang.

Nhưng tham vọng đấu tranh của người Cộng Sản VN và ý đồ của Cộng Sản quốc tế lại không chỉ dừng lại ở vinh quang dĩ đang đó. Vinh quang Điện Biên Phủ phải trải khắp Đông Dương chứ không chỉ dừng lại ở vĩ tuyến 17. Đà tiến của khối Cộng Sản quốc tế không thể chỉ tràn đến Bắc VN mà thôi. Bắc VN chỉ là phần đề trong quá trình biến chứng Cộng Sản hóa Đông Dương chứ chưa phải là hợp đề của biến chứng này. Phần đề đó khối Cộng Sản đã đạt được nhờ thỏa ước Genève. Hòa bình Genève chỉ là một giai đoạn ngưng nghỉ và chuẩn bị chờ đợi cơ hội thuận tiện cho phần đề ấy khởi động tiến đến hợp đề.

Quả vậy, hòa bình Genève chỉ là một thỏa hiệp ngưng chiến tạm thời, một cuộc ngưng bắn và khu quân để thực hiện tổng tuyển cử. Nhưng tất cả các nước đặt bút ký thỏa ước đó hẳn đã không bao giờ tin rằng sẽ có tổng tuyển cử vào năm 1956. Nói thế khác, thỏa ước Genève không phải đã phản ảnh sự chân thành tương tin của các phe liên hệ nhưng chính là đã hàm ẩn những mưu định vi phạm và phản bội những điều được thỏa thuận của mọi phe. Phạm trường của những vi phạm và phản bội chính là Nam VN, một môi trường thích hợp cho chiến tranh vi trường đang bị ung thối bởi hiểm họa khiếm khai, bạo động và phân hóa thể hiện qua những tệ trạng thông thường như bất công, áp bức, tham nhũng, kỳ thị...

Trong khi tại miền Bắc, tập đoàn lãnh đạo chính quyền đã lần hồi thanh toán được những hiểm họa và tệ đó bằng chế độ chuyên chế thì tại miền Nam những người không chấp nhận chủ nghĩa Cộng Sản đã không hề thành đạt được một phương thức lãnh đạo và hành động hợp lý nào cả.

Cuộc chiến tranh giải phóng đã được phát động trong hoàn cảnh ấy. Một lần nữa, người Việt lại giết người Việt, một lần nữa những danh nghĩa « Giải Phóng », « Tự Do » lại được đem ra xử dụng như chiêu bài để biện minh cho những hành động hoặc để bảo vệ dĩ vãng cách mạng, hoặc để bảo vệ quyền

lợi của những tập đoàn lãnh đạo của cả hai miền Bắc và Nam VN.

Điều khác biệt là lần này cuộc chiến đã không thuần khiết mang sắc thái của một nội chiến nhưng đã trở thành một thế chiến tranh ủy nhiệm. Miền Bắc dấn thân vào chiến tranh không chỉ để « giải phóng miền Nam khỏi tay nguy quyền » nhưng là còn để thực hiện sứ mạng của một « chiến tuyến lớn của Xã Hội chủ nghĩa chống đế quốc Trắng » ; miền Nam dốc toàn lực vào chiến tranh không chỉ để « chống CSBV xâm lăng » nhưng là còn để chu toàn sứ mạng một « tiền đồn của Khối Tự Do chống đế quốc Đỏ ». Ngót mười năm nay không biết bao nhiêu máu xương của người Việt đã đổ ra để củng cố cho chiến tuyến đỏ và tiền đồn trắng đó.

Chỉ cần nhìn lại một vài đường nét chính của lịch sử hiện đại cũng đủ thấy cái sứ mạng ủy nhiệm mà cả hai miền Nam và Bắc VN đang theo đuổi vì quyền lợi quốc tế đã được cấu thành thế nào.

Thế chiến thứ hai kết thúc, những đế quốc kỳ cựu như Anh, Pháp, Đức, Nhật đã kiệt quệ, suy tàn. Trung Hoa thì đang khởi đốn vì nội chiến và sự lãnh đạo sai lầm của Quốc Dân Đảng. Vận mệnh thế giới do đó đã hoàn toàn lọt vào tay Nga, Mỹ.

Với hội nghị Yalta, thế giới đã được mặc nhiên chia thành hai vùng ảnh hưởng, một nằm trong quỹ đạo Tư Bản chủ nghĩa do Mỹ lãnh đạo và phần còn lại do Nga kiểm soát. Trung Hoa Quốc Dân Đảng thời bấy giờ là của Mỹ. Nga đã mặc nhiên chấp nhận sự kiện ấy để được Mỹ nhượng phần thống thuộc các nước Đông và Trung Âu.

Xét theo quan điểm chia đôi thiên hạ đó thì Việt Nam sau đệ nhị thế chiến là phần thuộc ảnh hưởng của Mỹ. Cũng vì vậy mà tướng Lư Hán mới được ủy quyền tiếp thu Bắc Việt và tướng Gracey của Anh lãnh nhiệm vụ thu hồi Nam Việt cả trong tay người Nhật lẫn người Pháp. Cuộc chiến chống thực dân dành độc lập của người Việt đã phát khởi trong thời gian này. Và đây cũng

ng vừa có tính cách nội chiến, vừa mang sắc thái của một chiến tranh ủy nhiệm đã và đang diễn ra ở Việt Nam như bao lâu chính là thời gian mà mầm mống của quá trình tranh chấp Quốc-say. Mầm mống ấy có thể nói đã tạo ra vì hai duyên do : thứ nhất là mưu định tái đồ hộ Việt Nam của Pháp, thứ hai là tham vọng biến Việt Nam thành một quốc gia độc lập trong khối Xã hội Chủ nghĩa của những lãnh tụ Đông Dương Cộng Sản đảng vốn là thành phần chủ lực trong liên minh quốc gia chống Pháp.

Từ năm 1950, Trung Hoa thực sự lọt vào vòng kiểm soát của đảng Cộng Sản. Bản đồ thế giới do Nga và Mỹ vạch ra từ sau thế chiến thứ hai đã phải thay đổi lại và kẻ phải quan tâm nhiều nhất chính là Mỹ mà hành động cụ thể đầu tiên là Mỹ từ bỏ những lời tố cáo Pháp là thực dân và đồng thời bắt đầu chịu nhận một phần gánh nặng của chiến cuộc Việt Nam cho Pháp : tiền bạc và vũ khí Mỹ bắt đầu được đổ vào Việt Nam. Hòa bình Genève, như đã nói chỉ là hậu quả của một thỏa hiệp quốc tế tạm thời giữa Cộng sản và Tư bản.

Thời gian từ 1954 đến 1960, cả Nga và Mỹ đều cố gắng tạo điều kiện để « sống chung hòa bình » cũng vì vậy mà Mỹ đã nhắm mắt làm ngơ trước vụ quật khởi Hưng Gia Lợi trong khi Nga muốn hợp thức hóa vĩnh viễn « hai nước Việt Nam » bằng đề nghị để cho cả Nam và Bắc cùng vào Liên Hiệp Quốc.

Nhưng cũng từ năm 1956 sự xung khắc Nga — Trung Hoa đã chớm nở và lên đến cao độ vào năm 1960. Hệ luận đương nhiên của những lời Trung Hoa tố cáo Nga là « xét lại » vì sợ con hổ giấy Mỹ là Trung Hoa đã phải trợ Bắc Việt khởi phát cuộc Nam tiến dù phải trực tiếp đụng độ với Mỹ. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã hình thành trong hoàn cảnh ấy... Tiến trình chính trị này lại cũng đã gần như song hành với chính sách chiếu cố Á Châu của Mỹ.

Quả vậy, một khi Âu Châu tự do đã được xem như tạm thời ổn định dưới chiếc dù nguyên tử của liên phòng Bắc Đại Tây Dương thì Mỹ có thể rảnh tay quay về Á Châu để tự diễn khuyết vào những địa vị đang bị bỏ trống do sự thất thế của những cựu đế quốc Anh, Pháp tạo ra.

Để chống lại ảnh hưởng của Cộng Sản trong khối cựu thuộc địa của Anh, Mỹ đã lập ra liên minh ANZUS năm 1951 và CENTO năm 1955 ; để ngăn chặn ảnh hưởng của Cộng Sản trong khối cựu thuộc địa của Pháp, Mỹ đã lập ra liên minh SEATO năm 1954, đó là chưa kể những liên minh song phương giữa Mỹ với Phi Luật Tân năm 1951, với Cao Ly năm 1953, với Đài Loan năm 1954, với Nhật năm 1960.

Những liên minh quân sự đó cho phép Mỹ thực hiện một vòng đai lửa ngăn chặn sự bành trướng của Cộng Sản ở Á châu và nhất là ảnh hưởng của Trung Hoa ở Đông Nam Á. Đông Nam Á mà rơi vào quỹ đạo của Trung Hoa thì Thái Bình Dương sẽ biến thành một « biển đỏ » mở đường cho Cộng Sản khuấy động chính châu Mỹ. Cũng vì thế mà Mỹ đã quyết biến những quốc gia bao quanh Trung Hoa thành những pháo đài chống Cộng. Nhật, Cao Ly, Đài Loan, Thái... là những pháo đài loại đó. Đó là chưa kể đến những căn cứ quân sự vĩ đại di động như Hạm Đội thứ bảy, cố định như Okinawa, Midway, Wake, Kwajalein, Guam... Nhưng đáng lưu tâm hơn tất cả là Nam VN, một điểm quan yếu nhất nhưng lại cũng là điểm yếu nhất. Tháng 06.1961, sau chuyến công du ở Nam VN về, Phó TT Johnson đã phúc trình lên TT Kennedy rằng : « Chính tại Nam VN mà chúng ta phải có quyết định căn bản cho cả vùng Đông Nam Á. Chúng ta phải quyết định hoặc hết sức giúp đỡ các quốc gia này, hoặc bỏ rơi họ và lui tuyền phòng thủ của chúng ta về tận San Francisco... ».

Chính trong mục đích đó mà Mỹ đã chủ trương chính sách bảo trợ Đông Nam Á và Nam VN, biến Nam VN thành một điểm nóng hoặc đề ngăn chặn Trung Hoa hoặc để có dịp thanh toán Trung Hoa.

Đối phó với chiến lược domino của Mỹ, khối Cộng Sản quốc tế và riêng Trung Hoa đã không định phá vòng vây nhưng chỉ phản ứng bằng cách tạo cơ hội cho Mỹ sa lầy. Hậu quả của phản ứng đó là cuộc chiến tranh giải phóng tại miền Nam VN đã bị biến thành một phương tiện chiến thuật của chiến lược biến Nam VN và cả Đông Nam Á thành một vùng lầy cho Mỹ sa chân trong khi Bắc VN được toàn khối Cộng sản quốc tế hỗ trợ để biến thành một tiền tuyến lớn của Xã Hội chủ nghĩa.

Cuộc xung đột Nga-Hoa càng trầm trọng, hành động của Mỹ ở VN càng cứng rắn thì những cố gắng hỗ trợ cho cả hai nước này đối với Bắc VN càng dồi dào. Càng được hỗ trợ dồi dào thì Bắc Việt càng lệ thuộc, càng không thể lùi bước trong việc trực tiếp đối đầu với Mỹ. Chiến tranh giải phóng đã biến thế thành con ngựa thành Troie cho những tranh chấp quốc tế. Nga và Trung Hoa, qua trung gian của Bắc VN, đã dồn Mỹ vào thế khó khăn, tiêu hao cả uy tín và nhân vật lực mà chẳng cần tốn một giọt mồ hôi hay một giọt máu. Chỉ có máu của người Mỹ, và nhất là máu của người Việt của cả hai miền Nam Bắc đã đổ ra mà thôi.

Máu của người Mỹ đã đổ ra vì những toan tính sai lầm của họ ở Á châu và Đông Nam Á ; máu của người Việt đổ ra vì cả Bắc lẫn Nam VN đều đang bị đẩy tới chỗ phải can đảm đương một cuộc chiến ủy nhiệm vừa để bảo vệ quyền lợi cho những đồng minh lớn, vừa để bảo vệ uy danh và sự nghiệp cách mạng của thiểu số lãnh đạo chính quyền miền Bắc và bảo vệ quyền lợi của thiểu số lãnh đạo chính quyền miền Nam...

Những người VN đã vì yêu nước mà gặp nhau, đã vì xung đột chánh kiến mà xa nhau, đã vì quyền lợi riêng của phe phái hay cá nhân mà thù nghịch nhau. Người « Cộng Sản » nhất quyết đánh đến cùng vì dĩ vãng và sự nghiệp cách mạng ; người « Quốc gia » cũng nhất quyết đánh đến cùng vì quyền lợi riêng tư của mình. Trung Hoa, Nga và Mỹ cũng nhất quyết đánh đến người Việt cuối cùng vì uy tín và quyền lợi quốc tế.

Chiến tranh càng kéo dài thì hố ngăn cách giữa người Việt với người Việt càng lớn. Hố ngăn cách giữa người Việt với người Việt càng lớn thì chiến tranh càng có điều kiện để kéo dài. Vô tình hay cố ý những người Cộng Sản VN lẫn những người Quốc Gia đã trở nên đạo quân thứ năm khai lối cho những áp lực và can thiệp quốc tế ngày một nặng nề và tàn hại đối với chính dân tộc Việt Nam.

Phe Quốc Gia đã muốn chiến thắng bằng máu Việt, tiền Mỹ. Phe Cộng Sản lại muốn chiến thắng bằng máu Việt và súng đạn của Nga, của Trung Hoa. Cả hai phe đều đã nhân danh quyền lợi của dân tộc mà đây đưa xứ sở vào vòng lửa đạn, đã nhân

danh dân tộc để chiến đấu cho vinh quang của ý thức hệ Marx—Lénine, của chiến thuyết Mao Trạch Đông, của chủ thuyết Lincoln, của những ngân hàng Wall Street. Hậu quả là cả hai phe Quốc, Cộng đều bị lệ thuộc và đã tranh chấp vì sự lệ thuộc quốc tế hơn là quyền lợi của chính dân tộc,

Từ khởi điểm, cuộc tranh chấp Quốc — Cộng chỉ là tranh chấp giữa hai thiểu số. Nhờ cơ duyên lịch sử cũng như hoàn cảnh quốc tế, những thiểu số này đã nắm được vận mệnh của cả dân tộc. Do đó, sự tranh chấp Quốc — Cộng tái phát ngót mười năm nay mới đã xô đẩy cả dân tộc đến bờ vực thảm diệt vong. Cả hai phe Quốc — Cộng đã thúc đẩy toàn dân vào cuộc chiến tranh nhưng đồng thời cũng đã đẩy quyền lợi tối thượng của dân tộc xuống hàng thứ yếu, nếu không muốn nói là trong bản chất của mưu định chiến tranh, cả hai phe đều đã đi ngược lại quyền lợi của dân tộc bằng cách tự nguyện biến thành những tên lính trấn giữ các tiền đồn quốc tế.

Chiến cuộc đã không do người Việt chủ động nữa thì mọi giải pháp kết thúc cũng sẽ không hoàn toàn do người Việt quyết định.

Nếu quả thực nền độc lập Việt Nam đã mất từ khi tiếng đại bác đầu tiên của Pháp vọng lên ở cửa bể Đà Nẵng thì mọi phương thức đấu tranh hợp lý đều phải nhằm đến Độc lập Quốc gia và quyền lợi của dân tộc. Cả người Việt Cộng lẫn những người Việt ái quốc không Cộng sản đều đã có công trong cuộc đấu tranh đó. Và đó là những sự nghiệp không thể phủ nhận.

Những kinh nghiệm đau thương từ mười năm nay đã chứng tỏ rằng lẽ lối hoạt động và đấu tranh của những người đã có sự nghiệp lịch sử đều cần được điều chỉnh và xét lại. Bởi lý, nếu lỗi lầm của những người « quốc gia » chống Cộng là đã không đặt nặng vấn đề độc lập quốc gia, đã hoạt động vì quyền lợi cho nên đã trở thành bất lực hoặc thỏa hiệp với những âm mưu và áp lực ngoại lai thì điều tai hại của những người Cộng sản là đã hoạt động bằng những nguyên tắc cứng rắn, và bằng sự liều lĩnh

chấp nhận hy sinh cả dân tộc cho một tương lai không thực sự được bảo chứng và nếu có thành tựu thì thành phần hưởng lợi trước tiên vẫn không phải là dân tộc.

Cuộc chiến từ mười năm nay đã xô đẩy người Việt không « quốc gia » mà cũng không Cộng sản phải bắt đầu đi với bên này hoặc bên kia như cảnh đi với ma thì phải mặc áo giấy vậy.

Không lựa chọn thì tự thân phải bị điều đứng nhưng lựa chọn thì lại càng tàn hại hơn bởi chính cái thế tranh chấp lưỡng nan đó đã là nguyên nhân của những bế tắc và suy vọng hiện tại. Nhưng nếu tranh chấp đã không phát khởi chỉ vì quyền lợi dân tộc thì hòa bình phát xuất từ cuộc tranh chấp đó cũng không hẳn là hòa bình của dân tộc. Chiến tranh bằng AK và AR thì chiến thắng cũng chỉ là chiến thắng của AK hay AR, hòa bình cũng chỉ là hòa bình của AK hay AR.

Viễn tượng đen tối và khúe mắt nhất của cuộc chiến hiện tại là cả người Việt lẫn những thế lực quốc tế hỗ trợ đều đang muốn dùng những phương thức phân hóa cực đoan để giải quyết vấn đề liên hệ.

Việt Nam hiện đại đã viết nên những trang sử vinh quang. Nhưng đây là một vinh quang thất bại. Vinh quang của những mưu định chính trị và thất bại của những phương cách ái quốc. Cả những vinh quang lẫn những thất bại này đều dễ dàng.

Phản chiến chính là kẻ đã muốn vượt khỏi những vinh quang lịch sử đó, và đồng thời cũng là kẻ tin tưởng rằng dù quá khứ là thế nào đi nữa thì người Việt vẫn có thể nhìn nhận nhau trong tinh thần đồng nghĩa đồng bào, người Việt vẫn có thể gặp nhau trong ý hướng phục vụ dân tộc. Lịch sử vinh quang của dân tộc đã được tạo thành bằng cố gắng của cả dân tộc để lướt thắng những thất bại lịch sử.

Những thất bại lịch sử hôm nay là một công nghiệp đối với mọi người Việt Nam bất cứ ở phe nào, ở chiến tuyến nào.

Công nghiệp của cả một dân tộc thì phải toàn thể dân tộc mới giải quyết được, chứ không chỉ là phần vụ hay thiên chức của một phe nào cả.

Ý thức từ mệnh đối với lịch sử hôm nay cũng chỉ là một khởi điểm dẫn thân cho một tương lai mới: tương lai của toàn thể dân tộc không hận thù, phân hóa, không còn là những « đòn kè tử huyệt » của ngoại nhân.

tùy anh

07.01.71

TRẦN THỊ NGH.

giã thiết

26. THỨ NĂM

Như thế tôi có thể tin ngay sau câu nói trong rạp hát Perf. đã bắt đầu xếp đặt giấc ngủ trưa với tôi ở khách sạn.

Đó là một khách sạn nhỏ, nằm khuất trong góc hẻm, ít cây cối. Tôi mặc cái áo dài hơi lờ lợt đi sau Perf.. Bộ váy tôi như xếp vế, phục tùng, nhưng Perf. thì không giống một người chỉ huy cho lắm, anh không có cái tướng của kẻ làm chủ tình thế. Trong lúc đưa tôi lên cầu thang Perf. hát khẽ một điệu nhạc quen, bài hát dường như cũng chẳng phù hợp gì với tình cảnh lúc bấy giờ, một Perf. bình thường, bài hát giọng rên rỉ và bị bỏ lửng trước khi tới điệp khúc. Chúng tôi im lặng qua một hành lang tối, đến trước một căn phòng Perf. vừa hát khẽ vừa khom người tìm ổ khóa. Tôi đứng dựa lưng vào tường chờ.

Phòng tối và lạnh vì được để sẵn máy điều hòa, trần có quạt xoay tít. Tôi với tay lên một góc vách tìm bật điện. Tôi bật lách cách. Tôi nói: phòng không có đèn sao, hắc ám vậy? Perf. bảo có chứ. Anh đi thẳng về phía góc phòng bật một ngọn đèn. Perf. làm công việc ấy thông thạo như anh đã làm quen với căn phòng trước kia đưa tôi đến, ít nhất là ngay sau câu nói trong rạp hát chiều hôm qua, anh đã bắt đầu thu xếp thì giờ, tiền bạc, dự định (anh phải

đi mượn một cầu phòng, phải xem xét trước, phải biết chỗ bị điện).

Perf. nói :

— Đư một cái giường.

Anh cởi áo sơ-mi mang lên thành ghế, mặc áo thun, tôi lấy thêm một cái gối bên giường kia bỏ sang. Tôi ngồi xuống đầu giường nhìn quanh phòng. Ôc tôi như bị dồn trấu, đặc cứng. Tôi không nghĩ gì được lúc ấy, cũng không có cảm tưởng mình đang chờ đợi điều gì.

Tôi mặc cái áo sơ-mi của Perf.. Hai người nằm một giường, đắp chăn, tôi thấy tê cóng. Perf. nói lạnh nhĩ. — Tắt cái quạt cho rồi nghe. — Ừ, nhưng cái ổ điện bề mặt rồi. Perf. ghi lấy người tôi hôn.

Đĩ nhiên trong một tình cảnh như vậy Perf. có quyền đòi hỏi này nọ, bởi chính Perf. là người đứng ra tạo lấy cơ hội, tôi dù có sáng suốt cách mấy cũng không muốn tỏ ra khó khăn làm gì. Nhưng chuyện đáng nói là tôi đã sáng suốt quá, tôi không để Perf. đụng tới cửa mình, tôi giẫy như đĩa phải với. Perf. nói : bỏ áo ra đi. Tôi vùng vằng : tôi không quen làm chuyện ấy.

Nhưng có lẽ trò chơi cũng bắt đầu làm tôi thích. Tôi ngậm lấy môi Perf. đâm đuối, tự nhủ rồi tàn đời nghe con, rồi con si biết tại sao người ta hôn nhau khi người ta vốn chẳng yêu nhau lắm, tôi chẳng yêu Perf. lắm đâu nhưng tôi vẫn hết lòng hôn Perf. đôi khi trong lúc hôn tôi cũng nhớ rõ điều ấy. Nhưng tại sao, tại sao chứ. Tôi nói lại ý nghĩ đó với Perf.. Anh cười bảo, tất cả những người bị chứng rhumatisme đều như vậy. Nhưng tôi, tôi đâu có mắc cái chứng đó. Tôi cười.

Tôi nằm trên cánh tay Perf. nghe anh hát, người tôi yêu cạ hai bàn tay diêm kiều, anh vỗ vỗ vào lưng tôi, ngủ yên đi coi ngủ đời yên đi con... sao em nhỏ xíu vậy ? Tôi dụi mặt vào nách Perf. hãy quên em cho thật chắc nhưng đừng cho em thấy nọc độc của anh (tôi nhại câu này của ai ?). Tôi kéo cằm Perf. : có nọc độc không ?— Chắc cũng có chứ. Perf. vừa đáp vừa cắn tôi.

Perf. van vĩ : em bỏ áo ra đi. — Anh nói dối vừa vừa vậy, anh không yêu tôi. — Em muốn không ? — Không, không có gì cần, em không muốn. — Thêm thuốc lá quá, anh ra đừng mua bao diêm

nhé. — Em cũng vậy. Tôi ngồi dậy cởi áo đưa cho Perf., lấy chân quần người. Coi tôi giống con đi dử. Đi đi, đi mua diêm đi.

Chúng tôi hút thuốc, Perf. hút. Tôi cố gắng giữ lòng tỉnh táo đứng vững, tôi lắng nghe hơi thở Perf. thì thào kể sát, tôi tưởng tượng tôi đang hạnh phúc, chưa bao giờ tôi ở bên cạnh một người đàn ông mà không thấy ghê tởm, tôi muốn nói ngoài Ngủ ra, Perf. là người đàn ông thứ hai có một chút quyền hành trên thân thể tôi, tôi cảm thấy hạnh phúc.

Perf. giơ một bàn tay ra chỗ đèn sáng, tôi nhìn thấy lỗ chân lông lớn, những ngón tay đàn ông. Chỉ có lúc ấy, trong một giây tôi lạng người nhớ lại tôi đang nằm trong cánh tay một người đàn ông (má, tội nghiệp má, mỗi đêm con vẫn còn ngủ với má, mắng vú má, thở hít mùi trầu và thuốc xía từ hơi thở má, ngực má mát rượi và thơm xà bóng cô ba hết sức, con đã ngủ những giấc yên tâm trên cánh tay má, con quên hết phiền muộn tội lỗi, bây giờ con nằm đây, con sinh sống kỳ cục quá thấy không, thấy chưa má). Có điều gì cho tôi nhận ra Perf., anh lạ hoặc lạ quơ, có điều gì báo trước chúng tôi sẽ thân thiết nhau, tôi thấy tuyệt vọng đau đớn đồng thời muốn đem hết sức lực lòng dạ giữ riết lấy những tình cảm tạm bợ, những giây phút tình ái giả hiệu.

— Nằm lên người anh đi. Một chút thôi.

— Cần đau em.

Perf. kéo nâng người tôi lên. Không, tôi la, tôi chỉ quen sự tiện nghi thôi, tôi chưa nằm lên mình người nào. Perf. hôn tôi. Đừng làm khổ em, anh. Tôi muốn cào nát mặt Perf. và khóc.

— Thay áo anh ra đi, nằm thế nát áo anh hết sao, lát ra đường kỳ chết.

— Kỳ gì kỳ, anh kỳ còn hơn là tôi kỳ.

Tôi phá ra cười. Thật đấy, không đùa đâu. Tôi cười dử.

— Sợ nát áo sao không nói trước tôi mang áo theo.

— Làm sao biết trước ?

— Anh biết trước — tôi xía xối — tôi dám chắc anh biết trước.

Perf. kéo tôi lại gần. Dồn lên người anh đi, không anh bay mất. Tôi thấy buồn tủi chán nản. Coi chừng em đốt cháy anh bây giờ. Tôi nằm nhích người ra mép giường cái nghiêng xuống sàn gạch dụi diều thuốc.

Perf. hỏi :

— Tại sao ?

— Tôi không thấy cần.

— Đi tắm đi, cô sốt rồi, không biết thật hay giả nhưng mà sốt rồi.

— Sốt thế tắm bệnh chết.

— Tôi muốn đi tắm quá. Perf. nói.

Chúng tôi rút người trong chăn, Perf. mở mắt nhìn khắp phòng

— Có lẽ anh thích căn phòng này. Có lẽ mỗi tháng mình phải tới đây một lần.

Tôi áp mặt vào một bên hông Perf.

— Có lẽ mình nên thử sống với nhau một tuần, lấy một phòng khác có ban công và chút ít cây lá ở phía trước.

Tôi nói :

—Ừ, hôm nào thử xem. Thử sống với nhau một tuần coi.

— Nghĩ cứ năm thế, tới giờ rủ nhau đi ăn tiệm cũng thích nhỉ!

— Thích chứ. Nhưng phải tìm cho ra chỗ tắt cây quạt máy.

— Xì nghĩ việc một tuần nhé, tôi sẽ nói ở nhà tôi đi công tác. Mình phải thử xem.

Tôi nuốt nước bọt, nhắm mắt. Ngủ đi công tác với tôi chỉ một đêm là lấy được trình tiết tôi làm nghề này của sự chiến thắng.

Tôi hỏi Perf :

— Buồn không ?

— Không buồn nhưng tức.

— Tức gì ? Tức cơ hội đã sẵn nhưng thiếu kẻ đồng lõa, tức tại sao trong một hoàn cảnh như vậy, một người đàn ông một người đàn bà, tại sao ở trong một căn phòng vừa ý như vậy.

Tôi hỏi :

— Tức gì ?

— Sự vô lý.

— Tất cả những sự vô lý đều có lý.

— Nằm kê lên đây cho cao.

Tôi lặng thinh. Tôi biết khi xa Perf. tôi sẽ nhớ, một mình sẽ có lúc tôi thèm hôn Perf. biết bao nhiêu, tôi sẽ ao ước có một cơ hội tương tự như bây giờ, được nằm bên cạnh Perf. nghe Perf. hát và thử hít mùi da thịt đàn ông để cảm

thấy mình là đàn bà. Nhưng mà, trời đất, tôi có cảm thấy gì đâu. Tôi trơ đũa lạnh ngắt. Chưa ai đánh thức tôi được, chưa có chút ham muốn nào được đánh thức, có chăng chỉ là những cảm giác đến sau ý nghĩ, từ sự tưởng tượng, từ cố ý bị gán ghép cho, gọi là ham muốn khi sự thực chỉ phẳng phất đôi chút tình chất tương tự. Tất cả được tôi gom lại làm hiểu biết, những điều tôi đã đọc ở sách vở phim ảnh, tôi tưởng những động tác âu yếm chúng tôi đang làm với nhau là tự nhiên, đúng với công thức, thông lệ, tôi tưởng làm đúng như thế người ta sẽ cảm thấy hạnh phúc. Nhưng sự thực, sự thực như thế nào? Làm thế nào để biết cái gì là dấu hiệu của sự ham muốn, Perf. hiểu tôi như thế nào, sao Perf. không đánh thức nổi tôi, tôi là cái gì vậy, tôi ra sao?

Với Perf. Tôi không kinh tởm khinh bỉ, hơn thế, có thể nói tôi gần như sẵn sàng chào đón trao tặng Perf., tôi đã chẳng mong có cơ hội được yêu Perf. sao? Nhưng mà rất cục, tôi biết rằng khi người ta nói làm đàn bà chỉ có nghĩa khi có sự hiện diện của một người đàn ông, thì ngược lại người đàn ông sẽ không có ý nghĩa gì nếu sự hiện diện của người đàn bà cũng không có một ý nghĩa giống như vậy.

Perf. hỏi :

— Tại sao? Em sợ hãi?

— Sợ chứ. Luôn luôn em biết em muốn làm cái gì đó mà không dám làm, vậy chắc cái gì đó là cái này đây.

— Đừng biết đến cái điều quỷ ấy nữa.

— Lúc nào tôi cũng nhớ tôi không dám làm cái gì đó.

Tôi cũng muốn nói với Perf. nếu tôi dám làm cái gì đó, liệu nhân phẩm đàn bà biến thành cái gì, cái nhân phẩm đó có liên quan gì đến cái gì đó không. Nhưng tôi chỉ thấy muốn hôn Perf. thôi, trong tình cảnh ấy, tôi không muốn bỏ lỡ những giây phút cuối (tình ái rồi ra chỉ là những giây phút thôi sao). Buổi chiều sắp hết, khi tấm màn đỏ cửa sổ bị cây quạt thổi tung một góc, tôi nhìn thấy bên ngoài không còn một chút nắng.

— Đến giờ đi chưa?

— Hãy nằm đi. Chỉ muốn ngủ một giấc tới mai.

— Tôi cũng vậy, tôi chán cái sở tôi quá.

- Hãy tìm một người để yêu, cô sẽ thấy đỡ buồn lắm.
- Đã không yêu anh được thì thôi.

Perf. vào phòng tắm rửa mặt. Tôi ngồi ở đầu giường chải tóc. Những sợi tóc rụng rải rác trên tấm vải trải giường, trên gối mỗi nhất lược làm tóc tuông đứt, những chùm tóc rối đánh lẹ tuông sẽ phải cắt bỏ, tôi vừa gỡ vừa xót ruột. Hai người yêu nhau, trong đó người đàn bà để tóc dài, sau vài lần làm tình sẽ có cái đầu trọc. Perf. vẩy nước chảy lách tách, dội cầu, tôi thấy buồn tủi.

Khi đứng trước tấm gương ở bàn rửa mặt tôi mới biết nguyên mớ son phấn, chỉ kẻ mắt tôi trét trước khi đến ăn cơm trưa với Perf. đã trôi tuột hết. Chúng đi đâu, nếu không vô bụng Perf. thì đi đâu? Tôi có cái mặt nhẵn nhụi, môi đỏ vì bị cắn như. Có thể nói là tôi đẹp không, nhưng tôi chỉ là người tình giả hiệu của Perf. thôi mà!

Tôi mặc lại áo dài, mang cái sơ mi ra trả cho Perf.

Ra khỏi phòng, Perf. khóa cửa. Xong nhẹ, trong phòng chỉ còn cái quạt trần đang quay vù, những sợi tóc rụng trên giường, những giọt nước bắn vung vãi trên tấm gương bàn rửa mặt, tàn thuốc và diêm quẹt đã cháy.

Perf. trả lại chìa khóa phòng cho người đàn bà coi giữ khách sạn.

- Ông còn trở lại không, ông gửi chìa khóa hay sao?
- Có thể trở lại, có thể không.
- Ông không trở lại?

Perf. gật đầu. Người đàn bà đưa cho Perf. một tấm danh thiếp có địa chỉ và số điện thoại của khách sạn.

Chúng tôi ra đường. Trong lúc đứng chờ xe, tôi lạng lẹ gỡ những sợi tóc sót trên vai áo Perf.

2. THỨ TƯ

Mục đích tôi đến Tường chỉ có vậy. Thực ra, nếu tôi đến Tường mà không có mục đích thì rốt cục Tường cũng làm cho tôi tìm ra một mục đích nào đó. Chẳng hạn tôi đến Tường để mượn một quyển sách, hay nghe Tường kể dong dài về những kinh

nghiệm đàn bà, những người bạn cùng ngồi quán nước, những lời dèm xiểm về Perf... (Đại để những điều ấy đôi khi ảnh hưởng một cách vô lý đến mọi tình cảm của tôi, nhất là sau mỗi lần gặp Tường tôi lại thấy như Perf. khác đi một chút, Perf. có nhiều tính xấu hơn)...

Lúc bấy giờ chàng thật giống hệt một bà nhiều chuyện. Chàng nói vanh vách, trộn lộn những lời chê khen một cách tài tình. Thì ra mối liên hệ giữa tôi và Perf. không phải chỉ là một mối liên hệ tình cảm. Hạnh phúc là hạnh phúc khi được bắt đầu bằng tình ái và chấm dứt bằng tham vọng (nhưng ai đã nói thế?). Tình ái tôi đã có (đã có), tham vọng tôi cũng có, vậy hạnh phúc mà tôi tưởng đang chia chác với Perf. hiện tại nó đã bắt đầu và kết thúc từ lúc nào chứ?

Chỉ là những câu nói xóc hòng, một chiến thuật cũ được Tường dùng lại để kéo tôi ra khỏi cuộc chơi, cần nhất là ra khỏi Perf.. Cái chiến thuật của Tường tưởng vô ích và cũ xi thế cũng khiến tôi không đấu được sự buồn rầu. Tôi co hai đầu gối lên ngực, Tường hút thuốc, chàng gát một chân lên bàn, nút cổ bỏ hờ, tôi cười gượng. Đại khái vậy, chàng nói cho hã hời; tôi vẫn cố ý chờ đợi có một cơ hội như sáng nay, tôi nghĩ chàng cũng có cái ý giống hệt như vậy.

Sau đó Tường ngồi thờ người. Tôi thấy là chàng bắt đầu mệt. Chàng giống như một người chạy đua, chạy rút ở lúc đầu, vấp vấp ở chặng giữa, đuối sức ở mức chót. Với đà đó Tường sẽ chẳng thể nào là người đến mức trước tiên. Bởi vậy tôi chờ đón chàng với sự thất vọng của người chờ đón, bên cạnh nỗi hoan hỉ bỗng không trở thành đối thủ chàng. Tôi không chạy nhưng Tường đuối miết, thấy thế tôi đâm mệt.

Tôi mệt và buồn. Nếu những điều Tường nói tự này giờ khiến tôi muốn rút lui ra khỏi cuộc chơi thì chẳng khác nào chàng được đương nhiên thừa nhận là kẻ thắng thế, ít ra là bằng cái chiến thuật cũ xi và vô ích của chàng. Hãy cho rằng tôi yêu Perf. và viết vẫn là một tham vọng. Tường không muốn tôi yêu Perf. cũng không muốn tôi có loại tham vọng ấy. Chàng không muốn tôi hạnh phúc, hạnh phúc là hạnh phúc khi được bắt đầu bằng tình ái và kết thúc bằng tham vọng.

3. THỨ NĂM

Thí dụ như viết văn là một tham vọng, thí dụ vậy. Xem nào, có phải tôi viết văn đề tự thời phồng cái da cóc của mình thành da bò không, hay tôi viết văn đề giải tỏa những ẩn ức của tâm hồn, hay để thỏa mãn một khuynh hướng, hay vì đòi hỏi, nhu cầu, hay đó chỉ là cái năng khiếu biểu hiện từ nhỏ qua các bài luận trong trường bây giờ đem ra phát triển, tận dụng?

Tạm thời thí dụ như tôi có tham vọng viết văn. Văn là gì? Tôi viết theo thứ tự có sẵn trong óc sau khi đã được dạy đọc và hiểu chữ, chữ là gì, tôi ráp chúng lại. Chỉ là những hành động, tâm trạng, cảm tưởng, biểu cố, sự kiện tôi muốn diễn tả lại theo cách tôi nhìn thấy, nghe, nhớ, cảm thấy. Tôi viết để dùng như nghĩ. Những điều tôi nghĩ và viết lại ít khi giống với sự vật, sự kiện lúc còn diễn tiến. Viết là chép lại trí nhớ một cách khác, thiếu sót hoặc dư thừa hoặc bị sửa đổi theo dòng luân lưu của tư tưởng, ảnh hưởng hoàn cảnh, thời tiết, tình cảm lúc nhớ lại cố ý.

Cũng có thể nói viết là chép lại trí tưởng tượng, nhưng trí tưởng tượng khi được chép lại trở thành trí nhớ, trí tưởng tượng nằm trong trí nhớ, sự nhớ lại có thể chỉ là sự tưởng tượng, hoặc chỉ có sự thật (được chép lại cách khác) hoặc gồm cả tưởng tượng, sự thật (được chép lại khác với lúc diễn tiến).

Công việc chép lại trí nhớ, nếu đem trình bày dưới hình thức một bài thơ, một chuyện ngắn, một quyển sách và được phổ biến để nhận sự phê phán của người đọc (người đọc sẽ xếp loại trí nhớ, đây thuộc loại trí nhớ gì, một sự cố gắng vô ích, một thể tài mới lạ, một thiên tài, một thứ raté, một kiểu văn chương thương mại, một hiện tượng, một khám phá... vân vân), và như thế dù thất bại hay thành công công việc ấy cũng được gọi là tham vọng. Vậy tham vọng viết văn là gì, là viết để biết mình thất bại hay thành công qua sự phê phán của người đọc, (người đọc đọc cách chép lại trí nhớ của người chép, người chép có trí nhớ hướng về tham vọng, tham vọng là người đọc)

Vậy nếu viết văn là một tham vọng thì tham vọng của người viết là người đọc. Người viết trong lúc viết nghĩ đến người đọc như một tham vọng, cố gắng trau chuốt cách viết, tưởng tượng

và nhớ lại sự kiện, sự vật một cách sống sảng, hăm hở, cố gắng ráp lại những chữ (đã được dạy đọc và hiểu) theo thứ tự xuất hiện trong ý nghĩ, tin tưởng sự cố gắng ấy sẽ khiến trí nhớ lúc được chép lại sẽ có một sắc thái cá biệt, nằm trong sự phê phán công bằng của người đọc, được gọi là thành công do quyết định của người đọc.

Sự cố gắng quá đáng trong lúc chép lại trí nhớ (với tham vọng là người đọc) dễ đi gần đến tham vọng đôi khi làm cho các sự kiện, sự vật có những chi tiết tính cách hoàn toàn được sửa đổi, hoàn toàn nằm trong trí tưởng tượng hoặc bị ảnh hưởng bởi tâm trạng, tình cảm lúc cố gắng vận dụng trí nhớ, hướng trí nhớ về tham vọng.

Viết vắn là viết ra những điều giả dựa trên căn bản thật (đã được nhớ lại thiếu sót, dư thừa) bằng khả năng nhớ lại của trí óc, với cố gắng cố ý biến những điều giả ấy ra thật, gây xúc động người đọc hầu đến gần tham vọng là người đọc. Viết vắn là vô tình biến những điều thật ra giả, đồng thời cố ý viết những điều giả như thật. Viết vắn là đánh lừa mình và đánh lừa người đọc. Người đọc là tham vọng. Viết vắn là đánh lừa tham vọng.

Một tham vọng như vậy tới một giới hạn nào đó sẽ được nhận ra như một tên lừa đảo, nó làm hỏng người viết, quyến rũ người viết ra khỏi những tình cảm thật của chính bản, biến bản thành một tên lừa đảo, sinh sống xử sự theo cung cách giả. Người viết lúc bấy giờ vừa bị đánh lừa bởi tham vọng vừa là một tên lừa đảo đi tìm tham vọng để đánh lừa.

Chỉ là những điều tôi thử đoán chơi, nhưng khi viết ra tôi thấy đúng và có phần chắc.

4. THỨ SÁU

Mùa mưa tưởng đã hết bất ngờ vào giữa trưa ông trời giáng xuống một trận rào rào, vì chí. Nước ngập cả xóm. Tôi nằm trong giường gát chân lên cửa sổ nhớ Perf.; có lẽ đây là lần tôi nhớ Perf. tỉnh táo nhất, mà dường như sau hôm gặp Tường vừa rồi tôi đã tỉ mỉ tìm cách kéo Perf. ra khỏi những định kiến chủ quan, những điều tôi vẫn nghĩ về Perf. bằng thói quen và tình cảm riêng tư; tôi cũng thử nhìn Perf. theo lối quan sát phân tích

như kiểu người ta vẫn hay làm khi đứng trước một tội phạm, một nạn nhân, một nhân vật (một người thân, một kẻ thù).

Rõ ràng lần này Perf. đứng như trời trồng, tất cả những điều tôi định soi bói về Perf. như là vẩy quách cái xác cứng ngắt là Perf... Khi là một đối tượng bị quan sát người ta thành ra ở thể chết, vô phương chống cự, biện hộ. Tôi bắt đầu nhớ lại bộ điệu Perf. lúc ngồi quán nước, ngồi rạp hát, lúc xóc cò áo, vuốt tóc, đầy gọng kính, lúc nhịp tay lên bàn, rung đùi, khảy tàn thuốc, lúc cười khề khà, nhớ mặt Perf. nhìn sát có những lỗ chân lông rõ, đôi mắt có hai nếp gấp lớn, dài, những sợi gân nổi dưới cò, nhớ bàn tay Perf. mỏng, mềm mại, cách Perf. móc túi lấy tiền trả, móc túi lấy cây viết, lấy cây lược. Chồng chất lên cái thể chết đứng, Perf. như linh hoạt lập lại cùng một lúc những động tác tôi vẫn thường để ý, vẫn hay cố gắng mượn tượng lại, nối ráp, hình dung, những đêm khuya một mình tôi nằm kẹp cái gối giữa hai háng, ngắm cái nút áo, nhắm mắt ôn lại một buổi chiều, một buổi sáng, một bữa ăn với Perf. ở bờ sông, một buổi tối nghe nhạc ở phòng trà.

Vô ích. Càng nhớ, Perf. không còn là cái xác chết để tôi quan sát. Cái xác như được hâm nóng, cử động, hồi sinh. Những điều tôi có thể nhớ, cùng với lòng yêu dấu và thói quen như xó đầy thức giục tôi trở về những kỷ niệm cũ, giây phút tôi được gần gũi Perf, quả thật chúng tôi đã có với nhau một chút hạnh phúc, một chút yên tâm an ủi, ít ra là trong thời gian cả hai đều lơ lửng biếng, dầy dưa mỗi liên lạc. Thật ra đó không phải là một công việc cố ý, nhưng sau rốt không thể không công nhận giữa chúng tôi đã có một chút tình thân thiết khó chối cãi. Cũng có lẽ, sau lần gặp Tường vừa rồi tôi vừa xuống xem Perf. như một người lạ (với vô số tính xấu dựa theo lời mạt sát của Tường) để nhận xét khách quan sáng suốt, đồng thời tôi cũng muốn bênh vực cái xác chết tội nghiệp là Perf. (mà trong lúc cố gắng mượn tượng lại tôi đã vô tình biện hộ cho Perf bằng trí nhớ và tình cảm nhân đôi, bằng những xúc động sôi nổi).

Có thể Tường nghĩ dùng. Rốt cuộc chàng đánh lừa được tôi. Tôi nao núng thấy rõ. Chàng là một thứ nọc độc, Perf. cũng vậy. Chàng dĩ độc trị độc. Thí dụ như bây giờ mưa, mưa khiến tôi nhớ cách Perf. cầm cây dù che đưa tôi băng qua đường. Mưa

làm tôi nhớ lại mưa, nhớ Perf. Nhưng rõ ràng, tôi làm sao sống lại hết tình cảm lúc băng qua đường, mưa, Perf. che cây dù. Tôi quên bớt một vài chi tiết tưởng tượng thêm một vài cảm giác, định ninh đó là những điều tương đối gần là sự thật. Tưởng cho như thể tôi đã mắc bẫy, bẫy sập, tôi mắc trong những tình cảm điều ngoa giả dối do chính tôi vẽ vời ra và tin tưởng một cách ngu xuẩn đáng thương.

Thành ra, sau khi lừa mình tôi bị Tưởng lừa. Tình ái như thế coi như là một tham vọng được không. Yêu là tưởng mình yêu hơn sức có thể tưởng và cầu lòng yêu của kẻ khác. Nói là muốn được nghe (đức Hồng Y Polignac một hôm nói với con đười ươi nhốt trong chuồng : nói đi rồi ta rửa tội cho. Nhưng con đười ươi không nói, nó không biết nói. Ngôn ngữ là đặc ân của con người, con đười ươi không được rửa tội vì không biết nói). Viết là muốn được đọc (viết là chép lại trí nhớ, người đọc đọc cách chép lại trí nhớ của người chép, người chép có trí nhớ hướng về tham vọng, tham vọng là người đọc). Perf. là tham vọng của tôi. Còn Tưởng chàng đóng vai gì trong cuộc lừa dối tập thể?

trần thị ngh.

TRẦN HỒNG CHÂU

tình khúc đại học

SORBONNE

Tôi yêu màu xám Paris, Paris của nửa chừng thế kỷ trong những năm 50, màu xám thần kỳ, màu xám huyền diệu mà H. Miller vẫn mãi mãi cảm động nhắc tới như một nguồn thơ chứa mẩn, dịu dịu ngọt của tuổi thanh xuân... Tôi yêu Sorbonne trước thời chinh trang đỏ thành của A. Malraux, Sorbonne chìm đắm trong màu xám ảo diệu đó, vừa mờ mờ ẩn hiện như sương đêm Nhật nhĩ man, vừa trong sáng như những lâu đài, dính ta trầm ngâm soi bóng trên bờ biển Địa trung...

Có ai đi ngược về xuôi trên đường St Jacques dài bất tận trong những buổi sớm tuyết rơi ngập trời, với bóng giáng ngôi trường cổ kính, vươn mình trên nền trời đông như một hải thuyền trí thức giữa cơn phong ba vật chất của thời đại?

Mỗi viên gạch, mỗi phiến đá đều như ngưng đọng một tâm tư lịch sử... và sân trường vẫn ngày ngày rộn vang bước đi hăng say của tuổi trẻ, những dấu chân mạnh mẽ của nam sinh, những nhịp *ballerine* uyển chuyển của nữ sinh, « xiêm chúng áo dài » (thời đó còn là thời *new look* của Dior!)...

Những chiều hè khởi đầu trong cuồng say sóng nhạc luân vũ..., ánh sáng chan hòa chảy trên mái trường « bạc đầu » và trên những mái tóc xanh... chúng tôi ngồi sưởi nắng, đọc theo những bậc cầm thạch trắng muốt và trong hương hoa *lilas*, thoang

thoảng màu tím nhạt, trước khi bước vào giảng đường nghe D. Mornet nói về trạng thái tình cảm bình dị sao tuyệt của Julie d'Étanges, hay chăm chú theo dõi Wahl trên những nẻo đường siêu hình, chấp chờn ẩn hiện trong tiết tấu thâm kín cũng như nỗi đau thương triền miên của thơ Holderlin và Rilke...

Tôi yêu giảng điệu hồn nhiên và tư tưởng sung mãn của Bachelard với chòm râu bạc phất phơ như một rừng mai hoa bừng nở, với giấc mơ Thơ.. cùng nhau dong buồm lái trở về nguồn Trí tuệ và Cảm xúc nguyên thủy..., tôi yêu những hoài bão lớn lao của tuổi trẻ trên lầu Tỉnh tụ vắng vẻ, cách xa huyền ảo hỗn tạp của thị thành và thị dân đang quay cuồng, vung vẩy trong sương mù và trong những vùng lửa đen màu nửa khuya ở dưới chân đồi Ste Genevieve mà chúng tôi vẫn thân mật, âu yếm gọi là Ste Ginette như một cô em gái bé bỏng, nghịch ngợm.

Ở đây, trên đỉnh đồi linh thiêng, tôi đã mơ tuyệt đối và hiểu tại sao người ta lại có thể đắm đuối say mê Thơ và Tư tưởng như nhận sắc một người tình, ở đây tôi đã nâng niu những phút giây bé nhỏ trong đó tôi hồi hởi cảm động gặp lại chính tâm hồn mình, điện đối diện, giữa thanh vắng và hường nội trầm tư, ở đây tôi đã tập thói quen thù ghét cái tâm thương, cái sầu trĩu nề cổ vươn lên những đỉnh chót vót của Tinh thần và Nghệ thuật...

Tôi đã ngồi rất lâu dưới chân tượng Montaigne, thâm trầm và khoan dung, trong những giờ nhập thiền, điện bích, tuy đây không có bức tường nào cả. Để đón hoàng hôn chậm chậm xuống, trong những tấm áo mây chiều lướt là, màu ngũ sắc. Để lắng nghe tâm tư sốt vớ dạ và lớn mạnh cùng nhịp với cỏ cây quanh khu vườn trước cửa Đại học. Để thấy, trên những nẻo đường của văn và Triết, lối độc hành cô điển vẫn có những nét độc đáo và thực là cần thiết nếu không phải là lối khám phá duy nhất... Ở đây tôi dần dần lĩnh hội, qua trực giác và lý trí, những ý niệm và ý hướng thường thường tương phản nhưng vẫn là bổ túc, những ý niệm mang tên cá nhân và đoàn thể, dân chủ và quý tộc... Dân chủ trong hoạt động xã hội, kinh tế và chính trị, tôi tâm niệm như vậy, nhưng ở vương quốc của trí thức và văn nghệ thể chất quý tộc sao mà quyến rũ thế! Phải chăng khi bước chân vào thế giới sáng tạo chúng ta cần tần bạo khước từ cái kém cỏi, cái nông cạn, cái nhạt

nhèo, cái nhẹ đồng cân của những hóa phẩm rẻ tiền, để chỉ chấp nhận tinh hoa và mật ngọt, nghĩa là phải hết sức khó khăn với chính mình trong kỷ luật thép, kỷ luật của đạo sĩ luyện tiên đan, thì mới mong đi tới Chân, Thiện, Mỹ, bản sắc « quý tộc » của Tâm hồn và Sáng tạo... *Nhiệm trọng nhi đạo viễn...* nhưng tôi vẫn đinh ninh rằng : ý thức, tức là đã bước qua nửa chặng đường rồi !

Tôi yêu những kiến trúc tinh thần nhịp nhàng, tôi say mê chiều sâu của những tâm hồn, tôi học tập chấp nhận tư tưởng và chính kiến dị biệt, tôi lặng lẽ nhìn vào sự vật để tôi luyện lấy cái nhìn thông suốt, cái nhìn bao quát, không giam mình trong những biên cương và giới tuyến. Đó là nước suối ngọt phát tiết từ ngọn đồi mến yêu này, nơi ở một quá khứ xa xưa, trong những buổi chiều Trung cổ, Robert Sorbon và môn sinh thường phất tay áo rộng, giơ cao bút lông bạch nga để tranh luận sôi nổi, đam mê, quanh ánh lửa bập bùng của những ngọn bạch lập...

Kinh nghiệm trí thức và quý báu hơn nữa, kinh nghiệm tình cảm... Đó là tặng phẩm của ngọn đồi mang tên thánh nữ bản mệnh Paris ! Hay đúng hơn chỉ có một kinh nghiệm duy nhất : trí thức và tình cảm vẫn nương dựa lẫn nhau như những thứ thí nghiệm giao trong quân bình sinh lý của một cơ thể đẹp.

Tuổi non dại lòng tôi say mến bạn

Khi thanh xuân tôi mới chạy theo tình

Bờ sông Seine thơ mộng, những bồn hoa màu Vẻ nữ, những suối nước ni non, những *balustrades* rất Matteau của vườn Luxembourg và, trên hết, những giảng đường trang trọng, thân ái của Sorbonne là kiến trúc sư, dựng xây lâu đài tình cảm và trí thức... Tuổi hai mươi có những cái gì không thể quên được !... Tôi chợt nhớ là Péguy, Bergson và Joliot đã trưởng thành trong mọi chiều hướng — kể cả tình cảm — của con người ở dưới bức bích họa lớn lao của Puvis de Chavaumes trong đại giảng đường, nơi lai vãng của rất nhiều bóng người xưa, vĩ đại, cao cả, nhưng vẫn thân thuộc, mến yêu...

Sớm nay ánh bình minh chan hòa trên lối đi và trên tóc vàng Marie Anne... Chúng tôi bước nhẹ lên những phiến gạch đá gập ghềnh của đường Des Carmes xưa cũ để lên Đồi. Đồi trí thức và Tình cảm. Đồi Tỉnh tộ, đồi Cảm thông... Có phải đây là mặt trời.

mọc trên đỉnh Acropole ? Cũng như Chateaubriand say sưa tình tự với trời Nhũ Điện, không biết vì ma lực nào, mắt tôi như đã thoát tục siêu phàm để cố thu hút lấy ánh hồng bình minh ngưng đọng trên mái giăng đường Descartes và trên cánh chim câu chao lộn quanh ngọn tháp tròn của đại học đường.

Màu hồng đẹp và trong sáng, « phơn phớt ánh đào hoa », màu hồng của thế giới ý niệm, thế giới lý tưởng trong đó hiển hiện, rực rỡ, nét vàng son của lâu đài Văn nghệ với những bóng giăng kiêu diễm đã từng xây dựng tình cảm cho người trẻ tuổi. Chỉ có Tuổi trẻ, Tình yêu, Thơ và Mộng... *Cái thuở ban đầu lượn luyến ấy...*

CAMBRIDGE

Tôi yêu điệu *blue* « Giòng sông xanh » của Cambridge, điệu *moderato* tịch mịch, chậm chậm, nhẹ nhàng buông lơi, điệu phác tươi sáng vừa dựng xong trong tâm tư cho riêng chính mình. (Đề tạc quên ý nhạc *waltz* cuồng say, rộn rập, choáng văng của thành Wien, với sông nước Donau, giòng sông xanh, xanh... màu vàng lá úa, màu buồn tàn thu, màu hoàng hôn mệt mỏi, héo hon !)

Tôi yêu những lời nhỏ to của Cambridge thăm thì như rót vào tai... Lời yêu đương của người tình bé nhỏ hay tiếng gió chiều lá lướt qua rặng liễu đương đang hong suối tóc dài xanh tốt bên bờ sông vắng ? Cambridge thiếu bãi cỏ xanh, sau « lưng » các ngôi trường, (Anh) thảo như *bích tí*, thiếu con sông quanh co màu hoài vọng, và nhất là thiếu rặng liễu buông tơ, thiếu chất chương dài lục diệp, mềm mại, nõn nà như da thịt tuổi trăng rằm thì sẽ không còn là Cambridge nữa ! Cũng như Hàng châu, với muôn ngàn *mạch* *đầu dương liễu sắc*, cũng như Hồ Gươm với nước xanh màu, « cốm đậm » với rất nhiều *mối con gái nhỏ thăm yên chí*, qua vùng kỷ niệm thời tiền chiến và qua cảm quan Phạm văn Hạnh, nhà văn của dòng ruộng Hậu giang nắng cháy đã từng được nuôi dưỡng trong màu trời Kinh Bắc và sắc nước sông Hồng...

Những nhịp cầu cổ kính, lơ mờ, ẩn hiện sau những vầng hoa, và bãi cỏ, những lá thuyền chở đầy nụ cười và khoe mắt lạng lẹ lướt trên dòng sông Cam như một thứ Venice của đất liền và trí thức, bình dị, mực thước...

Tôi ưa trải rộng tuổi xanh xuân trên những bờ cỏ xanh này. Theo dấu chân sáng tạo của Wordsworth tuy không tìm thấy một bông daffodil « đĩa ngọc chén vàng » nào để nổi dài giấc mơ sự vật trần gian với những vùng siêu linh, với vợi suy tư., tôi ưa để dòng tư duy trôi theo những dãy hành lang dài hun hút, may lắng nghe lời tâm sự của những phiến cỏ thạch khoáng áo nhung màu huyết dụ, dệt bằng lá thắm *ivy* đã ngả sang màu diệp lục. Hãy đi cho thiết nhị nhàng ! Cromwell và Nehru đã ghé qua đây... Ở nơi những người làm lịch sử, con đẻ của Cambridge, ở nơi những tâm hồn lớn này có một cái gì say sưa, thôi thúc như men nồng...

King's, Trinity, St John's... Những tên tầm thường và cũng lờn lao rồi vang lên như một niềm gần bó. Bàn ghế phòng ăn và phòng học lên nước màu gỗ mun và màu thời gian. Những bức chân dung, nghiêm nghị và thâm mật, treo trên tường, gửi xuống đám người trẻ tuổi, đám chiêu trong giảng đường, cái nhìn lịch sử, cái nhìn của quá khứ và tương lai trong một nỗi tiếp không ngừng. Cái nhìn cảm thông của người đồng điệu trong thế giới những tâm hồn đẹp, cái nhìn huynh đệ của đoàn lực sỹ bên sườn núi Olympe, trao cho nhau ngọn đuốc thiêng để truyền thống trí thức mãi mãi sáng rực, ngay cả trong những thời đại hỗn mang, mạt thế nhất... Có ai mong những Erasme, những Wyclif hay Eckhart trở lại với khí hậu nhiên, với văn phong, và tâm hồn quảng đại của ngày xa xưa ?

Tôi ngồi lặng im trên chiếc ghế dài giữa sân cỏ xanh, vắng vẻ, trường St John's. Bốn bề là những cửa sổ hẹp nổi trên nền đá xám và mái nhọn của kiến trúc Phục-hưng. Tôi có thói quen tìm gặp các tác giả ở nơi ta thường gọi là khí hậu tinh thần của họ. Cho nên hôm nay trong cặp sách có mang thêm Byron và Coleridge. Ít khi Childe Harold lại đẹp để và để cảm thông như vậy.

Tôi còn ngồi lâu hơn nữa, mê mẩn giữa những linh hồn xưa nếu Edward không tới kéo ra bờ sông Cam. Người sinh viên khoác áo xanh da trời, tay ôm sách và cây vợt giải, tượng trưng cho nền giáo dục của đảo quốc, luyện tính khí hơn là trí tuệ, vun trồng thể xác cũng như tâm hồn, người sinh viên này cõ những

phản ứng chậm chạp, nặng nề, nhưng gan dạ và nhiều nghị lực trên đấu trường, trong giảng đường cũng như ngoài cuộc đời.

Edward và tôi từ từ băng qua « cầu than thở » để đến sân quần vợt. Lại giòng sông băng hữu với rất nhiều lá liễu và « nét mi ». Giòng sông luôn luôn ẩn hiện như một điệp khúc, điệp khúc xanh, mát, như vóc dáng một người tình, dịu dàng nhưng thôi thúc, thăm kín nhưng luôn luôn hiện hữu. Cambridge vẫn thăm thẳm than thở trong gió chiều bên sông, nhớ nhung, kêu gọi như tiếng hát thủy nữ... Và sáng chói như dạ minh châu, như đôi mắt băng khuâng màu hồ thủy của Margaret, « ý liễu nương » ban Văn Chương Anh, Margaret với mái tóc lửa đỏ xõa ngang vai, với dáng điệu ngớ ngẩn của những nhan sắc não nùng, đến với chúng ta từ thế giới nhỏ bé, thế giới mến yêu của K. Mansfield...

Bỗng từ một khuôn cửa bên sông tiếng dương cầm nổi lên, xa vắng, dài các, nỉ non... Tôi xin gửi lại bản nhạc hoài niệm đẹp nhất ! Cho Cambridge của tuổi thơ. Cho những « nét mi » ảo mộng bên giòng sông xanh...

HEIDELBERG

Tôi yêu bản trường ca màu hồng của Heidelberg. Màu hồng mong manh, mềm mại, sáng chói, yêu đời và cũng hơi đàn bà... tình cảm, nhẹ nhàng, băng khuâng... Hồng nhạt chiếc cầu đẹp như một giấc mơ, vươn mình qua sông Neckar chở đầy lịch sử, thơ nhạc và tình yêu. Hồng, hồng mấy công thư *baroque* của Đại Học, tòa lâu đài trên trên ngọn đồi xây toàn bằng sa thạch màu, bình minh của núi rừng « từng biếc chen hồng » ở quanh vùng.

Và chắc chắn là đời cũng rất màu hồng với những người trẻ tuổi ở đây. Vì mỗi lần giã từ Đại Học và thị thành này ra đi họ đều để trái tim lại ở Heidelberg. Đúng như lời ca truyền thống đã ghi lại kinh nghiệm tình cảm của các thế hệ xưa đã đứng chân bên bờ sông lơ lửng, quanh co này... Cũng bởi hình như đã để lại ở đây một chút gì của bản thân nên tôi đã hơn một lần tái ngộ Heidelberg, chấp chôn, mở ảo với vóc dáng thần kỳ của người tiên nữ trên con « đường hoa » đợi chờ từ

Frankfurt đến Stuttgart... Mỗi lần về thăm cố nhân lại là một khám phá, mỗi lần, màu hồng lại đến, vắng vắng, xa vắng và gần gũi, mờ nhạt và thắm thiết như một lời ly biệt trong nức nghẹn.

Ánh chiều vàng vọt... và tôi lững thững đếm bước chân nhẹ lướt trên thảm vàng lá thu trải giữa Triết lý Đạo, con đường có tên gọi cảm của giải đất linh thiêng vẫn thường được gọi là quê hương của tư tưởng, con đường chắc chắn đã mang nhiều dấu chân bất diệt... Navalis, Schelling và Bettina, nàng thơ và tâm hồn bé bỏng của « nhóm lãng mạn trẻ » không biết có ghé qua đây không ? Nhưng chắc chắn là Grimm và Creuzer đã ngồi lâu, trong đam mê và suy tư, giữa những giảng đường và rừng thưa Heidelberg để gom góp hoa đồng nội và cỏ tích, thần thoại... những mảnh hồn rơi rớt của quê hương xa vắng.

Những lời lẽ khắc trên bức tường nhà giam sinh viên — Đại học cổ kính này vẫn còn gìn giữ như một bảo vật, khu tạm cầm chân đám sinh viên bướng bỉnh của thời xưa ! — những lời lẽ ngang tàng, châm biếm, phản ánh tâm hồn người sinh viên muốn thở, tâm hồn bất khuất, hào hùng, phóng khoáng đầy thiện cảm với người đồng hội đồng thuyền và luôn luôn được ngọn gió bông bột, đắm say đưa vút lên cao, cái bông bột đắm say mà De Stael đã coi là chiều hướng đặc thù của những tâm hồn bên kia bờ sông Rhin...

Con đường suy tư và bốn bức tường phản kháng giúp tôi hiểu tại sao đoàn quân bách chiến bách thắng Nữ Phá Luân lại gặp sức chống đối mãnh liệt trên bờ sông Neckar... và tại sao lòng yêu văn nghệ và tình thương quê hương lại cùng say mê hợp hồn, gần bó ở đây, trong khoé mắt mờ màng của Johanna — trời xanh thắm hay sắc ngọc lưu ly — người nữ sinh đang hát bài *Mein harz ist im Heidelberg* và trong màu hồng bất diệt của thành phố quý phái, trí thức, thơ mộng này... Đó là bài học Heidelberg.

Tự nhiên xúc cảm và liên tưởng đưa tôi từ Heidelberg về quê hương đau khổ, quê hương u buồn, về thành phố nhỏ bé, nơi tôi đã gửi lại một phần lớn tuổi thanh xuân và nhiều bài thơ, nơi các thi sĩ vẫn thường được gọi là « Hoàng tử của lòng em » trái với thông lệ đau thương của hiện tại, duy vật và phi nhân...

Tôi nghĩ đến Thuận Hóa. Ở đây cũng có nhiều đồi núi nhấp

nhàng, cũng có một con sông « muôn thuở », một nhịp cầu « ái ân » và hai đường phố chính ven sông như Heidelberg. Ở đây cũng có nhiều *ngõ cũ lâu dài bóng tịch dương*, nhiều ngôi trường màu phấn hồng, màu Heidelberg, và một Đại Học mà tâm hồn sôi động đã chi phối cuộc đời toàn dân thành phố. Ở đây cũng có nhiều thế hệ trẻ tuổi mê văn nghệ, say tình quê hương, và có rất nhiều khoẻ mắt mơ màng, bỗng dừng vút sáng ngời như sao băng khi cảm thông tiết điệu thâm kín một lời thơ hay màu sắc huy hoàng một bản nhạc, ở đây cũng có óc đề kháng, cũng có niềm tin nơi sức mạnh vô biên của Triết lý, đường Suy tư quanh Đại Học, dọc theo giấy vườn hoa ven sông Hương hay ngoài Thành Nội — đường ngược lên gió đỉnh Ngự hay xuôi về trăng Vỹ gia ? — đi với nhiều người bạn cùng mang theo hành lý là những giấc mơ lớn lao của tuổi trẻ nhỏ bé...

Sương chiều ngập ngừng buông lời xuống những cánh hoa màu hồng nhạt trên bờ sông Neckar... Tôi vẫn lặng lẽ đi, lặng lẽ trầm ngâm trong hương gió thoảng mà tôi ngỡ tưởng là hương hoa cỏ bờ, là hương trinh những hồn thu thảo đã trôi xuôi theo giòng Hương thủy từ những thuở nào.

*Và nghe nương tử trong câu hát
Đã chết đêm nằm theo nước xanh.*

Bỗng nhiên lòng lại bồi hồi, mắt rưng rưng lệ ứa... Lại trở về với niềm « tưởng tư Thuận Hóa — Heidelberg » miên man, bàng bạc, không cùng, như suối mạch từ muôn hướng chảy về đại dương...

VĂN KHOA SÀI-GÒN

Tôi yêu những tấm lòng trinh bạch và màu trắng đơn sơ hồn hậu, màu thanh bần lạc đạo trên vách tường Văn khoa. Văn khoa linh hồn thâm kín của Đại học và Quê hương trong những mùa lịch sử, nóng bỏng, sôi động... Tôi yêu màu trắng chói đông, hơi ngả sang xám hay xanh nhạt, của trường cũ cũng như trường mới, thoảng gợi cái mong manh, u buồn của lớp phấn *light blue shadow* nằm dài trên mí mắt, khi những cửa sổ linh hồn bằng khuâng, ngõ ngàng, dường như mở rộng, cuốn chúng ta vào muôn vạn nẻo đường mịt mù, xa với vợi, hun hút sâu như

vực thẳm giữa lòng đại dương... Nhớ thương luôn nên mắt có quầng viền !

Tôi yêu màu trắng hơi ngả sang vàng của tơ lụa nõn, của áo vắn Hà đông trên mình người nữ sinh viên, trên mình đàn bướm trắng biết tha thiết yêu Văn, Triết, Sĩ (nhưng cũng biết rằng mình sợ chính những đối tượng quyến rũ đó... mỗi khi mùa hè xich lại gần và hoa phượng nở nhiều thêm !), đàn bướm trắng ngày ngày chấp chới, tần mắt trong giảng đường, ngoài dãy hành lang xa tít tắp và trên ngọn cỏ lá cây của khuôn viên Cường đề, lúc nắng chia nửa bặt chiều rồi...

Tôi yêu màu trắng thanh tân, màu trắng rực rỡ bình minh, không vẩn bụi, của những tâm hồn mới lớn lên, đang choáng váng, chấp chới bước những bước đầu vào thế giới không trọng lượng của mỹ cảm và suy tư, màu trắng nhất phiến băng tâm lại ngọc hồ mà hàng hàng lớp lớp sinh viên thường gửi về Văn khoa, mẫu hiệu bản hàn thiếu thốn, đói lạnh, về quê hương rướm máu, xác xơ trong những cơn bão lốc thời đại rền rập, đe dọa...

Đường Nguyễn trung Trực, trên mảnh đất được tưới bằng máu thấm tươi các bậc tiền bối can trường và nhiều gần bó nhất với núi sông... Hoa phượng vĩ dâng hồng đỏ rực cùng nhịp tuần hoàn với những lứa tuổi xanh bùng nổ. Có những ngày thanh bình, nhịp nhàng như tinh đất lửa sóng cỏ quanh trường, như sắc pháo và màu cờ Thất tịch ngày Hội Tết, có những ngày sôi động, nao nức, rừng rực hơi cay và thuốc súng...

Thân trường đầy đạn, lở loét vì thời gian và đạn 1963... Có mấy viên đạn FM xuyên qua cửa sổ, vào văn phòng tôi, để lại một vết thương dài trên mình tập Đường thi, làm tan vỡ cả mối tình thơ mộng của Thôi Hộ đã một lần tan tác như cánh hoa đào trước gió đông...

Tôi nhớ mãi hôm dọn trường lên « nhà mới. » Mấy chiếc « xe ca » khuất bóng dần sau rặng tre xanh nhạt, đem theo bàn ghế, sách vở... Gia tài của mẹ cơ hàn, xác xơ hai bàn tay trắng, trắng tay. Vốn liếng hồi môn của con gái trời bắt tội nghèo, nhưng giàu tình, giàu mộng... Sinh viên ngậm ngùi trông theo và sau đó là những lời tâm sự. Nữ sinh thì tiếc cái vị chua, cay, suýt soa hay những sợi miến miền trường, màu bạch ngọc của dãy hàng quạ

Đường Thủ khoa Huân (Đó là chưa kể... đậu đỗ nước dừa chợ Bến Thành !!) Nam sinh thì nhớ cái liếc sắc như dao cau, và cái lườm nguyệt chanh chua... rợn cả người, của bọn con gái hàng vàng hay tơ sợi đường Lê thánh Tôn và Gia Long, hậu thân của Hàng Đào, hàng Ngang thời tiền chiến...

Tôi phải an ủi tất cả : « Không ! Chúng ta sẽ tới một khu phố dài các nhất, chúng ta thay đổi để trưởng thành, để lớn mạnh hơn v.v... »

Đường Cường Để cũng có vài vết đạn chia ly và hậu thù, nhưng lần này lần đạn không xuyên thủng những trang cao thom mà xoáy vào thịt xương và tinh người, trong cái phân hóa cùng cực của một xã hội đảo điên, khi tiếng hát yêu ma của Khánh Ly vừa dứt, khi tiếng kèn đúng ngo vừa trời dậy... Tôi đã thấy máu lênh láng đỏ trong giáo đường (tại sao tôi lại liên tưởng đến một vài « sen » trong *Murder in the cathedral* ?), tôi đã thấy những khuôn mặt trẻ, xanh lợt, bất động, như đắp bằng sáp, tại các khu giải phẫu, và hơn một bóng dáng êo lả, ngo ngác, không thần sắc, chực gieo mình từ trên lầu ba xuống, như chiếc ngò đồng liệt lạc, vèo bay xuống thăm cổ để làm nên mùa thu sầu muộn...

Cây đa lối cửa vào vẫn gói mình trong sương chiều và huyền mị. Cây đa bến cũ... Bến cũ bên giòng sông Tuổi trẻ. Mỗi năm ôi lại rạo rực và ngậm ngùi như Héraclite trầm ngâm bên bờ sông rồi không bao giờ trở lại. Mỗi năm, vào cuối mùa nắng sớm mưa chiều, khi hương cốm Vòng đã đi vào dĩ vãng thì từng đợt sóng uối hai mươi, muốn màu, muốn sắc, lại đổ xô tới, trải rộng hồn rong trắng và giấy học trò thom ngát buổi khai trường trong thôn viên tung bừng mở hội ! Vẫn con sông đó, nhưng nước nức vô tình vẫn chảy xuôi và có ai gặp lại được tâm hồn của những chiều xa vắng ?

Tôi bước vào giảng đường, từ phía bâng đên nhìn xuống... Chỉ có thể thôi, nhưng giữa hai hướng nhìn đã có nhiều mùa xuân, nồng ảo và nhiều bãi biển nương dâu... Cách nhau chỉ trong gang tấc nhưng đã có nhiều quan san, nhiều mưa chiều biên giới và nhiều tiếng dịch nhung nhừ từ ái Ngọc vọng về... Không ! tôi vẫn muốn lớp học của tôi là một mạn đàm Platon, là cuộc gặp gỡ thân

ái giữa những tâm hồn, tôi vẫn hòa hợp, cảm thông, tôi vẫn đi vào Tuổi trẻ, ở lại với Tuổi trẻ, gần bó, hiện hữu với Tuổi trẻ

Tôi vẫn tuổi hai mươi hồn ngọc thạch

Áo đơn sơ với mộng thăm đảo viễn...

Và bản thân vẫn mãi mãi là hội tụ kính góp lửa nồng say từ ngàn tinh tú lại để đốt cháy hết những mùa thu đông âm ỉm!

« Từ trên đỉnh Kim tự tháp những thế kỷ nối tiếp sẽ chiến ngưỡng chúng ta! » Tại sao hôm nay tôi lại coi trời bằng vung vì ngây ngất men cuồng say, dửng dưng khí của Tuổi trẻ như vậy? Từ trên vực cao này tôi sẽ là người giáo chủ, là người trưởng môn, tôi sẽ mang ngọn đuốc thiêng và hái trăng sao từ những tâm hồn xa vắng nhưng cũng lớn lao nhất về cho Tuổi trẻ!

Chiều hôm nay — trong giảng đường IB hay phòng 103? — tôi là Phạm Nguyễn Du từ kinh thành nhớ thương về người á thiếp có *thân hình mảnh mai và làn da trắng như ngọc*, tôi là Lý Thương Ẩn, theo gót người xưa, *mộng hieu mê hồ điệp* và ngậm ngùi nhìn *thương hải nguyệt minh châu hữu lệ...* Chiều hôm nay tôi nhập vào J. Sorel, vào Steadhal, để đuổi săn hạnh phúc và tạo dựng bản thân trên bờ biển Ý đại lợi, quê hương của hương thụ coi như một nghệ thuật sống, và trong đường ngang ngõ dọc của những tâm hồn *tự kết yêu đương*, tôi là Wagner ngồi bên Cosima, tóc sữa hoàng hôn, cùng lắng nghe ý nhạc và hồn đổ nước bằng bạc trong rừng thu nhuộm màu quan san của Beyreuth muôn thuở, tôi là Kim trọng, khoác áo xanh và giải mã buông lời, về thăm vườn cũ với rất nhiều băn khoăn, nỗi nung, rất nhiều *cổ cao ba tấc, liễu gãy vài phần...*

Tôi không còn giảng bài nữa (giảng bài, bình văn, phân tích bổ cục, nội dung, hình thức, là cái gì?!). Đây chỉ là mời chào viễn du. Hương về phía cửa Thần Phù, về động bích nguồn đào của văn nghệ và những tâm hồn lớn, và lời cuốn theo đoàn người đồng hội đồng thuyền cho tới ngày hạ sơn... Đứng trên đỉnh Côn lôn cao vời vợi, sau khi trao tiên phù và thần kiếm, người chưởng môn ngậm ngùi theo rồi bóng dáng những kiến khách trẻ tuổi, tiến xa, xa mãi vào những lũng thấp, đèo cao sông dài, biển rộng của cuộc đời!

Thỉnh thoảng một tin ngắn ngủi lượm được trong buổi họp

Bạn hay trên trang cuối tờ báo hàng ngày cho tôi hay là một vài người trẻ tuổi đó đã đi không bao giờ trở lại... Trong cơn gió bụi hình như lòng người cũng khô cạn giống cảm xúc... Thịt xương là của hai đấng sinh thành, nhưng khối óc đó, tinh thần đó là của Văn khoa mang nặng nề đau! Tôi dẫn cảm động, nhắc lại lời đau thương trong cảm nín của Gisors khi nghĩ đến cái chết đột ngột của Kyo, đứa con thân yêu. « Sáu mươi năm qua, bao nhiêu hy sinh, bao nhiêu vất vả, đớn đau mới gây dựng nổi một con người. Bây giờ hết là trẻ thơ rồi, thành người lớn rồi, thì nó chỉ còn có việc... chết! »

Đường đi, cũng như đức tin hướng về những nẻo trời khác nhau, có thể là vô cùng tương phản, nhưng con người muôn thuở vẫn là con người và niềm đau thương, trải rộng trên vùng trời nhân thế, thì cũng vẫn chỉ là một!

Từ hình ảnh đó, hình ảnh bị hùng và chua xót của những người trẻ tuổi sớm ra đi, tuy chưa từng được say sưa thụ hưởng men nồng yêu đương, tôi lại trở về với tuổi hai mươi rong khuôn viên Cường Đề...

Bóng đêm đè nặng lên mấy góc vườn gầy yếu, vàng vọt, và rong cái nhia xa xăm lại của một vài sinh viên trao đổi với nhau, tình bề bạn hình như đã bỏ đi chơi vắng từ khuya... Ai đã ảnh cớ người bằng tuổi trẻ? Ai đã vẽ đường giới tuyến trên đầu tường với trình bạch và trong lòng tuổi trẻ? Tuổi trẻ đã sa đau khổ và chán chường rồi! Tuổi trẻ sẽ nổi giận! Có ai ấy lữ phù thủy học đường và lái buồn tuổi trẻ vội vã, hoảng hốt, theo gót đàn rơi ma quái, chấp chớn, vỗ cánh hoàng hôn ong với màn đêm tan biến trước ánh bình minh rạng rỡ?

Ánh bình minh rạng rỡ của tuổi trẻ, của núi sông. Tôi đã gặp mùa xuân không tuổi, mùa xuân bất diệt giữa những bức tường m lữ và trong trắng, trên những cầu thế thủy nằm trơ cở độ — đứng bậc thang mòn mỏi, gặp ghềnh, bậc mẫu sơn như một buổi lễ nâng xé — của ngôi nhà Văn khoa nghèo khổ và thân yêu...

Xuân thu chuyển vận, mỗi ngày giờ tan học lại nghiêng hiêng đổ xuống mấy cầu thang cả một giọng suối mơ tuổi trẻ, một mùa xuân phơi phới màu lụa nõn, cả một giàn hoa sống ng, thắm tươi... Màu bạch lan ảo mộng, màu thủy liễu ngập ng, mần hồng ngọc kiều sa, màu trời, màu mây, màu gió...

Tôi nhớ đến những tuổi hoa *antigone* nở nường, e the nghiêng nghiêng chảy từ những mái biệt thự rất kim môn ngội bệ của đường Quan Thánh, hay từ những nền *đỉnh chung nguy* gác mơ màng bên bờ sông Hương vắng vẻ... Hai mươi năm trước với tâm hồn nồng say tuổi hai mươi, tôi đã đã ngấu ngơ từ mộng theo những đàn bướm trắng tung bay, rộn rã trên khế bầm sáu phố phường Thăng Long và qua tám cửa Thành nội miền Thuận Hóa u buồn...

Hôm nay đây tâm hồn phong nhụy vẫn nguyên hương, thế gian quanh co trôi ngược dòng và nước chảy xuôi... Tôi vẫn nguyên vẹn tuổi hai mươi, đợi chờ bên giòng sông cũ, lòng vẫn say mê ôm cả vầng dương đỏ chói của tuổi xanh bất diệt.

Tôi vẫn không tuổi, không bắt đầu và không tận cùng, tâm hồn ngưng đọng lại như cánh hoa địa đàn không nở, không tàn cánh hoa tuổi hai mươi, tuổi rạn vỡ, tuổi Văn khoa, tuổi chầy chầy sao trong điệp khúc màu trường, sắc áo...

Áo trắng đơn sơ mộng trắng trong...

trần hồng châu

HOÀNG NGỌC TUÂN

mùa xuân cho mắt cọp

Năm đó, tôi lên Ban Mê Thuột vào dịp Tết. Lý do chính là vì ở Sai-gòn hoài đâm ra chán ngấy, nhất là Tết mà ở một mình trong thành phố rộng lớn này có lẽ phải buồn để sợ. Hơn nữa tôi có nhà một người bạn thân ở thị trấn Cao nguyên này, tôi đã từng ở đây một thời gian và dần cho lang bạt khắp chốn cũng khó lòng quên được những hình ảnh dễ thương, thơ mộng của Ban Mê Thuột, nơi mà người ta gọi là xứ Buôn Muôn Thuở.

Hồi ấy, tôi làm phóng viên cho một tờ nhật báo lá cải. Một tờ báo rất bạc đãi đối với bọn săn tin thời sự chính trị, vì nó sống lây lất chẳng qua là nhờ những tiêu thuyết võ hiệp và khiêu dâm đầy tràn ở trang trong. Tôi thường viết những bài phóng sự chiến trường, nhưng không được ai chú ý đến vì thật ra nó quá tẻ nhạt như một bản thông cáo tình hình chiến sự. Thường thường tôi đến nơi sau khi súng đã im tiếng, người ta đã thu dọn mọi chuyện mà tôi chỉ cầm đầu ghi chép lời của viên chỉ huy quân sự nơi đó, nghe y huênh hoang kể về chiến công này nọ và trịnh trọng cầm cây gậy chỉ chỗ vào tấm bản đồ hành quân.

Tóm lại tôi là một người làm biếng, một phóng viên tồi, làm sao chẳng qua là để kiếm chút ít tiền sống qua ngày, và vì đã thất bại với đủ nghề trước khi nhắm mắt lao đầu vào nghề này. Do chủ nhiệm lại thích tỏ ra mình là người có nhiều sáng kiến

và hay ra lệnh. Những ngày gần Tết, bỗng nhiên lão gọi tôi và văn phòng.

— Trong năm qua tôi thấy anh làm việc có vẻ lơ là quá. Như thế biết bao giờ mới « nổi » được, làm báo là phải siêng năng mạo hiểm, chịu khó đi xa, viết những cái gì thật độc đáo không giống với ai cả.

• Tôi ngắt lời lão cộc lốc :

— Tôi biết rồi, thưa « xếp ».

Lão gật gù nhìn tôi :

— Tết này anh có kẹt gì không, có về thăm gia đình không

— Không ?

— Tốt lắm. Đạo này ở cao nguyên thường có đánh như lớn. Người ta chú ý nhiều đến Dakto, Pleimeï... v.v. Nếu anh chỉ khó bay lên đó nằm chơi mấy ngày Tết, viết một cái phóng sự về đời sống của những chiến sĩ nơi tiền đồn rừng rú hẻo lánh, ừ thấy có vẻ ăn khách lắm.

Tôi chửi thề trong bụng. Tôi muốn nói thẳng với lão là « sáng kiến » của lão thật lắm cần và chỉ có mỗi một mục đích là hành hạ người ta thôi, nhưng viễn ảnh thất nghiệp đói rách khiến tôi ngậm' cầm miệng. Tôi cũng gật gù.

— Được rồi. « Xếp » chỉ tiền một giấy máy bay khứ hồi từ Ban Mê Thuột cho tôi, từ đó tôi xin phương tiện quân sự ra thăm các tiền đồn. Và đừng quên tiền công tác phí là tôi sẵn sàng đi ngay.

Lão chủ nhiệm nhân nhó ra mặt khi nghe nói đến vấn đề xuất tiền bạc. Nhưng cuối cùng có lẽ nghĩ đến việc hy sinh một mùa xuân vui chơi của tôi nên lão cũng bằng lòng. Bà vợ lão c vót vát bằng cách gởi tiền tôi mua một ong, cao hổ cốt, thịt m khô nhân dịp lên Ban mê Thuột. Bà ta nghe nói trên đó những th ấy rõ lắm.

Thế là có mặt tôi trong một chuyến máy bay rời khỏi Sài-gò vào ngày 28 Tết. Bỏ mặc cả cái thành phố đang nhộn nhịp như người đi sắm áo quần, mũt bánh, sửa soạn cho một ngày Tết ứ cúng trong gia đình. Nhìn qua khung cửa kính của phi cơ, thành phố nhỏ dần như những món đồ chơi. Giờ này, hàng khách đăm nón nóng trở về nhà đón Xuân. Chỉ có tôi là đang bắt đầu cái cò

việc vô duyên chán nản nhất. Nhưng sống vất vưởng nay đây mai đó đã quen, tôi cũng không thấy buồn bã gì cả. Cái nghề nghiệp lạ lùng này nó bắt cần biết đến ngày nghỉ lễ hay Tết nhưt gì hết. Và muốn sống dai với nó, điều đầu tiên là phải vớt mẹ tính cảm, lòng đừng đứng khô rần như một khúc gỗ.

Vì có đánh điện tín trước nên khi vừa đến phi trường Phụng Dực, tôi đã thấy Bằng đứng đợi sẵn. Hắn la lên, vẫy vẫy tay ra hiệu. Cái thằng bạn vui tính này, trước kia học cùng một lớp tôi, bây giờ nó trông nom đồn điền cà phê cho ông bố. Trời Ban mờ Thuột mọi khi đã lạnh hay lại là nàng Xuân, gió rét là mưa lất phất lạnh chết người. Bằng quàng cho tôi thêm chiếc áo ấm rồi kéo tôi ra khỏi phi trường, hắn phốc lên một chiếc xe gắn máy đeo tôi phóng chạy như bay. Phải mập mập và chịu lạnh quen như Bằng mới dám phóng xe gắn máy từ phi trường về thành phố, gió quật ngược vào người như những ngọn roi đau buốt, nhưng Bằng vẫn nói cười luôn miệng.

— Năm này về nhà tao ăn Tết. Ở cái xứ đất đỏ này ngày Tết cũng vui ra phết... Năm nay tao... .

Tôi gạt đầu mặc dầu gió thổi mạnh làm tôi không nghe gì cả, mặc cho Bằng vẫn thao thao nói ba hoa gì đó, chắc là hắn đang phác họa chương trình đi chơi mấy ngày Tết.

Đêm Giao Thừa ở nhà Bằng, tôi mới khám phá mình vẫn mềm yếu như trẻ con. Tiếng pháo bên ngoài đi đập nổ vài cái, sửa soạn cho những tràng pháo dài tha hồ ròn rã vào lúc 12 giờ sắp đến. Trong nhà, bà mẹ của Bằng bày biện đồ cúng Tết Niên, những con gà luộc chín bốc khói, cua, trứng và cặp bánh chưng bọc lá chuối vừa vớt từ trong nồi bánh ra, nghi ngút khói. Những đứa em của Bằng co mình trong chiếc áo len mới, đứng sát bên nhau, hau háu nhìn vào đồ cúng. Bằng cũng bộ vệ trong bộ áo quần mới của hắn, hắn lảng xãng khắp nhà để sửa sang cái này cái kia. Bầu không khí ấm cúng đoàn tụ của gia đình Bằng làm tôi tủi thân. Tôi nhớ nhà kinh khủng. Nhà tôi, người mẹ và ba

đứa em nhỏ bây giờ đang làm gì, nam nay không biết có ai mua pháo và áo quần mới cho chúng, mẹ tôi có gói bánh chưng, bánh tét và làm mứt me dầm như mọi năm không.

Những hình ảnh ấy, tôi tưởng chừng đã quên đi rồi, bây giờ bỗng thấm ướt vào người tôi, làm tôi thấy giá lạnh vô cùng. Tôi bỏ ra khỏi nhà Bằng, trời tối đen, tôi cầm đầu đi về phía phố. Con đường vắng ngắt tối tăm, những dãy nhà đều đã đóng kín cửa, hắt ra từ khung cửa sổ một ít ánh đèn vàng, giờ này mọi gia đình đều đầy đủ quây quần bên nhau chờ đón Giao Thừa. Pháo nổ rải rác đây đó. Ngay trung tâm thành phố, quang cảnh đen uớt hoang vu như một sa mạc chết. Chỉ bờ vơ mấy ngọn đèn đường còn nhà nhà đều cầm lặng. Rạp chớp bóng, khu Chợ Mới, những quán ăn ban chiều còn tấp nập, bây giờ bất động quạnh quẽ như một nghĩa địa. Nhưng chỉ là nghĩa địa đối với tôi thôi, còn bên trong những năm mờ (do tôi tưởng tượng) người ta đang ôm ấp bên nhau trong nỗi hạnh phúc ngày xuân.

Tôi nghe tiếng giày của mình vang lẻ loi đều đặn trên đường. Khói thuốc lá không đủ ấm lòng mặc dầu đốt liên hồi làm môi đã khô nóng, cơ mình trong chiếc áo dạ rộng phồng phình, tôi cầm đầu đi suốt hết con đường Y Yux, rồi rẽ lên phía nhà thờ. Tôi muốn đến suối Bu Ji nhưng trời đã khuya, con suối lại nằm xa tít ở bìa rừng, đường núi gập ghềnh nên tôi không dám đến bây giờ. Tôi đành ngồi trên một chiếc ghế đá, đặt ngoài sân nhà thờ. Có tượng của một ông thánh gì đó làm bằng đá đứng trên bục cao, gần bồn hoa và hồ nước nhỏ. Tôi cóc cần biết ông thánh ấy tên gì nhưng đêm nay, ngoài tôi ra, có lẽ ông ta là hình thù giống người duy nhất đang đứng ngoài trời.

Tôi ngủ thiếp đi trên ghế đá. Một khoảng thời gian trôi qua khá lâu, rồi những tràng pháo nổ âm ỉ làm tôi giật mình thức dậy. Trong bóng tối dày đặc của thành phố, nhấp nháy khắp nơi những ánh lửa, khói thuốc súng thơm thoang thoang đầu đây. Không cần có đồng hồ, tôi cũng biết bây giờ là 12 giờ đêm.

Đêm Giao Thừa năm nay của tôi như thế đó.

Ngày đầu tiên của năm mới, nhà của Bằng rộn rịp những khách khứa, những lời chúc Tết và bánh mứt, rượu đầy tràn trong phòng khách. Tôi bỏ ra phố một lần nữa. Cả cái thị trấn cao nguyên nhỏ nhoi này dường như vừa khoác một chiếc áo mới. Những thiếu nữ áo len đen và tà áo dài đủ màu rực rỡ, thỉnh thoảng nhiều người Thượng cũng ngất trong bộ váy sang trọng nhất. Người người đi dạo chơi gần như quanh quẩn ở một đường chính của thành phố. Đường Quang Trung kéo dài từ Nhà Thờ đến chợ. Mọi quán đều đóng cửa ngoài trừ rạp hát đang đông nghẹt khách, tấm bảng quảng cáo đập mạnh vào mắt hình ảnh súng nổ, đám đá dữ dội của một cuốn phim cao bồi.

Tôi tìm đến một quán cà phê của người Tàu ở góc chợ, điểm tâm bằng một cái bánh bao bốc khói và ly cà phê sữa. Thành phố nhộn nhịp một cách dễ thương bên ngoài, càng làm tôi thấy lẻ loi hết sức.

Ngay trong khi tôi ra sạp thuốc để tìm một thứ thuốc lá quen thuộc, tôi bỗng kinh ngạc đến ngẩn người, người bán hàng thối tiền lẻ lại nhưng tôi vẫn bất động nhia chăm về phía rạp hát. Thăng Mất Cọp, thằng em trai tôi đó sao. Dáng nó cao lêu nghêu, chiếc áo len đỏ chói vì quần jean xanh làm nó nổi bật hẳn lên trong đám người. Đúng là thằng Mất Cọp, không thể nào lẫn lẩn được. Tôi la lên:

— Mất Cọp! Mất Cọp!

Ở đằng kia, Mất Cọp giật mình ngơ ngác, khi nhìn thấy tôi nó la lên một tiếng ngạc nhiên, rồi phóng băng ngang qua đường bất kể xô lấn mọi người. Hai anh em tôi ôm chầm lấy nhau mừng rỡ vô cùng, tay tôi giật giật cái gáy tóc rậm rạp của Mất Cọp:

— Mất Cọp, mày bây giờ lớn quá rồi. Sao? Làm sao mà có mày ở Ban mê Thuật này? Má và tụi nhỏ đâu?

Tôi lo lắng hỏi nó. Mất Cọp nhe răng cười, đôi mắt nó vẫn to long lanh như mắt con gái, nhưng đôi lông mày rậm thỉnh thoảng nhú lại với vẻ giận dữ làm nó có biệt danh Mất Cọp.

— Ở Qui Nhơn hết chứ đâu. Bà Trần mời nhà mình lên Ban Mê Thuật ăn Tết. Má bệnh lên không đi được, má cho em lên

đây chơi một mình. Mấy ngày nay em ở nhà bà Trần, chơi với tụi nhóc con bà hoài cũng chán. Anh biết bà Trần không?

— Biết. Cái bà lúc trước hay hùn hạp làm ăn với má chớ gì.

Mắt Cọp gật đầu, nó nói có vẻ buồn buồn.

— Lúc này bà đó làm ăn phát tài dữ lắm. Còn má thì cứ thua lỗ hoài. Em lên đây chơi một phần, một phần là để mượn tiền bà Trần cho má. Nhà mình lúc này « hết » lắm.

Mắt Cọp làm tôi thấy buồn bã. Thắng Mắt Cọp ngày xưa suốt ngày chỉ lo chơi đùa, phá phách bây giờ đã biết lo lắng về chuyện tiền nong gia đình. Mắt Cọp lặng lẽ quan sát tôi, nó e dè hỏi:

— Trông anh ốm quá, anh lúc này ra sao?

— Thì cũng loay hoay kiếm đủ ăn.

Đôi mắt của Mắt Cọp bỗng mềm và buồn như nai tơ, nó nắm lấy tay tôi đặt trên bàn.

— Từ ngày anh bỏ đi, má với tụi em ngày nào trong lúc ăn cơm cũng khóc. Thôi anh về nhà đi, má hết giận anh rồi.

Lời nói của Mắt Cọp như những mũi kim đâm thọc vào bụng tôi đau nhói. Nếu không ngồi trong quán, chắc tôi đã bật khóc như trẻ con, ngày xưa mỗi lần mấy anh em bị mẹ tôi cho ăn roi vì nghịch ngợm, tôi vẫn là một thằng mau nước-mắt nhất.

Tôi cố dẫn lại bằng cách hỏi Mắt Cọp ăn uống gì, nó gọi một tô hủ tiếu và một chai xá xí. Tôi mỉm cười nhìn cái mồm của Mắt Cọp cuốn thức ăn vùn vụt như một con cá mập đớp mồi. Nó vẫn háu ăn và hồn nhiên như hồi xưa mặc dầu bây giờ đã được mười tám tuổi. Những ngày xưa vô tư thơ mộng của tôi bỗng hiện về trước mắt, rõ ràng như quang cảnh của đường phố.

Hồi đó, nhà tôi ở trên bãi biển, mùa hè mấy anh em tôi được nghỉ học, bọn tôi chơi đùa phá phách suốt ngày. Căn nhà và khu vườn có những cây trướng cá đầy bóng mát trở thành miền Viễn Tây máu lửa, nơi xảy ra biết bao cuộc tranh hùng của những bộ lạc da đỏ hiếu chiến. Tôi, thằng anh đầu, lúc đó được 18 tuổi, là tù trưởng của một bộ lạc, với biệt danh là Ngựa Vằn, ông vua của những thung lũng hoang vu. Thằng em trai kế tôi là xếp sông một bộ lạc thù nghịch, biệt danh là Mắt Cọp, chúa tể của sơn lâm. Có em gái duy nhất trong nhà, nhất định lấy cái tên là

Hưu Cao Cỗ, công chúa của rừng xanh. Và thằng em út, hồn danh là Đế Lửa, chúa tể của lòng đất âm u. Tất cả chia ra làm hai phe trong những trận đọ độ bằng cách ném cát, bắn đạn giấy, đấu kiếm và đá banh. Mắt Cọp và thằng Đế Lửa một phe, tôi và cô em gái Hưu Cao Cỗ một phe. Chúng tôi ăn nếp, rình rập suốt ngày trong căn nhà đề cổ thanh toán nhau bằng những viên đạn giấy bằng sợi giấy cao su, khi bị trúng vào ngực hay hông cũng khá đau điếng người. Hưu Cao Cỗ chạy nhanh nên thường được tôi cử đi tiền sát, thám báo. Bên kia, thằng Đế Lửa giỏi chui rúc được chọn làm điệp viên dò thám.

Mắt Cọp thua tôi hai tuổi, nhưng nó to con và mạnh bạo hơn tôi nhiều. Có lần đấu vật trên bãi biển, nó đè ngửa được tôi, một tay nó siết cổ và tay kia cầm một nắm cát đe dọa nhét vào miệng tôi. Tôi hoảng hồn la lên :

— Thả tao ra, Mắt Cọp !

— Anh phải nói chịu thua, em mới thả.

— Được. Tao chịu thua.

— Không được. Chúa Tể Ngựa Vằn, anh phải hứa chỉ trong 24 giờ, toàn thể bộ lạc của anh và con Hưu Cao Cỗ phải ra khỏi nơi này, nhường hết đất đai lãnh thổ cho Tù Trưởng Mắt Cọp cai trị.

Thằng điệp viên Đế Lửa vỗ tay hoan hô, khoái chí ké vào mấy câu :

— Giang sơn này đã thuộc về ta. Mắt Cọp và Đế Lửa muôn năm !

Tôi phát cáu la lên :

— Mắt Cọp, mày không buông ông ra, chốc nữa đến giờ học ông ra cho mày một bài toán học hiểm cho mày bí chết luôn.

Thằng Mắt Cọp chợt nhớ ra tôi là « giáo sư » kèm học trong nhà vào mỗi buổi chiều. Nó ngán tôi lấy uy quyền của ông giáo để trả thù, nên sợ hãi buông tôi ra ngay. Nó đứng dậy xin lỗi tôi rồi rít, tôi liền nhanh tay kẹp cổ nó lòi xuống biển nhận nước. Tôi bơi lặn giỏi hơn Mắt Cọp nhiều, cái thằng này chỉ uống vài ngụm nước biển là sặc sụa xin đầu hàng liền.

... Tôi phá bật cười cùng với lúc Mắt Cọp cũng cười sặc sụa. Hớp nước ngọt trong miệng nó sặc lên mũi văng ra ướt cả mặt. Chắc nó cũng vừa nhớ lại những cuộc tranh tài giữa hai anh em,

như tôi đang tưởng nhớ miên man. Tôi châm một điếu thuốc rồi đẩy bao thuốc lá về phía nó.

— Mà bây giờ biết hút thuốc lá chưa ?

Mắt Cọp lắc đầu :

— Em chê cái trò này. Chỉ khoái uống cô-ca, xá xị hay đi xi nê.

Trời đã bắt đầu trưa nhưng mùa xuân cao nguyên, mặt trời vẫn nhường chỗ cho mưa bụi bay lất phất, giá lạnh cho những kẻ cô đơn. Tôi cũng sẽ giá lạnh biết mấy nếu không gặp Mắt Cọp buổi sáng nay. Mặt kệ tất cả những chuyện gì rắc rối sẽ xảy đến, tôi cũng nhất định cho tôi và Mắt Cọp một cái Tết thật đẹp. Tôi búng tay gọi chú bồi kêu thức ăn cho buổi ăn trưa. Bữa ăn theo kiểu Tàu với « cơm thố » và đầy tràn thức ăn, gà vịt, heo quay và một cái « cù lao » bốc khói. Tôi và Mắt Cọp, không ai nhường nhịn ai, thi đua ăn một bụng thỏa thích. Chai bia làm bữa ăn thêm ngon miệng, da thịt trở nên ấm áp một chút. Xong xuôi, tôi trả tiền và kéo Mắt Cọp ra khỏi quán.

— Mà về nói với bà Trâm là mày sẽ đến ở với tao vài ngày. Tao cũng về dặn thằng bạn cho nó khỏi đợi. Chiều nay hai giờ ra trước rạp Lo Do chờ tao.

Mắt Cọp khoái chí ra mặt, nó cứ nhúc nhích đôi lông mày rậm của nó, dấu hiệu thường thấy mỗi khi nó vui thích điều gì.

— Đi chơi Tết với anh là số dách rồi. Thôi em về anh nghe.

— Mà quên tên tao rồi hả ?

Mắt Cọp dừng lại, nhìn quanh quất bốn phía rồi nó hứng chí vỗ vỗ bàn tay vào miệng, hú lên một tràng dài như mọi da đố, Những người đi đường ngạc nhiên nhìn, nhưng nó vẫn tỉnh bơ, đưa hai ngón tay lên mắt ra dấu chào tạm biệt.

— Chào Ngựa Vằn.

— Chào Mắt Cọp. Chiều gặp lại.

Tôi trả lời và nhìn theo bóng dáng của nó xa dần, cặp gió sếu vườn thoăn thoắt một chốc là mất biến sau một ngã rẽ của thành phố.

Có tiếng pháo nổ dòn tan nghe thật hào hứng.

Chiều hôm đó, tôi và Mất Cọp bắt đầu rong chơi khắp thị trấn. Đi quanh mãi hàng phố nhỏ cũng chán, chúng tôi lê gót đến những nơi xa hơn. Ngôi chùa Khải Đoan làm bằng gỗ đẹp lạ thường, ngai ngút khói hương. Ngoài cổng chùa, trên con đường nhỏ đầu xuống thành phố, nhan nhản những sông Bàu Cua Cá Cọp. Tôi thua mất vài trăm bạc ở chỗ này. Mãi mê ăn thua tôi lạc mất Mất Cọp trong đám người chung quanh. Tìm mãi mới thấy Mất Cọp đang chúi đầu trong một sông bãi ba lá. Tôi phải kéo nó đi để tránh cho nó cái cảnh sạch túi vì thứ bạc bịp này.

Tôi cũng khá rành về Ban Mê Thuột nên tôi dẫn Mất Cọp vào sâu trong những rừng rẫy xa xôi của người Thượng. Mất Cọp cứ trở mắt thích thú nhìn những bầy con nít đen thui, tẩm suối, những ngôi nhà sàn nằm sát nhau trông thật dễ thương trong buôn Thượng. Chúng tôi đi dọc theo dòng suối Bu Jí và suối Đê, gặp trời nắng mà tẩm suối thì khoái biết mấy nhưng tiếc là mùa này nước lạnh bằng như nước đá. Dưới bóng mát của những cây rừng âm u, lá ướt nằm chất đầy trên đất đỏ. Đến trưa, tôi mua cho Mất Cọp ăn bằng thích một bụng bắp luộc và đu đủ. Những khu vườn ở ngoại ô thành phố vẫn đầy trái cây quanh năm và chủ nhà rất vui vẻ bán cho bất cứ người nào vào hỏi mua. Mất Cọp có vẻ thích hợp với rừng núi, từ trước đến nay nó chỉ nhìn thấy đồi núi, cánh rừng trong phim ảnh.

Đến chừng đi rong đã mỏi chân, tôi nói :

— Thôi, mình về phố. May có muốn đi xe ngựa không ?

— Khoái lắm, em chưa đi bao giờ.

Thế là tôi và Mất Cọp lặc lư trên một chiếc xe ngựa chạy lóc cóc chậm rãi. Con ngựa già khi leo lên dốc quốc lộ lè từng bước một như muốn sụm đầu gối. Tôi và Mất Cọp phải nhảy xuống xe, chạy bộ cho qua khỏi con dốc cao. Lát sau, bánh xe lăn đều lạo rạo trên mặt đường, mưa nhẹ đã làm mặt đất đỏ chỗ chỗ có vài vũng nước và sinh lầy. Mất Cọp ngồi nhai kẹo cao su, nhịp chân bên cạnh lổ mã phu mắt nó mơ màng như tưởng tượng mình là một chiến sĩ da đỏ trên lưng ngựa.

Tôi vỗ mạnh vào vai nó.

— Tụi mày bây giờ còn chơi trò mọi da đồ nữa không ?

— Hết rồi. Từ khi anh đi, ở nhà chán chết. Em bây giờ giữ « gôn » cho đội banh trong trường, bắt dính như keo. Thắng Để Lửa giờ siêng học ghê gớm, cả ngày cứ lăm lì chúm mũi vào vở, tháng nào nó cũng nhất lớp.

— Mọi da đồ mà cũng học giỏi thế à. Còn con Hươu Cao Cổ ? Mất Cọp quay đầu lại, bấu môi.

— Trời ơi, cái con nhỏ đó. Anh biết nó nói sao không ?

— Không.

Mất Cọp đem đưa cái miệng giả giọng con gái :

— « Em bây giờ lớn rồi, không thèm chơi trò con trai nữa. » Nó nói thế đấy. Anh mà thấy nó bây giờ thì phải biết, đi học mặc cái áo dài trắng tinh, trông « điệu » không chịu được.

Tôi bật cười, khuôn mặt của những đứa em hiện ra trong đầu óc, tôi cảm thấy thương nhớ chúng lạ lùng. Cái quá khứ nồng nức điên cuồng của tôi lại trở về đầu tôi muốn quên đi. Thuở đó không biết tôi là cả ở những quán bar đầy gái và bạn bè từ bao giờ. Mẹ tôi la mắng tôi suốt ngày, rồi một sớm mai tôi bỏ nhà đi theo một gã giang hồ hạng bét, nhưng hồi đó tôi thấy cô ấy tuyệt vời như thiên thần. Nàng bỏ rơi tôi ở Saigon để theo một kép giàu sụ, tôi không dám trở về nhà và phải vật vờ chen lấn mãi trong thành phố lạ mặt đó để kiếm sống.

— Về đến phố, tôi kéo Mất Cọp vào tiệm Mỹ Cảnh, hiệu cơm Tây duy nhất trong thành phố này. Tôi đãi nó một trận linh đình. « Bít-tết » thơm phứt, bồ câu quay, phở mát trắng và rượu vang đỏ. Tôi ép nó uống một chút và thích thú nhìn bộ mặt đỏ rần của nó sau vài hớp rượu. Nó bắt đầu gật lên gật xuống trông thật khôi hài và đánh rớt dao nữa mấy lần trong bữa ăn.

No nê, chúng tôi kéo đến thuê một phòng nhỏ đầy ấm áp trong khách sạn, có vườn cây và ở bên cạnh nhà thờ. Giọng Cọp là nè :

— Tiền đâu mà anh xài sang vậy ?

— Đừng lo chuyện đó, Mất Cọp. Tao đã đến tuổi không còn chạy rông trong thung lũng nữa,

Trong lúc Mất Cọp ngủ li bì trong cơn say của nó, tôi kiểm giấy bút và hí hoáy viết một bài báo lảm nhảm nhất trong đời tôi. Số tiền công tác phí, tiền gởi mua đồ của bà chủ, có vẻ đã gần cạn và tôi không thể bỏ Mất Cọp ở đây để làm tròn công việc của mình. Tôi không đắn đo viết thêm lá thư ngắn cho ông chủ nhiệm, đại ý :

Thưa ông,

Trời Ban Mê. Thuột gặp bão lớn, chắc là thổi từ Ai Lao qua. Các cơ quan quân sự ở đây từ chối không cấp phương tiện cho tôi ra các tiền đồn, đi máy bay trong lúc trời đang nổi cơn giông bão này theo họ là một cuộc tự sát. Bởi thế, công việc dự định của tôi không thực hiện được. Để bù lại, tôi gửi ông một bài phóng sự khác rất độc đáo : « Nghề trồng cà phê ở Việt Nam ». Ông và tôi đều thích uống cà phê, và tôi tin chắc có hàng triệu độc giả ghiền cà phê, nếu loạt bài này sẽ làm tờ báo bán chạy như hôm tươi mà không cần phải lặng phụ bản dào cải lương in 3p xết 7 màu...

Mất Cọp ngủ say một giấc cho đến chiều trong lúc tôi nặn óc để viết bài. Lúc nó ngủ dậy, trời bên ngoài nhìn qua khung cửa sổ đã tối đen. Chúng tôi xuống phố kiểm đến một tiệm cháo gà rất ngon ở trước rạp hát. Và mặc dầu rạp hát đang chiếu một cuốn phim cao bồi tôi đã xem rồi, tôi cũng kéo Mất Cọp vào xem lại, nó say sưa nhẩy lên nhẩy xuống ghế nệm vì những cảnh phi ngựa rượt bắn trên màn bạc.

Ở rạp hát ra, trong khi hầu hết mọi người đều về nhà, tôi và Mất Cọp vào một quán nước ở góc phố. Trời lạnh thế này mà nó làm luôn một lúc hai ly kem chocolat to tướng. Tôi uống bĩa lai rai cho đến khuya, khách đã về hết, người bồi uể oải sửa soạn đóng cửa quán.

Trên con đường tối đen như hố sâu, có lẽ chúng tôi là hai người duy nhất đang đi trong thành phố. Tôi quàng lấy vai Mất Cọp cho ấm người, gió rừng cao nguyên vi vu thổi về làm những chiếc lá bay bổng lẩn tẩn trên vỉa hè. Bây giờ thỉnh thoảng chỉ còn một hai tiếng pháo nổ, nghe xa xăm vì lẽ loi quá chừng.

Buổi sáng, tôi dậy sớm đến Ty Bưu Điện để gửi bài về cho tòa báo. Lúc tôi trở lại khách sạn, Mắt Cọp đã đi đâu mất. Tôi ra đứng trước cổng, nóng ruột chờ đợi để dẫn Mắt Cọp đi chơi, lần này chắc phải ở suốt ngày trong rừng với đầy đủ thức ăn nguội, bánh mì và thuốc lá... Tôi vui vẻ đưa tay vẫy Mắt Cọp, nó đang từ đằng xa đi lại một cách chậm rãi, vẻ mặt có vẻ tự lự khác thường.

— Mày đi uống cà phê một mình sớm thế à ?

— Không. Em lại nhà bà Trần, vụ mượn tiền cho má xong xuôi hết rồi. Má lại mới đánh điện tín gọi em về gấp. Chắc mai em về.

Tôi gạt đầu, đập đi tất điều thuốc lá còn lại. Mắt Cọp chợt nắm lấy tay tôi, giọng nói của nó van lơn tội nghiệp chưa từng thấy.

— Anh theo em về nhà đi. Anh còn muốn đi lông bông đâu nữa ?

Tôi vuốt ve mái tóc lờm chờm của Mắt Cọp, đôi mắt nó chợt ửng đỏ nước mắt khi thấy tôi im lặng. Mái nhà yêu dấu, thành thị xa lạ nhảy múa những tham vọng, tuổi trẻ lang thang với những giấc mơ chinh phục quyền rũ. Tiếng nói của Mắt Cọp vang lên gần như òa khóc.

— Theo em về nhà, đi anh.

Tôi băng khuâng nhìn về phía cuối đường, trái tim tôi đau nhói. Một cánh chim đen vội vàng bay qua khung trời mưa.

hoàng ngọc tuần

THƠ

*Tô Thùy Yên, Phạm Nguyên Vũ,
Cung Tiến, Duy Thanh, Ngọc Dũng*

THƠ CHO HELLENA OKAVITCH

He-le-na chưa nghe anh nói quê hương
Những sáng mùa đông mưa dầm gió thổi
Nghe trong da đau sót từng cơn
Người làm sao đã sống trọn đời buồn.
Anh chưa nói khoảng đồng cỏ cháy
Đường khô cằn tháng hạ trăng khuya
Nghe tiếng văng của đời anh dĩ vãng
Khoảng đất làm sao từ những mảnh ve chai cũ
Những rác rưởi ống bơ bãi cỏ
Làm thế nào thành phố mọc lên
Làm thế nào khoảng đất ấy buộc chân
Và hồn anh mỗi lần anh ruộng bỏ
Em làm sao mà hiểu
Một sáng kia anh tỉnh dậy tỉnh bơ
Nghe bên tai một tiếng chân đi
Tiếng xe điện lên đường ngoài lộ

Em không biết tại sao anh đau khổ
Như thịt da to nhỏ tiếng đồng bào
Và làm sao trong những giấc chiêm bao
Anh chỉ thấy những nhà hoang lối tối
Những mặt buồn rười rượi già nua
Trong mê sảng còn nghe tiếng nói
Những giọng này chầm chậm vào tim
He-ne-la gọi Pra-gơ không khóc
Bởi vì sao nào biết bởi vì sao
Thành phố ngủ đêm dài hấp hối
Ngựa nhọc nhằn từ đó mà đi
Chừng em cho hẳn sự tỉnh cơn
Lòng cảm động ngực tim hồi hộp
Ô quê hương từ nghĩa địa tha ma
Sao réo gọi hồn tôi không hết
Người còn sống đây hay đã khuất
Tôi nhìn mặt này đã gặp hay chưa
Nghe tiếng nói bỗng tay vồn vã
Mất vui mừng môi đợi ngạc nhiên
He-le-na em có biết không
Giọng ca đó anh viết ra khi trước
Anh vừa nghe ai hát bên kia
Hồn rung động anh nào nói được

VÀ CUNG TIẾN

Nhạc của hồn ta phải không
Hay của những đêm
xa gia đình nhớ điện cuồng
Mỗi một bóng cây là
tiếng thì thầm bạn hữu
Nhạc của hồn ta hay nơi đây
của đêm sao đầy mắt
Đây linh hồn
Ôi đêm tĩnh dậy nghe

trong khuya yên lặng nên
 giọng lời nghe từng tiếng
 Em nào có biết đâu
 Mỗi giọng nhạc của anh hay của bạn anh
 Đều nói những ngày mai chưa đến
 Em nào tin sự êm đềm
 và đau khổ ngày qua
 Như chẳng tin đời ta
 Có hai kẻ đọa đầy
 Bằng lên tiếng thay cho người khác.

MỘT ĐÊM Ở SYDNEY

Người thủy thủ già qua đây
 Nằm tù đêm giáng sinh với tôi
 Những giờ đêm tăm tối
 Khuya không ai ghé thăm
 Như bờ biển xa không đổi mắt nào
 Có rất nhiều tâm sự
 Xin Thượng đế nhìn tôi cùng rượu đỏ
 Ngày phán xét bao giờ
 Tôi sẽ ngủ với em hay sẽ quên
 Nhưng đừng hôn tôi như thế
 Tưởng vì tôi phiêu lưu không xót thương
 Hay tôi chỉ thương em
 Vì đã nằm trên vai tôi nước nở

phạm nguyên vũ

ĐỐI THOẠI

Gửi Th.

nhân vật

Sáng khuya đô thị hai giờ

Những mớ tóc yêu tình xỏa ngổ hểm
Những bước chân giầy rộn rã
Rộn rã trong tim
căng thẳng. Và những điểm lập lờ thuốc lá
Rồi rộn rã. Rồi cảm im
Rồi những thi thăm nhày nhụa
Nhưng trên kia là giải ngân hà như lụa

đôi mắt

Và chúng nó làm đầy khối không gian nhỏ
Bằng đủ loại hơi hữu cơ
Cười phi hơi dẹ dày tròn mồm
Ngây đại diện cuồng bệnh hoạn là
những cặp mắt sờ
da thịt em tàn nhẫn
Ngạo nghệ như thiên thần
Em thuộc về anh em không thuộc
về chúng nó
Em đoán — bằng và qua đôi mắt
Bằng sự vắng mặt của anh
Rằng có thể người ấy vừa nhắm mắt
Hoặc có thể đang nằm bệnh viện hoặc
có thể có thể chẳng có gì
Nhưng một sự thật em chắc chắn
là em muốn cần anh vì sự
anh thờ ơ

nhân vật

Đôi mắt dụ ăn-sâu-vào-trái-tim
theo đuổi chấp chờn như một sự hãi
Những cửa sổ đen ngòm thi thăm
Kề lè những sa đọa thường xuyên
Chứng kiến ở mỗi
sáng khuya đỏ thị hai giờ
Cột đèn nghiêm trang sao không nói

Cây reo lãnh đạm sao không nói
 Và cầu dài cầm bóng nhà cao đồ
 im lìm và vườn hoa và ghế dài và
 thêm nhà và
 Tại sao không nói. Xin
 cúi đầu van lạy đừng ruồng bỏ
 Bởi biết rằng sáng mai khi mặt trời
 về các người sẽ
 thân yêu và tha thứ

dối mắt

Em thề em không thuộc về chúng nó
 Thương hại những mớ tóc vàng
 mềm óng bóng bênh gió biển là những
 thủy thủ Noel lặn đầu bến lạ
 Và mỗi ngạc nhiên nhạo báng vô tư
 Bởi những sợi tóc giả những cánh tay giả
 Quàng xiết bằng một đám mê lạnh
 Những con mắt bốc hơi những bụng tròn
 Không thở những thuốc lá quên hút
 những toan tính nhày
 nhựa và vãi bàn trắng rượu đỏ lênh láng những
 — Chắc hẳn nhà đang lung lỉnh
 Mẹ và các em đang cầu kinh
 Thân thề em biết phút này thôi không huyền
 diệu nữa phải không anh
 Nhưng còn anh em biết em
 sẽ cần anh vì sự anh thờ ơ

thần vật

Cửa sổ đen ngòm cười mai mỉa
 Đường âm tiếng giày khô
 Nhạo báng
 Và trên kia là giải ngân hà như lụa
 sao rơi vào mắt vào tâm hồn như mưa

Phổ rỗng. Cây vắng mặt. Cột đèn bỏ quên
Hai điểm sáng long lanh tinh nghịch cầu xin
làm nhói trái tim
Trên cầu bóng loạng choạng
một thủy thủ già trên môi vừa chết đi
khúc ca chiến thắng của bản năng
Không không trăm lần không
Và sương này mưa lò cửa sổ
Gối trắng mờ sáng — đêm — chờ đợi thân yêu
Bàn ghế hòm tử sách vở chạy số êm đêm thăm hỏi
Và những trang vàng
Và tận cùng một quyển sách là
điểm mong manh một chân lý

SONNET

Như những tiếng cầu xin cứu vớt linh hồn chúng tôi
ngoài khơi bí mật đến từ một con tàu biển
qua những mảnh danh từ dệt nên hồn nhiệm
em vẫn chỉ là tóc mây cở nổi và môi.

Sau áo len danh từ là thế giới xa vời,
là đêm không trăng sao là trùng dương thăm thẳm
qua những chuỗi ngọc cười, em vui.; nước mắt đầm
vai anh, em buồn. Đêm hồn anh dài không nguôi.

— Kèn đồng xin loa vang đập những thành kia xuống !
Bóp nghẹt tiếng cười, và xin khô héo đôi môi ;
hãy cho tê liệt bàn tay, cảm nghẹn những lời

yêu, thương, sầu, nhớ. Hãy vượt qua thành hiện tượng,
sợi mặt trời sau mắt em, để tôi chiêm ngưỡng
hình tôi.

thạch chương

BÀI THƠ HOANG

người ơi đi gần lại
mà sao buồn xa xôi
xin đừng lên tiếng nói
cho tôi còn gặp tôi

và hé chút cửa ngoài
tôi tự làm khán giả
ca ngợi tôi một mình
sân khấu buồn mộng mênh

căn phòng như biển lớn
bàn ghế kể chuyện mình
thủy triều dâng cuộn cuộn
điều thuốc đầu tiên chẳng ?

mọi người là chủ nhật
riêng tôi là thứ hai
hoàng hôn to lớn mãi
tôi nhìn không ra tôi

đêm bắt đầu trở lại
một ngày đi qua nhanh
ngọn đèn không thấy nói
tôi hoàn toàn cô đơn.

ngọc dũng

THÂN PHẬN CỦA THI SĨ

I

Cô đơn bằng Thượng Đế
Yếu đuối như linh hồn

Làm sao tôi trèo lên
Vực thăm tờ bản thảo
Trắng như giá băng

Ngó thấy từ đằng xa
Cuộc đời hàm tiếu thật
Tôi lẽ đại ôm ghi
Làm dập hoa sứt gai
Còn gì tuổi trẻ nữa

Chắc tôi sẽ cắt đứt
Huyết mạch cánh tay buông
Tất cả máu có thêm
Dòng nào cho tiêu sử
Có xóa giùm nó chăng

Chẳng bao giờ danh vọng
Mọc đôi cánh lang thang
Triết lý dạy cần răng
Tôi kiệt sức kiệt sức
Cuộc đời cuộc đời ơi.

II

Thần thánh rủ huyệt chân
Rớt xuống trần bụi bặm
Thấy nhà thơ kính cần
Thành lưới gươm tuốt trần

Có đọc thuộc thánh thư
Linh hồn tôi vẫn vậy
Tôi vẫn không thể lạy
Dù đứng trước hư vô

Đầu tôi cứng và trơn
Thượng Đế làm sao ngự

Tôi đành trốn chủ nợ
Định mệnh đòi linh hồn

Năm tháng nhúng hoàng hôn
Đến rồi rời thế xác
Tôi thấy đã mất mát
Tất cả trừ cô đơn

Cuộc sống nhiễm lấm than
Nằm liệt trên buồn bã
Thượng Đế diễm nhiên lạ
Tôi đánh liều cười khan.

ĐÊM QUA BẮC VÀM CỐNG

Đêm qua bắc Vàm Cống
Mối sầu như nước sông
Chảy hoài mà chẳng cạn
Cuốn phàng kiếp bẽnh bồng

Tôi đi xuống Lục Tỉnh
Đề rắc bỏ ven đường
Tài tâm hồn kỷ niệm
Giữ làm gì đau thương

Đổi lần nhăm lẫn
Còn gỡ cửa ái tình
Van nài chút lưu luyến
Cửa không về người xin

Tôi chầm điếu thuốc nữa
Đốt tàn thêm tháng năm
Chiếc bắc xa dần bến
Đời xa dần tuổi xanh

Nước tách nguồn về biển
Sầu lại chảy về hồn
Khi tôi vượt lấy mặt
Nghe bàn tay ướt mem

tô thủy yên

XUÂN

bình hoa vàng nho nhỏ
bàn tay sâu trong lòng
mất nhưng thăm lệ hỏi
mùa đương về rừng rừng

MỘT MÌNH

một vì sao run trên không
một ngón tay rớm máu
chiếc lá cây ngơ ngác trên cành
anh yêu em cánh chim bé nhỏ
cuộc đời mệnh mỏng

GIẢN ĐƠN

khi mà những mặt trời xanh rụng xuống
trang sách tâm hồn bay lên
khi mà những ngọn roi vút đau hạnh phúc
khi mà những ngón tay mùa xuân
trần truồng bí mật
trong khu vườn hoang đêm thâu
khi mà con sông ngành vai anh quần quai
khi mà hiểu dịu lên vút xanh trời

anh trở về yêu em vĩnh viễn
từ giấc ngủ cuồng vọng xa vời
từ đêm dài mùa đông lạnh biển
anh ngó vào trái tim đang cười
với đóa hoa đá trắng
cùng em đi vào biên giới những vì sao.

KHOẢNG CÁCH

tôi nhớ không còn gì
khoảng cách trần trường vô nghĩa
tờ giấy trắng bọc gọn trái tim
nét chữ bôi lên kín cả
tôi nhớ không còn gì
chiếc đỉnh hoeen rỉ
cắm sâu vách gỗ một căn nhà bỏ vắng
khoảng cách thời gian trống trơn
người đi qua và tiếng giày nín lặng
tôi nhớ không còn gì

HÀNH TRÌNH

hơi thở chưa bao giờ ngừng
rưng rưng đường phố nín
bài hát mất đi trong đôi môi
tôi vẫn chưa muốn trở về
nếu em còn một các hoa
tôi sẽ yêu chiếc cửa sổ mở ra ngoài trời
nếu không người nào đứng lại
tôi sẽ ngủ dài vệ đường
bao nhiêu thuyền lá vàng rụng xuống
ôi những chuyến đi với không gian

SƯƠNG

trong mảnh nghĩa trang thăm kín lòng mình
tôi gục đầu và khóc bên một nấm mồ
Ôi những hạt sương đọng trên bụi cỏ hoang
sao hình em lại mọc đầy

duy thanh

NGUY NGỮ

sân bay

Tôi xách chiếc xác bước xuống khỏi chiếc xe dogde, chào cảm ơn viên tài xế đã cho quá giang, đi vào lối mòn nhỏ giữa hai bờ kẽm gai đan thưa, vào phòng đợi, bỏ xác lên hàng ghế kê sát dưới mái hiên ngoài, lại quầy ghi đường bay. Phòng đợi vắng ngắt. Một người đàn bà đang ngồi tựa lưng bên đồng hành lý ngược mắt nhìn tôi, miệng bồm bồm nhai trầu; hai thằng con trai chừng 16 tuổi áo quần tóc tai cất theo một mớ đứng tựa khung cửa trống ngó mông về thị trấn; bên quầy, viên trung sỹ mang cái lon trắng trên tay áo đang ngồi gập đầu lặng yên. Đến đứng chờ một lúc, viên trung sỹ vẫn không nhúc nhích, tôi mím môi bật nói khẽ: ông. Thoảng giật mình, y ngừng nhanh dậy, đôi mắt mê ngủ đỏ hoe, khuôn mặt phờ phạc, hai cái môi dày như miếng thịt trâu bị xẻ đôi ngậm cứng. Tôi đưa tấm giấy lệnh di chuyển đường hàng không quân sự tới cho y. Y cầm xem qua, lúc đầu, đáng bực mình:

— Lại khách trễ. Khi tàu đến thì không có ma nào cả, tàu đi rồi lại đưa nhau đến.

Tôi chừng hửng, không buồn không vui:

— Tàu Sài Gòn đi rồi à ông?

— Vừa đi chừng nửa giờ.

Y nói chậm chạp, mắt vẫn nhìn vào tờ lệnh di chuyển, cây bút nguyên tử có giấy buộc bất động giữa bàn tay. Tờ manifeste mới có mấy cái tên viết sát vào nhau và một khoảng trắng trống phía dưới. Tôi chợt thấy chân nắn mèngh mông.

— Thế trong hôm này còn chuyển tàu nào về Sài Gòn không ông ?

— Điều đó không ai biết được chắc chắn cả, ông cứ chờ, may ra thì có chuyển đặc biệt hoặc là có chuyển Biên hòa.

— Còn những nơi khác ?

— Nơi nào ?

— Đà Lạt, Nha trang, Qui nhơn, Đà nẵng.

— Ông đi à ?

— Vâng, nếu không có chuyển đi Sài Gòn.

Y thả cây viết xuống, đưa trả tờ lệnh di chuyển cho tôi, giọng nói đều đều như từ một nỗi mỗi một đã quá lâu năm chầy tháng:

— Thế thì khỏi cần ghi tên làm gì, bao giờ có tàu ông cứ ra.

— Nếu có tàu Sài Gòn thì sao ?

— Cũng vậy.

Tôi gạt đầu chào, bỏ đi, gấp tờ giấy trắng ủng nhàu nát vào túi. Người đàn bà tóc hoa râm vẫn cái miệng bồm bồm nhai trầu và đôi mắt vô hồn nhìn lại tôi, hai đứa con trai áo quần hippy vẫn đứng ngu ngơ ngó về thị trấn, và phía sau kia viên trung sĩ lại gấp đầu xuống mặt quầy tiếp tục ngủ. Miệng cô đắng ngoét, tôi trở ra ghế ngoài ngồi xuống cạnh cái xác với cơn chóng mặt xây xẩm.

Nắng đã lên cao. Da trời mười xanh trên những đồi núi lam nhạt chập chùng, những cụm mây trắng thưa lạng lẽ, vài ba vầng sương mù qua đêm chưa kịp tan còn che bạc những lũng sườn xa cuối tầm mắt. Giữa nắng, sân bay như một bãi đất trải ra trống hoe mề mề, nhà cửa xếp thành khối thấp chụp, rải rác dăm ba thằng Mỹ tới lui, dăm ba người đàn bà Việt nam áo trắng thấp thoáng ẩn hiện. Tôi ngồi lặng yên, cơn chóng mặt lắng dịu, màu nắng loảng chói đặng trước với một chút hối hận nhạt mờ: sao mình lại không đi xe đồ. Đi xe đồ đâu có cái cảnh phải ngồi như thế này. Xe bỏ bến lúc 6 giờ sáng, hẳn bây giờ cỡ 9 giờ, xe đang thoăn thoắt trên những dốc đèo xuôi

đến về miệt dưới rồi. Tôi hình dung ra thật dễ dàng một chỗ ngồi bên khung cửa gió lộng và màu lá cây xanh bạt những hương mát trông vời. Với chút ân hận vô vị đó, sự khó chịu của những giờ ngồi thu chân trong lòng chiếc xe dai dẳng lê lết dọc con đường dài mấy trăm cây số bây giờ đã mất hẳn trong trí nhớ tôi, không còn gì cả, như màu nắng vàng bị lấp biệt bên sau những cơn mưa hôm qua, như 11 tháng ghé ở đã hụt rời.

11 tháng, tôi không ngờ thời gian lại có thể kéo dài đến gần đó từ một sáng mai nào ôm chiếc xác bước xuống khỏi bàn đập chiếc xe đồ đứng thích thú nhìn những đoàn mọi gái trai già trẻ gù vồ bần thiu nối nhau qua đường. 11 tháng, bao nhiêu lần khất hẹn dần dà với mình và cơn thúc hối cuống quýt không thể cưỡng tránh, tôi phải đi. Không thể ở thêm một ngày nào nữa được, phải đi ngay trong hôm nay. Trong các góc phố dưới kia sáng nay tôi là kẻ vắng mặt, một kẻ đã chết. Căn phòng được trả lại, chiếc chìa khóa cửa kẹp với món tiền tháng cuối cùng trao sang tay bà chủ, cười chào từ giả, cười nhận lời chúc lành và bước nhanh ra khỏi khoảng sân rợp bóng cây, đón xe lam đi nhận lệnh đi chuyển, ngồi hút thuốc đọc sách đợi lệnh đi chuyển, bực mình với cái mặt như mặt mèo bệnh của viên đại úy trưởng phòng trưởng ban gì đó, nhận giấy đi chuyển đón xe dodge xin quá giang lên sân bay, đến đây ngồi ngó mông ra nắng. Đã trở chuyển Sài Gòn. Có thể sẽ không về được Sài Gòn hôm nay như dự định, nhưng trong hôm nay chắc chắn tôi phải ra khỏi cái thị trấn này. Không đi được Sài Gòn tôi sẽ đi Nha Trang hoặc Cam ranh Đà Nẵng hay bất cứ một nơi nào có tàu đến, vì thật ra đối với tôi bây giờ nơi nào cũng như nhau cả, đều không có một việc gì cần thiết hoặc một hẹn hò nào ở đâu cần giữ đúng hết. Nhưng Sài Gòn, bao nhiêu lần trong mấy ngày gần đây, với cơn thúc hối tôi đã mơ tưởng tới nó, mơ hồ thấy cái dáng mình sẽ len lỏi giữa thành phố náo nhiệt đó. Tôi muốn lần vào một vùng sinh hoạt trái ngược lại với tất cả những gì 11 tháng quen thuộc nhàm nản nơi đây. Sài Gòn ciné, Sài Gòn báo chí, Sài Gòn những đường phố dài đầy tiếng động, Sài Gòn tai nạn, Sài Gòn nắng bức.

Không biết hôm nay còn chuyển bay nào ghé xuống đây trước khi về Sài Gòn nữa không. Đầu óc tôi càng lúc càng ngột ngạt hơn. Tôi không muốn nghĩ ngợi gì nữa, nhưng càng lúc muốn được trống rỗng thoải mái trí tưởng lại làm việc một cách quá đáng: Không có tàu Sài Gòn đã đành rồi mà đồng loạt tàu đi mọi đường bay khác cũng không có, chán gì cách để không có, ví dụ như những phi trường lớn nhỏ đều bị pháo kích cháy hết hoặc lệnh ngưng chiến bất thành linh cảm tất cả mọi sự di chuyển quân đội chẳng hạn, hằng trăm hằng triệu cách; và tôi chỉ một cách độc nhất: mang xác trở về, chào ông bà chủ, nói lý do không đi được để xin ngủ thêm một đêm đợi xe, mượn lại chiếc chìa khóa cửa, tra lại vào ổ, nghe lại tiếng lách cách khô khan, nhìn lại vào vùng tối đen bên sau cánh cửa. Không thể được. Bất chợt tôi vùng đứng nhanh dậy và đứng dậy chẳng biết mình đang đứng làm gì, tôi đảo mắt nhìn một vòng chung quanh, ngồi trở xuống. Hình ảnh căn phòng đã mất hết những rác rưởi sắp dọn thân quen của mình như lơ đãng hiện ra hoài trước mắt. Ở đó tôi là kẻ đã mất bóng, tôi không thể mang cái xác mỗi truy này trở về nằm đồ xuống được nữa. Nỗi chán nản mệnh mông vậy ngợp lên từng ý nghĩ, tôi mê dần đi, tứ chi rời rã bại xuội cơ hồ không thể làm gì được nữa. Nhớ đến tập sách, tôi mở miệng xác lấy ra đọc giết thì giờ. Sau bữa ăn tối hôm qua tôi đã đọc xong chương thứ ba, buổi sáng ngồi đợi lấy giấy di chuyển tôi đọc thêm được mấy trang đầu chương thứ tư, bây giờ lật lui lật tới, ngồi nhìn vào từng trang đầy đặc chữ nghĩa tôi chẳng biết mình đọc đến đâu và đọc được những gì rồi. Tập sách nghiên cứu về nguồn gốc và sự tiến hóa của hệ thống sinh vật học có mặt trên địa cầu. Đại khái thế, như mấy giòong tựa ngắn ngủi ở trang nhất. Tôi dễ dàng nhanh qua từng tờ, ép ngửa tập sách xuống, cố gắng chăm chú vào các giòong chữ. Đọc, đọc, đọc. Đọc và không biết mình đang đọc những gì nữa. Những trang giấy dờ dẩn trắng đục, những giòong chữ nổi dài lần lần, và đầu óc tôi như một hàng động hồ trống lâu đời.

Thu hết tâm trí vào sách, đắm đắm theo từng giòong chữ, đọc, đọc, đọc, đọc để mở mang kiến thức, đọc để nâng cao đời sống

mình, đọc cho đời sống dễ sống hơn; đọc và chìm vào những
 chân trời khác, mở mắt cùng những vùng không gian bí ẩn, đào
 thoát khỏi thực tại, quên hết dĩ vãng tương lai. Được, nhưng
 với điều kiện là đầu óc kẻ đọc khả dĩ còn một chút tươi mát tối
 thiểu nào đó. Giữa cơn chán nản tàn đại này, tất cả bây giờ đối
 với tôi đều trở nên hoàn toàn vô nghĩa, vô nghĩa đến vô lý đến
 độ không thể quan niệm được nữa là khác. Thi ca, nghệ thuật,
 văn chương, âm nhạc, triết lý... Hoàn toàn không ra con mẹ gì
 hết. Nếu ai chịu khó làm một bảng xếp hạng thì ngôi vị dẫn đầu
 vô lý nhất sẽ là của chủ nghĩa văn chương triết lý và ngôi cao
 nhất tất nhiên là của âm nhạc. Âm nhạc, và ngừng lại đó, rồi
 thôi, nhường chỗ cho phần của tôn giáo: bùng tai nhảm mất với
 tất cả trần thế để đắm đắm ngưỡng vọng về những xứ sở xa vời
 cõi khác. Có phải đó là lý do những đèn điện cúng thờ bệnh
 hoạn còn lầy lắt mãi không cách nào cạo sạch mất dấu được trên
 mặt đất này, lý do vì sao có sự hiện diện thừa thãi của đám tu
 sĩ ăn bám ở nhờ trong cái xã hội ngập ngụa những chính nghĩa
 những ảo cớ dục dành chém giết đâm vằm nhau đầu từ ngàn
 xưa tới giờ và chẳng biết đến bao giờ mới chấm dứt này. Đến
 một độ khủng khoảng nào đó hoặc với sự chán nản cùng tuyệt,
 con người sẽ chẳng còn thiết gì nữa ngoài tôn giáo; và bên cạnh
 tôn giáo, trước khi tiếp giáp đến cái chết đen tối bủa vây, con
 người còn một mớ móc niu nữa, đó là người bạn khác giống của
 mình. Người nam tìm đến với người nữ và người nữ tìm đến với
 người nam. Người nữ: cái dáng của thiên thu, giọng nói ru dỗ
 đánh thức dậy những miền xứ êm đềm mệnh mang ngoài trí nhớ,
 hơi lạnh mát ngàn kiếp trong từng ngón tay, đôi mắt nhìn vui mở
 ra các phương trời xa xăm chưa đến, những giận hờn buông bỏ,
 những vùng da thịt kỳ bí, chút ấm áp bù ngùi, sự cọ sát bốc
 cháy, cơn bão lốc tối tăm và ngọn lửa đen của vĩnh cửu chấp
 phùng nhòa nhập hết những phân ly. Đó là điểm cuối, cái bờ bến
 sau cùng của mặt đất. Và thi ca, nghệ thuật, triết lý, văn chương,
 đui mù ở lại bên sau kia với những kinh tế, chính trị, nhà thờ,
 nhà chùa, cha cố sư sãi thừa mức cùng những khí giới những
 cuộc chiến tranh không thể ngoài đầu trông lui. Bây giờ đây
 trong trạng thái này, làm sao tôi tỉnh táo ngồi đọc xong một tập

sách triết lý hoặc một tác phẩm văn chương đã được phát hàng trăm cái giải quốc tế hay vài ba bài đường thi chẳng hạn. Vô lý. Tôi làm bầm một mình : kỳ cục, vô lý, vô lý, và bật cười thành tiếng. Tiếng cười như từ cơn điên ngột tắt nghẹn.

Có tiếng động cơ u u đâu từ bên ngoài. Tàu tới, tôi nghĩ vậy và ngược nhìn lên các hướng trời : nắng lóa sáng, không có gì cả. Trước lối đi, một chiếc xe jeep nhà binh vừa trèo lên khỏi dốc, đỗ lại, một cặp trai gái bước xuống. Đưa con trai mặc áo len vàng ửng, quần xám nhạt, dáng chải chuốt gọn ghẽ ; đưa con gái quần áo cắt may theo mốt mới : quần trắng ống rộng, áo trắng ngắn lền gần gối, tay xách cặp ôm gối, tóc thả dài bay bay. Cả hai cười nói gì đó với người lái xe rồi tách khỏi đường lờn đi vào lối mòn. Chiếc jeep quày đầu lại trở lui ra ngoài dốc, tiếng máy âm âm sâu xuống lũng, xa trên lưng đồi bên kia, mất tầm mắt. Cái phồng đoan nhạt nhẽo thoáng qua trông đầu óc bức nức của tôi : chắc là một đôi vợ chồng trẻ. Hai đứa đi gần lại đằng trước tôi, tiếng giày guốc nghiêng lạo xạo trên mặt sỏi. Tôi ngồi nhìn ra. Hai khuôn mặt tối đen giữa màu nắng, cái đầu đưa con trai ngắc ngắc và cánh tay đưa lên, tiếng kêu lớn :

— A. Nguyễn.

Nguyễn. Tôi chùng hững, chăm chú nhìn vào khuôn mặt tối ửng mím cười với nụ cười của hân. Nguyễn là tôi, không cách gì hân có thể lầm lẫn được cả, không lẽ lại có đến hai thằng cùng tên Nguyễn mặt mày giống nhau như đúc ở trong thị trấn này và hân là ai thế. Tôi đứng lên. Hân đang cười cười đi tới đó, dáng đi hơi lệch nghiêng với chiếc va ly có vẻ khá nặng. Khuôn mặt trông quen quen nhưng tôi không nhớ đã gặp gỡ nơi nào rồi. Đi vào hiện, bỏ chiếc va li lên đầu ghế, hân đưa tay bắt, cười hỏi :

— Toa đến bao giờ ?

— Cũng vừa mới tới đây thôi.

Tôi trả lời hân, cười gật đầu chào đưa con gái vừa đi vào đứng bên sau hân. Hân rút khăn lau mồ hôi, vừa lau vừa giới thiệu nhanh :

— Hồng em gái moa, còn đây là anh Nguyễn bạn anh.

— Hai anh em đi đâu bây giờ đó ?

— Sài Gòn. Còn toa ?

— Sài Gòn à ? Thế là lại có thêm hai hành khách trở tàu.

Câu nói của tôi thoát ra khỏi miệng lưỡi gây cái tác động thấy rõ được ngay trên khuôn mặt Hồng: đôi mắt thoáng tối đi, hàm răng cắn lấy môi dưới, tiếng hỏi khế không dấu nổi cơn nóng :

— Có chuyến Sài Gòn bay rồi à anh ?

— Vâng, tôi đến thì nghe đầu tàu vừa đi.

Yên lặng một chút, thẳng áo len vàng nhìn Hồng, nhìn ra sân, chợt hỏi trống :

— Sao. Bây giờ tính sao đây ?

— Chờ chứ còn biết làm sao nữa. Tôi nói, cố tình làm bộ lơ đãng. Chờ may ra còn chuyến đặc biệt về Sài Gòn hoặc là phải đi Biên hòa rồi về Sài Gòn sau.

Thẳng áo len vàng quay qua Hồng đôi mắt hơi nướng lên với nụ cười khổ mệ.

— Còn em ?

— Em đợi. Hồng nói buông thõng như không suy nghĩ gì cả, đáng buồn rầu đứng đưng.

Thẳng áo len vàng lại xách chiếc va ly lên làm dấu chào tôi, quay đi : đợi moa vào ghi đường bay một chút. Hồng lặng lẽ ôm cặp gói nghiêng đầu chào, theo anh vào quầy. Tôi ngồi xuống chỗ cũ, nhìn cái bla sách, trí tưởng quay quanh khuôn mặt hắn: không biết mình quen hắn bao giờ, hắn tên gì, ở đâu. 11 tháng trong thị trấn này tôi ăn ngủ tới lui giữa bao nhiêu bày biện, với bao nhiêu mặt mày gái trai. Tất cả vừa bị tháo rời lại đẳng sau chấp chừng tan hút vào vô danh. Và hắn là ai trong số những mặt mày đó. Cùng trọ một đường, ăn cơm tháng chung một quán, một buổi cà phê nào hai đứa ngồi chung bàn, một người bạn gái trai già trẻ nào hai đứa cùng quen. Vô ích. Tôi càng cố gắng gợi nhớ càng bị rơi sâu vào cái lú lẫn như một bãi lầy rộng mênh. Phía trong phòng, giọng hắn đang chuyện trò với viên trung sĩ manifeste, chốc chốc giọng nói yếu ớt của Hồng chen vào vài câu ngắn không nghe rõ. Một lúc sau, tất cả hành lý đều bỏ lại đầu ở bên trong, hai đứa cùng trở ra, hắn lắc đầu tỏ vẻ thất vọng ngồi xuống bên tôi, Hồng vòng hai

tay lên ngực đứng tựa bên thành cửa. Tôi gấp tập sách bỏ ngay miệng xắc cười hỏi hắn :

— Sao ? Không đổi ý kiến chứ ?

— Không. Moa thì bảo về đề mai đi cho chắc hơn nhưng Hồng nó lại thích đợi.

Vẫn đứng yên nhìn ra xa, Hồng nói giọng có vẻ giận dỗi.

— Ai mà thích đợi bao giờ.

Hắn cười và lắc đầu :

— Thì thôi mà, lỡ cả rồi bây giờ biết sao.

Chừng thấy tôi không hiểu câu chuyện, hắn giải thích : hắn chỉ đưa Hồng đến đây thôi, Hồng về Sài Gòn một mình, hắn còn phải ở lại đã, đáng lẽ ra Hồng về từ tháng trước kia rồi nhưng ham vui ở lại thêm mấy bữa rồi ngã bệnh dai dẳng cho đến bây giờ hôm qua Hồng đã thu dọn tất cả nhưng hắn bị kẹt phải dự đám cưới một người bạn khuya về say mèm, sáng nay dậy trễ, ngày đó vật dụng Hồng không thể một mình mang từ nhà lên đây được phải ngồi đợi hắn, đợi từ 6 giờ sáng đến hơn 9 giờ... Hết kể, hai bàn tay nhấm mạnh từng chỉ tiết, miệng huyền thuyên mọi toa, điều thuốc chấy phi phèo. Hồng vẫn đứng yên nhìn ra xa. Hết kể với tôi, hắn ngược lên nhìn Hồng, giọng nói đổi n chầm rãi :

— Em tính sao bây giờ đây ?

— Em đã bảo em đợi mà.

Thoảng một chút do dự, hắn chắt lưỡi, hút thêm một hơi khói đầy, thả mẫu tàn xuống đi mũi giày chà nát :

— Hay là thế này nhé, bây giờ em ngồi đây đợi tùy với anh Nguyễn, anh về thu dọn cho xong mấy việc đó, 12 giờ trưa anh và anh Trúc sẽ mang xe lên, nếu không có tàu em với anh Nguyễn cùng về luôn. Sao, đồng ý không ?

— Em đã nói tùy anh mà, sao đó cũng được.

Hắn lắc đầu nhìn tôi, thở dài, cười nói nhỏ : khổ quá. Tôi nói cho có chuyện :

— Gì mà khổ, ngồi đợi cho vui luôn...

— Kẹt nời là hôm nay moa còn bận nhiều chuyện quá.

Mặt trời lên cao dần, nắng đã bắt đầu chuyển sang hanh khô. Những mẫu chuyện vắn vơ dài dài giữa tôi và hắn. Hồng vẫn

hồn bã đứng nhìn về phương Đông Bắc, thỉnh thoảng gật đầu lắc đầu với những câu hỏi nói của hân, không góp thêm một tiếng nào cả. Tôi có ý đợi Hồng tham dự vào câu chuyện để hay ra nghe nàng gọi thẳng áo len vàng này tên gì cho buổi chung đụng được tự nhiên hơn, nhưng vô ích. Hồng đứng bất động, khuôn mặt trắng mát cắt nghiêng đằng trước tôi, đôi mắt đăm đăm nhìn hoài ra xa, đôi môi khép im chia cách. Và hân, quay sang tôi : toa và moa, quay sang Hồng : anh và em. Và tôi, vẫn không thể nào nhớ được hân là ai. hai đứa đã gặp nhau quen nhau nơi nào rồi. Hân đó, áo quần chải chuốt, hàng ria lún phún, đôi mắt ẩn dấu nhiều mưu toan lươn lẹo, nụ cười khó gây được tin tưởng ở kẻ đối diện, hai bàn tay da trắng nõn gân xanh. Đại khái thế, chung chung cái vóc dáng của hân là sa sỗ bọn con trai có chút đỉnh ăn học ở khắp các phố phường Nam Việt này, mờ mờ lấp lẩn với bao nhiêu mặt mày vóc dáng dọc đường. Tôi ngồi, nghe hân nói, nhìn hân, nhìn Hồng, lâu lâu hỏi thêm vào một câu ngắn để chứng tỏ sự chú ý của mình, cười với vài ba chi tiết vụn vặt không đáng cười. Hồng vẫn buồn bã nhìn xa. Phương Đông Bắc : mây sương vàng trắng và màu núi lam nhạt âm thầm.

Tôi ngồi nghe, ngồi nhìn hân, nhìn Hồng ; và cơn chán nản tàn đại không dưng mất tích hân, mặt mù theo những bày biện hôm qua, những cơn mưa âm vang dai dẳng, tưởng chừng không còn nhớ tới được nữa, như 11 tháng đã hút rồi. Tôi đang ngồi đây, đầu óc lập lờ những niềm vui dẫu dằng không rõ mặt. Hân là mùa mưa đã qua hết rồi giống lời bà chủ nhà vừa ôm ngực ho khan vừa lẩm bầm nói một mình bồi sáng. Tôi đốt nổi hết điếu thuốc này sang điếu thuốc kia. Chốc sau, cơn hồ đã quên hân, vừa nhớ ra được, thẳng áo len vàng lại nhắc đến người đàn ông tên Trúc và lặp lại câu đề nghị hỏi nầy. Vẫn cái giọng hững hờ, Hồng nói không đổi hướng nhìn :

— Thi anh cứ về đi có gì đâu mà cứ nói mãi.

— Anh bận quá, nếu không anh sẽ ngồi đây với Hồng đến chiều đến mai cũng được chờ về nhà làm gì.

Tôi chum môi thở từng ngụm khói trắng loãng ra nắng, mỉm cười với những lời đối thoại của hai anh em Hồng. Có lẽ Hồng là một con bé rất khó tính, một đứa con gái út của gia đình

khá giả được lớn lên giữa sự nuông chiều quá đáng, một coc bé dễ hơn giời và hay khóc. Hồng đang muốn anh ở lại cùng ngồi đợi với mình, nhưng không được, thằng anh phải về. Còn bạn nhiều việc quá anh phải về thu xếp cho xong trong hôm nay, anh cũng muốn... Loanh quanh chỉ chừng đó. Một khoảng im lặng nổi dài. Tôi hỏi :

— 12 giờ trưa Hồng về, lẽ chiều có tàu thì sao ?

— Đây mà làm gì có tàu buổi chiều.

Sân bay không có tàu đến vào buổi chiều, thêm một điều nữa tôi mới biết được về thị trấn này. Sau câu nói với tôi, thằng áo len vàng lại quay qua Hồng nói đến những bận rộn dưới phố, những công việc gì đó có liên quan cần thiết với anh Trúc, rồi trở về dặn tôi : moa về bây giờ, nếu có tàu đến nhờ toa giúp Hồng cho moa một tay. Tôi gật đầu nhận lời. Hồng vẫn đứng lặng lẽ như không nghe thấy gì cả. Hết dặn tôi hẳn lại dặn Hồng những chuyện phải làm khi về tới Sài Gòn : nhớ đưa thư gấp, nhớ nói với má rằng, nhớ nhắc ba... Dặn tới dặn lui, đứng lên bắt tay tôi, thôi moa về, lại dặn Hồng thêm lần nữa, dặn kỹ hơn, xong hẳn mới chịu chạy nhanh ra đầu lối môn kịp đón chiếc jeep của lính Mỹ từ trong sân bay vừa đến để xin đi nhờ về phố.

Tôi và Hồng ngồi lại, trên chiếc ghế sơn xanh đóng thô, dưới mái hiên che im ngoài phòng đợi quanh hiu này, cùng trông ra sân nắng, cách nhau một chỗ ngồi mới bỏ trống. Hai đứa, vài ba câu hỏi đáp ngắn gọn, rồi thôi. Tôi vốn rất vụng về trong việc bắt chuyện với bọn gái. Tôi không biết phải nói gì, nên đề cập đến vấn đề nào, và thật tình với cái vụng về đó tôi thấy cũng chẳng có gì để đáng nói đến cả. Tôi và Hồng, hai đứa hai cuộc đời xa khuất mặt mừng ngoài tầm mắt nhau, bởi một chút tình cờ muộn trễ để được chung đụng ngồi lại nơi đây, không có chung một kỷ niệm vui buồn nào để nhắc kể và hướng vọng nào ở ngày mai đề bàn tính. Không có gì cả. Tôi tiếp tục đốt thuốc hút, thở khói, vẫn vờ nhìn theo những đợt khói tan trắng vào gió cuốn mất, và Hồng ngồi lặng yên. Giá bây giờ Hồng đứng dậy đi vào với những va ly xách gói bên trong để làm gì đó hoặc đề ngủ như người đàn bà tóc hoa râm cho qua thời gian chờ đợi, chắc hẳn tôi cũng chẳng biết làm sao để níu

giữ nàng lại nữa. Hồng đi, tôi sẽ ngồi đem sách ra đọc, sẽ đi quanh quần lui tới ngoài này, sẽ ngủ quên cho đến khi có tàu tới, sẽ lên đi bất cứ chuyến tàu nào, và có chàng là một chút tiếc nuối nhẹ nhàng lâng người với những mặt mày sẽ gặp gỡ ở bao nhiêu ga trạm bên đường dọc phần đời còn lại.

Nắng càng lúc càng nghiêng sát lại trước hiên thềm, phơi rõ mặt đá sỏi lam nham xám bần. Hai tay xếp dài trên tà áo che đùi, Hồng ngồi lặng lẽ, khuôn mặt tĩnh lạnh và đôi mắt nhìn hoài về xa như đã mê chìm vào cái im vắng thẳm xanh cuối chân trời Đông Bắc. Bất giác tôi hỏi nhanh, giọng hỏi lạc đi :

— Nhà Hồng ở đâu nhỉ ?

— Dưới Gia định anh ạ.

Câu trả lời đã đi quá xa câu hỏi. Tôi hỏi lại, rõ ràng hơn :

— Không. Anh muốn hỏi Hồng ở đâu dưới phố này kia.

— Em ở luôn trong nội trú.

— Thế Hồng học trường cao đẳng à ?

— Dạ.

— Sao Hồng ở nội trú mà lại không ở với anh ấy ?

— Ba má em không cho, hơn nữa anh ăn ở bần lâm ai mà chịu nổi.

Nghe Hồng nói, tôi bật cười. Thoảng chút ngơ ngác, Hồng cúi xuống cười theo. Với tiếng cười của hai đứa, tất cả chung quanh chợt trở nên ấm áp hẳn. Tôi kiếm chuyện hỏi về những sinh hoạt trong trường nội trú chương trình học chuyên môn và tên những người quen hiện đang học hoặc đang dạy ở đó. Chuyện này tiếp sang chuyện kia, những tiếng cười thỉnh thoảng chen điệp vào, cả hai cùng ngừng lại với cái lý do không đi xe hàng: Hồng ghét cảnh ngủ đồ lặt vặt dọc đường, sợ lính Mỹ, mệt quá, nhiều khi đói muốn khóc mà chẳng biết tìm mua gì ăn, còn tôi dù rất thích ngủ đồ bày bệ nhưng lại sợ cảnh ngồi bó chân trên những ổ gà ổ vịt úng nước vàng ngầu và những đống bót kiếm soát u mê. Hai đứa càng lâu càng thân mật hơn. Hồng ngồi nghe, nụ cười thường trực trên môi. Tôi nói luôn miệng, nói và cười với Hồng. Nói cười và mơ hồ thấy như hai đứa đã

có gặp nhau rồi, hoặc đã có một lời hẹn hò đâu đó xa ngất, một sự đặt dành đón đợi man thiên.

Đang kia, cách chỗ chúng tôi ngồi một đoạn, bên thềm cửa ra vào, hai thằng hippy cũng vừa tìm được cách giết thì giờ bày trò đá kiến. Những con kiến từ ổ được bắt bỏ vào cái túi nylon mang về, từng cặp bị ngắt bớt râu cho cần bám vào nhau, thả xuống giữa cái vòng tròn kẻ gọn trên sỏi, mỗi thằng hippy nhận lấy phần mình một con trong từng cặp đó, con nào bị cần đẩy ra khỏi vòng tròn là thua cuộc. Trò chơi có vẻ hào hứng, tiếng cười hai đứa từng lúc phá lên khoái trá với những tên vừa đặt cho các con kiến làm trận: con trâu không, con trâu điên, con biệt động quân, con dân vệ, con khổ đồ... Trâu điên trâu không khổ xanh khổ đỏ chán rồi chúng tính chuyện đem bạc cắc ra để đánh giá sự ăn thua cho cuộc chơi thêm phần hào hứng. Năng cao sát lại trước ghế, tôi rủ Hồng đi vào trong tránh nắng và xách xắc đứng đây. Ngang qua cửa, hai đứa ngừng lại nhìn xuống trò chơi. Thấy sự đồng tình của chúng tôi, hai thằng hippy được nước lại càng nói cười ồn ào hơn nữa.

Giữa vòng tròn, từng cặp kiến bu bám lấy nhau thành những khối đen, ngo ngoe u ám, không gây nên một tiếng động, không có một con nào nằm rời ra cả. Tôi chăm chú nhìn xuống, nhìn xuống những cái khối động đầy vắng ngắt đó, và cơn chóng mặt thâm thâm vầng sáng lên, hai hốc mắt bắt đầu nhưế buốt. Một cuộc chiến tranh đang diễn ra đằng trước tôi, giữa tầm mắt gần gũi, với tất cả sự vô vọng khôn cùng. Bầy kiến ngu độn cần nhau, hai thằng hippy ngồi gập đầu xuống cười lệch lệch hềch cười nói. Tôi nhìn xuống, chăm chăm nhìn xuống như bởi một sức cuốn niu tôi tâm không thể cưỡng chống lại nổi. Một đám động vật làm trận đang cắn cứng lấy nhau giữa bãi đất hư vô bập bênh lạnh lẽo. Tôi quay sang người bạn gái của mình: Hồng đang lơ đãng trông ra chân trời xa, đôi mắt đắm đắm và chân trời Đông Bắc yên tĩnh trải dài.

Bỏ lại trò chơi của hai thằng hippy, chúng tôi trở vào phòng trong tránh nắng. Hai đứa bước đi nhẹ nhẹ dọc giữa hai hàng ghế sắp dài. Hình như nghe tiếng chân chúng tôi, viên trùng sĩ manifeste ngừng đầu lên nhìn rồi lại gập xuống*tiếp tục ngủ.

Cuối chiếc ghế đầu, sát góc phòng, người đàn bà tóc hoa râm vẫn gục mặt bất động. Hồng đứng nhìn quanh một vòng, quay lại nhìn tôi, mỉm cười :

— Trông mà phát sợ anh há ?

— Sợ gì ?

— Người ta ngủ đó kìa.

— Có sao đâu.

— Em thấy nó ghê ghê sao ấy, thà không có ai cả mà khỏe hơn.

Tôi cười lơ đãng bỏ chiếc xác vào cạnh nhưng vật dụng của Hồng, và thoảng thấy cái quán nhỏ bày bán những chai nước vàng đỏ gần bên sau hàng rào ngoài phòng đợi, tôi rủ Hồng đi ra kiếm thức uống. Vừa mới thu tà áo ngồi xuống ghế, nghe tôi rủ Hồng lại đứng dậy ngoan ngoãn đi theo. Ra khỏi phòng đợi, khỏi khoảng mát dưới mái hiên, nắng soi nghiêng bóng hai đứa ngã nhoài trên vòm đất trống nổi vào đám cỏ xanh kín ven chân những trụ sắt căng dây kẽm. Lối đi mòn nhẵn giữa hai bờ cỏ, dẫn quanh quanh đến trước mái hiên chổng cao. Người đàn bà đứng tuổi đang ngồi đọc báo, ngược nhìn ra, buông tờ báo xuống, nụ cười bày hàm răng đen lánh, giọng nói đơn dả tự nhiên :

— Thầy cô chờ tàu đi đâu vậy ?

— Thưa dạ đi Sài Gòn cụ ạ.

— Đi Sài Gòn thì trễ tàu rồi còn gì.

— Dạ, bọn tôi vừa đến thì nghe đâu tàu đã đi rồi.

Tôi kéo ghế cho Hồng ngồi và ngồi đối diện với nàng, tựa lưng vào mặt tường bên sau. Quán vắng. Ba chiếc ghế vuông lóc nhóc những chai hũ, mấy cái ghế thấp, những mặt tường bằng gỗ đóng vá vùi lam nham, tất cả hình như đều được làm bằng ván từ các thùng chứa đạn đại bác tháo rời ra. Trên lưng tường đằng trước, gần bên quầy, một tấm lịch lớn có hình của một ca sĩ gì đó đứng phoi lỗ rốn toét miệng cười ngó ra cửa. Người đàn bà vẫn ngồi sau quầy hồi lớn lại :

— Thầy cô dùng gì đây ?

Tôi hỏi Hồng uống gì, cà phê chứ. Hồng lắc đầu : cho em chai nước cam vàng. Tôi đưa tay làm dấu với người đàn bà :

— Một cam vàng một cà phê bà cụ.

— Cà phê đen hay sữa đây thầy ?

— Thưa đen ạ.

Người đàn bà gạt đầu yên lặng, cúi xuống với những tiếng ly tách va chạm nhau lạnh lạnh, một lúc sau mang hai ly nước chậm chạp rời khỏi quầy đến mỉm cười đặt xuống bàn. Tôi rút điều thuốc cuối cùng gắn lên môi, vò nát gói thuốc vừa hết ném vào sọt rác, hồi mua gói mới. Từng giọt cà phê đen ứa tụ dưới đáy phin âm thầm rụng xuống bên sau thành ly thủy tinh đục vàng hơi nước, cạnh ly nước cam vàng chói tươi bất động với dáng Hồng ngồi trông nghiêng nhìn xa ra bãi sân vắng quanh bên ngoài khung cửa trống. Tôi nhận gói thuốc người đàn bà vừa mang đến, dỡ nắp phin coi chừng mực nước, nhắc phin xuống, thêm đường vào khoảng đều và đục khẽ Hồng :

— Uống đi kia, Hồng.

Hồng quay lại, nụ cười thoáng nhanh, bưng ly nước lên uống một ngụm nhỏ, những ngón tay trắng nuốt nổi rõ trên thành ly và đôi mắt đen vui nhìn tôi. Ly nước được đặt trả xuống bàn với tiếng cười khẽ như đầu từ một niềm vui xa về không đáng đáp. Tôi hồi cười gì thế, Hồng lắc đầu. Người đàn bà mang bình thủy nước sôi đến, tôi bưng rót thêm một chút vào tách cà phê, bưng uống. Hồng chăm chăm nhìn từng động tác :

— Không biết sao con trai người nào cũng hợp với cà phê thuốc lá đến thế. Làm như không có café thuốc lá là không phải con trai không bằng.

— Ban đầu là cho vui, riết rồi thành quen đi, thế thôi.

— Sao không bỏ đi có khỏe hơn không.

— Bỏ cũng được nhưng chẳng ích lợi gì, lại thêm buồn, nhớ chịu không nổi.

Vui miệng tôi định kể cho Hồng nghe những ngày tôi không cà phê thuốc lá nằm co trong nhà giam của bọn cảnh sát nhưng lại thôi. Chắc hẳn đem kể chỉ làm Hồng sợ hãi và mình dễ chán thêm. Những trại giam, những ngày khổ đốn, những giây khắc bất mìn, không còn gì nữa hết. Tôi hít một ngụm khói đầy thở mạnh về phía trước như muốn xóa lấp đi tất cả. Sau lớp khói loãng, khuôn mặt Hồng đang trở lại trông ra ngoài xa, nụ cười chìm lẩn trên môi. Tôi chợt nhớ đến cơn bệnh dai dẳng Hồng vừa nằm rên khóc suốt tháng, nhớ đến người

đàn bà giữa khuya khoắt đứng trên sân thượng nhìn về chân trời cuối sa mạc lần khuất ánh đèn dần du mục trong một truyện ngắn của Camus, nhớ đến chị Hà nói giọng Bắc ngang qua nhà ga đầu khu phố quê tôi một lần và tôi ấu thơ những buổi chiều ôm vở đứng vô vọng trông hoài về miệt đồng nơi con tàu mất dạng. Câu hỏi vượt ra khỏi miệng lưỡi như không thể tránh khỏi được :

— Sao Hồng cứ trông hoài về một phương đó thế ?

— Phương này đẹp nhất, anh không thấy à.

Tiếng nói rười rượi chìm lắng vào màu trắng của khuôn mặt và nụ cười mơ hồ. Đứng kia bên sau kệ hàng người đàn bà chủ quán đã trở về ngồi vào ghế cũ, cầm tờ báo nói đến chuyến tàu mà chúng tôi vừa trễ : nó đến sớm lắm khi sân ga chưa có ai cả, không biết sao nó lại đến sớm thế, thường ngày tẻ gì cũng cỡ 10 giờ là sớm nhất, thầy và cô rũi quá. Tôi nhìn đáng buồn bã lẽ loi của Hồng và mỉm cười với cách gọi của người đàn bà. Thầy và cô. Một đôi vợ chồng trẻ chưa có con cái đang uống nước đợi tàu rời thị trấn về thành phố lớn. Có lẽ đêm qua thu dọn hành lý xong thì đã quá khuya, cô và thầy đi ngủ muộn nên sáng nay dậy trễ, ăn sáng trễ, lỡ tàu, trông vào cái đáng cô lặng lặng lẽ lẽ thế cũng đủ biết hai người đã có gây gổ gì với nhau rồi, chắc đến giờ cô vẫn chưa hết giận thầy. Trong trí tưởng lảng đãng bất tri của tôi một hình ảnh được vẳng dựng lên ngay : tôi và Hồng, đôi vợ chồng trẻ, khôn lớn và gặp gỡ nhau nơi xa đang nắm tay nhau dắt về thăm quê, tôi sẽ giới thiệu Hồng với mẹ già, Hồng sẽ sung sướng then thùng đốt nhang qui lạy trước bàn thờ tổ tiên, Hồng sẽ làm quen với những người thân thuộc và cười vui với đám bạn bè tôi, Hồng sẽ thu dọn nhà cửa hôm nay và lo lắng cho những bữa ăn hôm mai hôm mốt, Hồng sẽ cảm động vượt ve từng tấm chân miếng tả cho đứa con thứ nhất ra đời, Hồng sẽ gối đầu lên tay tôi ăm ức khóc kể sau buổi chiều giận hờn lớn tiếng : đừng nghĩ gì hết, anh cứ nghĩ vì yêu anh mà em phải chịu thế này ; và những đứa trẻ tiếp nhau ra đời, hai vợ chồng già yếu dần đến hôm nào ngồi uống trà ho húng hắng với gió trở mùa... Sao lại không có thể được như thế ? Chút bụi ngùi xa xăm lập lờ

trong tôi, tôi ngồi nhìn Hồng. Hồng vẫn nhìn ra ngoài, dáng l loi phiền muộn. Cô đang giận thầy. Và tôi, với miệng lưỡi củ một người chồng trần trề lòng yêu thương vợ :

— Hồng có thấy mệt lắm không ?

Hồng nhìn lui, bưng ly nước uống, khẽ lắc đầu — người v lắc đầu bởi chút giận hờn đêm qua chưa kịp nguôi tan :

— Không.

Không. Tiếng nói ngắn gọn rồi thôi, hai người trở về hai th ngồi riêng tư yên lặng. Chuyển đi sắp tới trên con tàu nào đ người vợ sẽ ngã đầu rũ mái tóc dài trên vai áo chồng, đôi mắ nhắm nghiền giữa cơn mệt rũ và quên hết tất cả cho lòng vui cho những cửa nhà mẹ cha mà hai người sắp đến rộn tiếng cười mừng.

Ly cà phê hết, tôi buồn miệng chẳng biết làm gì, vầy tay gọi bà chủ xin thêm ly khác. Đôi mắt Hồng quay lại nhìn tôi, hơi nhú lại một chút, rồi cúi xuống với hai bàn tay xếp dài trên tà áo. Người đàn bà làm cà phê mang ra xong trở vào quầy, nói đến những ngày mưa lạnh bữa trước : đường bộ khó đi, người ta đưa nhau lên đây đi tàu nên quán hàng bán khá lắm, hai hôm rày trời nắng xe cộ chạy suốt, quán trở vắng lại rồi. Tôi ngồi hút thuốc, đợi cà phê trong phin nhỏ xuống hết, làm lại cái công việc quen thuộc và cũ kỹ nhất : nhấc phin ra, thêm nước sôi, thêm đường, nghiêng muổng khoảng đều, uống từng ngụm nhỏ. Hình như nhớ đến ly nước, Hồng cũng bưng uống, đôi mắt nhìn ly nước trên bàn tay đang áp sát môi tôi. Trong một thoáng chốc đôi mắt buồn bã đó như đang soi sâu vào đời sống tôi, soi vào li tháng mịt mùng mưa nắng ghé đã rồi, soi vào tuổi nhỏ mệnh mỏng tôi ham vui dăxa rời biệt biệt bên sau những ngày đời dòn kéo của đời sống, và tiếng nói dịu ngọt ấu thơ :

— Anh coi chừng có ngày bị ung thư rồi khổ đó.

Tôi cười :

— Sao thế ?

— Còn sao nữa, hồi nãy tới giờ em thấy anh hút không biết bao nhiêu là thuốc lá rồi. Người ta bảo rằng những kẻ hút

thuốc lá nhiều phần lớn 20 mười năm sau ai cũng bị mang ung thư hết.

Khuôn mặt trắng lạnh, đôi mắt trong đen yên nhin, đôi môi mấp máy và tiếng nói giọng đều đều thơ ấu đó tẩn sâu vào niềm cảm động nhẹ nhàng, tan nhập với mộng mệnh trời đất. Tôi mỉm cười với nỗi xúc động rưng rưng xa vời. Thuốc lá là một trong những nguyên nhân chính yếu gây nên chứng cancer. Hình như có một tấm vải trắng ngả ửng phoi mưa rách tả tơi căng trên hàng giầy kẽm ngoài khu bệnh viện thị trấn người ta đã viết một câu như thế, nhiều bài báo đã viết như thế, nhiều người đã nói thế, và Hồng tin thế, tin không cần sự chứng nghiệm, tin và sợ hãi. Ngồi đây, giữa ga bến dọc đường và sợ hãi cho tương lai của một người bạn trai tình cờ quen biết, có phải đó là cái bản chất nghìn đời của người nữ luân lưu truyền nối với sự sinh tồn trên mặt đất sẵn sũi tai ương này. Hận thù, gian manh, khổ nạn, sát máu, bần xỉn, bần tiện; có. Có người nữ đường lạnh lùng biện luận giữa tòa án, có người nữ nghèo đói bồng con đi ăn cắp giữa chợ đông, có người nữ theo cách mạng cầm súng lên lút trong những cánh rừng xa vắng sẵn sàng bắn vào đầu kẻ thù nghịch với dân tộc mình, có người nữ tung cờ la hét giữa phố lớn, có người nữ dẫn giọng đọc những bản tuyên án đầm máu, có người nữ ngồi trên lưng voi vùng kiếm xua quân, có người nữ quảng khăn nội hóa ngồi giữa hội nghị tài bình, có người nữ lê la bần thiêu trong các xóm điểm rêu tiền, có người nữ cười ngạo mạn trong lửa đỏ rực ngời, có người nữ ôm mìn kiên cường lao vào dưới bánh xe tăng của quân xâm chiếm... Có, có hết. Và có một khoảnh khắc ngồi đây đối đôi mắt âu lo trông vào những cái buồn đau trong cái tương lai mà mình không thể nào có mặt chung cùng. Hai mươi năm sau có thể tôi sẽ bị ung thư như giồng chữ đỏ trên tấm băng căng trước hàng rào bệnh viện thật, tôi sẽ một mình ôm lấy chứng nan y vô phương chạy chữa, biết trước ngày chết, ở đâu đó xa mịt ngoài đời sống Hồng tôi sẽ đi đường lêu nhêu giữa cái bóng tàn xiêu sắp lụi của mình. Và Hồng sẽ nơi nào trong những bày biện khác. Bên ngoài sân bay này là những chuyến đi, những đổi thay trùng điệp với sự phân ly bất ngát lộng suốt ngàn đời. Nếu có tàu về Sài Gòn hôm nay, hai đứa sẽ chung cùng

không đi chuyến này à ? Tôi lắc đầu : không. Nghe mẫu đối thoại Hồng có vẻ ngạc nhiên :

- Thế anh cũng đi Đà Lạt nữa à ?
- Không. Hồng không nghe anh vừa trả lời với y đó nữa sao.
- Thế sao ông không hỏi ai lại hỏi anh ?
- Có lẽ y mơ ngủ.

Tiếng cười nhỏ của hai đứa cho câu khôi hài và cả hai cùng ngồi xuống ghế trong thế cũ. Tàu đi, vùng sân trống phơi mù bên ngoài và những giấc ngủ trong phòng đợi tiếp lại mê man.

Tôi hát thuộc ngồi nghe sự trống trải tinh tảo của mình. Hai chuyến tàu rời sân, có lẽ một đã sắp tới Cam ranh và một đang trên đường về Đà Lạt ; tôi vẫn còn đây, không một toan tính nào rõ rệt, những thúc hối đã mất hút và chiều nay chiều mai chiều kia là một vùng trắng mông đàng trước. Nếu không có Hồng ở đây chắc bây giờ tôi đang móc xắc bên vui đứng chuyện trò với một người nào đó ở Cam ranh hoặc đang ngồi trên xe lam dọc đường về thành phố Nha trang, có thể tôi đã quen thêm được những người khác, đem lòng mông lung trải ra với những đứa con gái khác, buồn vui hay bực mình sao đó với những biến chuyển khác. Nhưng tôi vẫn còn nơi đây. Những ý tưởng thần thoại không gây nên được một xao động nào hết, tôi ngồi lặng yên. Đàng kia, tiếng chuyện trò của hai thằng hippy vẫn văng lại từng câu ngắn không nghe rõ. Nắng lóa ngút trên mặt hắc ín trải lót sân bay như một cơn điên sửng. Bên tôi, Hồng đã tựa lưng vào thành ghế, đôi mắt khép lại âm thầm giấc ngủ cũ, nụ cười mơ hồ trên môi.

Tôi nhìn Hồng, nhìn tới nhìn lui : tất cả đang mê man. Từng khối thịt xương u ám đó và từng linh hồn đã thoát bay cao lên, những vùng không gian khác. Tôi ngồi nghe hơi thở của Hồng đều đều với khoảng ngực áo trắng tinh khiết pháp phùng. Có tiếng nói ngắn ngủn hắt lên lạc giọng ở phía sau, tôi nhìn lui : không có gì cả, chắc một người nào đó vừa nói giữa cơn mê. Trong thoáng chốc, cùng cái âm thanh ngắn hệt đó, không dưng tôi thấy rõ một cách tàn nhẫn cái dáng quạnh quẽ của mình trên bãi đất lạnh lẽo này. Tôi đứng lên. Con ghê ón xa xâm tràn suốt thịt da. Tôi đang động đậy giữa đất đai của những

người ngủ mê. Tôi chớp mắt nhìn Hồng và lại thờ thần ngồi
 mộng cạnh nàng. Có phải tôi đang ngồi đây cạnh giấc cho người
 bạn gái bên đường như anh chàng chân cừu cô đơn đầy lòng
 mến mộ giữa đêm nhiều sao sáng rõ trên non cao hay chỉ là
 cái bóng cũ mềm giữa vầng trăng ngập ngụa. Tôi đã trả lời không
 với hai nơi có thể đến. Hơi ấm và nụ cười của Hồng là cái
 lý do cũng trải bất ngát bên sau lời từ chối đó. Hồng đã níu
 tôi lại nơi này. Có lẽ chính tôi, tôi cũng không trả lời nữa mà
 là cái vắng lạnh ngàn ngàn kiếp lưu nổi trong thân xác phù
 du của từng người nam đi ngang qua địa cầu này đã lên tiếng
 trả lời cho tôi, đã kéo tôi ngồi lại lặng lẽ nhìn tàu khép cửa
 rời sân : ở lại ở lại thêm một chút nữa. Vâng, hãy ở lại
 thêm một chút nữa rồi cuộc đời có ra sao thì ra. Ở lại đây
 ngồi bên nhau, ngồi nhìn thấy nhau, ngồi nghe nhau nói, ngồi
 sưởi hơi ấm của nhau, ngồi cạnh giấc ngủ cho nhau. Với vốn
 liếng cơ bản là cái thân xác có thể tan biến bất cứ lúc nào,
 chúng ta không có gì cả ngoài hơi thở thoi thóp, chút ấm áp
 thịt da và từng phút hồng vui tinh cơ không thể tiên liệu được
 này. Tất cả chỉ có ngắn đó, và thôi. Làm sao hình dung ra
 được thêm những gì nữa ở ngày mai. Có bao giờ bốn bàn tay
 của hai đứa cùng cầm chung một tấm chăn đắp lên thân con
 trẻ giữa đêm thừ giấc, có bao giờ cùng lo lắng một bữa ăn,
 có ngày nào ngồi vuốt mắt khóc nhau. Già nua chống gậy công
 lưng đứng với nhìn vào vĩnh cửu với khuôn mặt đầm đìa nước
 mắt thâm thiết khóc nhau. Tự dưng điều, liên lý chỉ, những ước
 mong điên cuồng giữa mịt mùng vô vọng. Ngồi đây, ngồi nán lại
 với nhau nơi này và về đâu ngày mai.

Hai tay vòng trước ngực, tôi bước đi chậm chậm men dọc
 hàng ghế, qua khỏi chỗ hai thằng đá kiến, đến đầu mái hiên và
 đứng lại, đứng nhìn ra nắng lóa cười vùn vờ như kẻ mất hồn.
 Mặt trời đang lên gần thiên đỉnh, chiếc bóng sắp thu tròn lại
 quanh dưới chân tôi, mặt hắc ín lam nham và đôi giày da bám
 bụi sần sùi. Hai mươi mấy tuổi đời, qua bao nhiêu trẻ nãi khô
 lụy, tôi vẫn còn y nguyên cái vóc dáng của một đứa trẻ ham vui.
 Vươn cả hai tay bám chụp lấy cuộc vui rồi sau đó sẽ ra sao
 không cần biết tới. Bám lấy cuộc vui, tôi bỏ học, mẹ tôi khóc ;

bám lấy cuộc vui, tôi bị đẩy vào trại tù đồn lính, bị xô đuổi ra ngoài đời sống cũ, bị đánh đập mặt đồ sắp xuống cát bùn. Và vẫn thế, lần nào cũng như lần nào, tôi không một chút ân hận nào cả. Hai mươi mấy năm đã vậy, thêm một sáng này nữa cũng chẳng ra sao. Tôi nhìn xa ra, nắm bốc chói nhòa những núi đồi, cây lá phía trước, càng nhìn tới đôi mắt tôi như càng lòa dần, mù hẳn. Tôi nhắm mắt lại một lúc lâu, đứng gập đầu bất động với trí tưởng vắng tênh.

Quay vào phòng, tôi lặng lẽ trở về ghế cũ, đem thuốc hút. Hình như tiếng que diêm cháy bùng làm động tan giấc, Hồng thức dậy, thoáng chút ngượng ngùng trong đôi mắt trong đen mở lớn, nụ cười và giọng nói ngái ngủ :

— Ô hay, em thiếp đi lúc nào em cũng không biết nữa kia.

Tôi nhìn vào đôi mắt của Hồng, cười khẽ với niềm vui x trong màu đen dịu mát yên thâm đó :

— Em ngủ ngon quá.

— Sao anh biết ?

— Anh ngồi nhìn từ nãy tới giờ mà.

Hồng che miệng cười, vuốt tóc nói khẽ : trời ơi. Tôi hít từng hơi thuốc dài. Một lúc sau Hồng lại hỏi :

— Sao anh không ngủ một chút cho khỏe mà cứ ngồi thế ?

— Anh đã bảo bạn ngồi nhìn Hồng ngủ mà.

Như định nói thêm gì đó, nhưng đôi môi Hồng vừa hé đã phải khựng lại với tiếng một thằng hippy la to trước cửa : a tàu tàu. Hồng trông ra :

— Kia, tàu tới, anh.

— Ờ, chắc thế.

— Không biết có phải tàu Sài Gòn không nữa.

Tàu : tiếng động cơ văng vất trong màu nắng u u đầu từ hướng xa đang tiến gần lại. Văng, tàu sắp tới rồi. Tiếng động cơ rõ dần, rõ dần thêm, tôi nhìn lại Hồng và bất giác rung mình. Nỗi tiếc nuối rưng rưng khuất thẳm đầu từ những miềm im ngủ của đời sống đang cùng lúc theo nhau xua tràn thức giấc. Tàu đến không thể lẫn khân thêm được nữa, tôi phải ra đi và Hồng ở lại ngồi đây tiếp tục đợi chờ. Tàu sà thấp xuống, vào phi đạo, toàn căn nhà chuyển rung theo, những khuôn mặt mê ngủ đang đứng dậy trông

ra, những xách gói lại được sửa soạn. Hai chuyến bay đã đến, đã đi; không đi được đám khách đã mất cái náo nức cuống quýt của buổi đầu, từng đôi mắt lạng lờ như từ nỗi yên phận vầy kín. Hồng đang sửa soạn vật dụng và lòng ngóng lo sợ theo đám khách. Và tôi, tôi chậm rãi kéo fermeture trên miệng xách lại. Chậm rãi từ tốn như một người biết mình sắp chết sau bao nhiêu năm đang dang cùi găm xuống những trang kính sách âm u. Tàu đến, đến để đi bất cứ nơi nào, tôi cũng chỉ có một việc gọn ghẽ là xách xách bước lên theo tàu ra đi. Tôi trầm tĩnh với nỗi bùi ngùi và Hồng nón nao thơ dại. Sắp hết một buổi sáng mai rồi.

Tàu vào sân, đậu lại. Những chiếc chong chóng quay tít, cát bụi bị cuốn tung mù tạt quanh, tiếng động cơ đinh điếc đập trum vào đám người đứng ngồi co ro trông ra chờ đợi. Viên trung sĩ cầm manifeste đi qua phòng của bọn Mỹ, một lúc sau trở lại, cánh tay cầm chiếc mũ rừng xếp nhỏ đưa lên cao, tiếng nói lạc giọng trong tiếng động cơ: Đà Nẵng, tàu Đà Nẵng. Vài ba tiếng chửi đồng chung quanh, vài người tiếp tục ngồi đổ giấc ngủ, vài người còn đứng lặng yên. Không nói gì cả, tôi quàng quai xách vào vai, đứng thẳng dậy. Hồng ngược nhìn lên, đôi mắt ngạc nhiên:

— Sao, bộ anh đi Đà Nẵng à?

— Vâng, anh đi Đà Nẵng. Hồng ở lại nhé.

Tôi nói nhanh, tôi nghe tiếng nói tỉnh táo của mình. Hồng vẫn ngơ ngác không hiểu.

— Sao hỏi nầy anh bảo rằng anh đi Sài Gòn.

— Thôi bây giờ anh đi Đà Nẵng cũng được, chẳng cần nữa.

Viên trung sĩ đi ngang qua thấy tôi đứng mang xách bên vai, ngừng lại hỏi: Giờ ông đi Đà Nẵng à, sao khi 11 giờ không đi chuyến Đà Lạt? Tôi gật đầu cười với y, cười chào Hồng, và bước nhanh về phía trước. Khi tôi ra khỏi cửa một đoạn ngắn, Hồng chạy theo kêu lớn:

— Anh, anh Nguyễn, anh quên tập sách nè.

Bên khung cửa, giữa khoảng hiên nắng soi, dáng Hồng trắng rõ, mái tóc và tà áo bay bay, cánh tay cầm tập sách đưa lên vẫy với lời gọi. Tôi đưa tay vẫy lại, cổ nói thật lớn:

— Để cho Hồng đọc, đọc mà chờ.

Những đôi mắt theo tiếng gọi của Hồng với trông ra tới những tiếng nói không nghe rõ, những màu áo quần xanh vàng trắng nhập nhòa, những khuôn mặt mù tối khuất dần. Nào đó mắt húc in trái sân nhào vừa dưới tầng gót giày. Tôi đi bèn sâu vào khoảng trống cách giữa phòng đợi và chỗ tàu đậu, tôi bước từng bước dài, tôi thấy chiếc bóng mình lặng cảm lao, nhợt tới, tôi quay nhia lui đáng Hồng bé bỏng trắng xa, tôi nhìn xuống chiếc bóng mình; và niềm vui xa xăm vàng lên: tôi là kẻ suốt đời đi lang thang vui với chiếc bóng. Niềm vui thăm lặng ngỡ ngàng như ngày nào thời nhỏ giữa khuya khoắt sau cơn mưa lớn, trong lùm phố vắng tanh, tôi dễ chân trần đi qua những con đường trơn sạch dưới hàng bóng điện vàng mù; như ngày nào mới lớn nằm co quắp nghe mưa trên mái tôn nhà giam; như những buổi chiều thân lấm mồ hôi đứng lại cùng một cơn gió thoảng mát tinh cờ trong thành phố lần đầu mới đến, không một người quen. Tôi sẽ đi suốt đời mình trong tư thế này, vui với chiếc bóng, cho đến một ngày rông rã đỏ xuống thiếp vào cát đất hoang vu. Tôi không cần một liên đới ngọt bùi cay đắng mặn nồng nào hết, tôi lẻ loi xa ngất bên ngoài tất cả các cộng đồng, tôi không nhà cửa. Niềm vui bờ ngỡ mong mênh, tôi như một đứa trẻ nghịch ngợm đứng giữa cái vùng mát dịu đó, nhìn lui đưa tay vẫy cười.

Hàng hóa vật dụng từ sân bay đã được chất hết lên tàu, bước kỹ lại, tàu bắt đầu chuyển bánh vào phi đạo. Tiếng động cơ ra lớn. Tôi cạy giày thất bại, ôm chiếc xác, ngoài nhìn về phía phòng đợi bên ngoài khung cửa kính: tất cả đang lùi lại, tiếp tiếp mù về phía sau, xa khuất dần. Tàu lên khỏi phi đạo, trợn c khu sân bay lại hiện rõ ra phía dưới. Đầu mỏ đất bên bờ lùn chạy dài, căn phòng đợi đứng thu nhỏ quanh vắng giữa nắng trưa, những bức tường xám xanh, những mái tôn trắng ửng những người đứng ngoài hiên và cái đáng Hồng yếu nhòa. Tôi lên cao hơn, tất cả xa thêm, xa dần, tít khuất đi. Không còn nữa cả. Một sáng nắng trời vui, Hồng ngồi ngủ thiếp và 11 thân tôi ở đó đã nối nhau trôi tấp vào một mùng.

Thời xa hết rồi. Hồng, hãy ở lại đó. Có thể đọc sách, có thể tưởng vọng vu vơ, có thể hát thì thầm, có thể đắm chiều buồn bã, có thể ngủ quên. Hãy ở lại đó, nơi không còn bao giờ c

anh, và hẳn chúng ta cũng chẳng bao giờ gặp lại nhau. Tất cả mọi kẻ ham vui đều có chung nhau một đặc tính, đó là sự ghét sợ những dai dẳng nối dài. Tay bầu cứng lấy cuộc vui và căng lúc lòng phấp phồng lo sợ khoảng hụt vắng ngàn đời vấy ngợp bên sau. sợ đến hóa ngơ ngẩn. Tôi đã bám vào cuộc vui và đã sợ hãi chạy thoát ra khỏi, bằng khuâng vui một mình. Làm sao tôi nói cho Hồng, cho viên trung sĩ, cho tất cả đám người còn trong căn phòng đợi biết được điều đó. Tôi là kẻ bỏ đi trước buổi chia tan, bởi lẽ thế nào rồi cũng phải chia tan. Vì như cuộc đời trăm năm là một sáng mai này, hai đứa đã gặp nhau và đã sống cho nhau như tất cả mọi đời vợ chồng không cùng chung lần đến, ngồi lại giữa sự kết hợp đầm ấm tình cớ, với lòng thương yêu tội nghiệp khi đứa đã hẹn hò sẽ cùng chung nhau chuyển đi, nhưng đã không được, người chồng đã nan yêu nửa đời. Đã non yêu nửa đời, cứ cầm bằng như vậy Phải thế không Hồng, người vợ nhỏ dại và buồn ngủ của anh, anh về trước nhé. Ở lại đó, em với căn phòng đợi mỗi mẻ, em với cuộc chiến tranh vô vọng của bầy kiến trâu diệp, khùng, với hai thằng hippy dần dần nói cười, với quán hàng vắng khách, với đám người ngủ, với mặt trời chói chang đang lên dần đúng Ngọ. Một sáng mai đang hết, hai đứa có một khoảng đời chung đụng đã rồi, anh đi trước và em còn ở lại đó. Thế nào rồi cũng có một chuyến tàu cho em. Thế nào rồi chúng ta cũng không còn gặp nhau được nữa.

Tàu lên cao dần, bên ngoài khung cửa tròn màu da trời căng xa xanh thẳm, những cụm mây trắng bạc lửng lơ như từ vạn cổ chưa bay; và dưới kia, mặt đất lăm lăm những nhà phố sông đồng mờ mờ núi khói. Có khuất lấp đâu đó một người vợ nhỏ bé của tôi. Hồng, có và chẳng còn gì nữa cả. Ngày mai kia trong đời sống quay lộn của anh, Hồng, em là cái bóng trắng mù mờ cùng những dấu vết tiền kiếp tiền thân bản bật vào vô danh không thể nuôi tìm.

nguy ngữ

THƠ

*Đình Hùng, Quách Thoại,
Trần thanh Hiệp*

BAO GIỜ EM LẤY CHỒNG

Tôi biết rồi đây em cũng đi,
Như bao người gái đến xuân thì.
Mỗi đêm say tỉnh vài cơn mộng,
Trở giấc, lòng ơi ! buồn làm chi ?

Ôi biết bao giờ em lấy chồng ?
Đầu thu hay cuối một mùa đông ?
Bên người có ánh trăng, đèn mờ,
Em nhận thơ lòng tôi nữa không ?

Hoa nở cô đơn, bóng động rèm,
Vườn xưa còn thoảng chút hương em.
Xót xa lá cổ vương mùi tóc,
Tà áo bay về, nhớ suốt đêm.

Em cũng như làn hương phấn kia,
Gió về rồi đến buổi chia ly.

Nhớ trong khung cửa, mong ngoài ngõ,
Như kẻ xưa buồn lối phượng đi.

Nhớ buổi người yêu, kẻ hững hờ,
Em là thực nữ chỉ mê thơ,
Còn lòng tôi đó, em không biết,
Chẳng đến dò thăm, chẳng muốn ngờ.

Mà chẳng tình chung cũng hẹn nhiều,
Lời em bay bướm tưởng rằng yêu !
Vì ai làm đẹp mây trời thế ?
Tôi đợi tin thu sớm lại chiều.

Em ướp hương vào những giấy thư, 4.1.2
Tôi hôn lên chữ một đôi tờ.
Nghĩ rằng : Em gửi hồn thơ đây,
Là bởi lòng kia đã ước mơ.

Mơ ước hiền như truyện trẻ thơ,
Hoài nghi từng ánh mực hoen mờ.
Chữ Yêu lượn nét hoa kiều diễm,
Tưởng thấy nghìn đôi mắt hẹn hò.

Vầng trăng vừa ngả bóng chung đôi,
Em đã xa như Dĩ Vãng rồi !
Tình cũng quan san từ đáy mắt,
Một hàng im lặng : mấy trùng khơi ?

Nghe động bàn chân, nằng tỏa hương,
Mong manh từng gợn phấn còn vương.
Em đi, nửa gối hoa tàn mộng,
Thương nhớ bay cùng mây viễn phương.

đình hùng

XANH

Ngày mở mắt
Sáng hôm nay
Tôi nhìn ra ánh lửa
Cuộc đời ơi
Và đây nguồn vú sữa
Và đây ngàn cánh cửa
Tôi nghe gió thổi ạt ào
Những người đi
Và tiếng nói lao xao
Những chân bước
Cùng đất cười huyền ảo
Nắng chảy dội tuôn trào
Tôi bỗng thấy
Những ngày xanh
Trong cặp mắt trong xanh
Những mầm vui ở nơi cặp môi anh
Dạt dào sóng vỗ đại dương xanh.

quách thoại

SAY NHỮNG CHUYẾN MÙA ĐI

Đêm lạnh xuân lạnh tiếng pháo
Nhẹ chân bước gió hồng
Ngủ mở rặng đông
Ly tháng ngày chưa cạn

Nhưng say rồi
Gầm thét không gian
Thoáng đời ngưỡng cửa vừa bước
Của ta nhiều ta

Không dạ quang rượu đẹp
 Tỳ bà yên cương
 Ai tiếc về ngã say chiến trường
 SAY dù chưa tri-kỷ
 Quán lạnh mùa thu
 Mưa giăng mắc
 Mối nhấp
 Men ly biệt chân trời
 Khi trăng đương ước hẹn viễn khơi
 Tha thiết dáng tàu búp khới

Đôi tay vũ bão. Óc mặt trời
 Tim cháy rực
 Nhân-Ái
 Reo tiếng suối yêu ca
 Biển hồn không ta
 Cười sao băng vỡ bóng Đêm
 Mất miền khóc đời tang
 Mổ toang cửa sổ Tự Do

Thôi ngọt ngọt bít bùng
 Tháo xiềng đập ngực đồ gục
 Chiến thắng ngọt hương say
 Và say mơ thi-sĩ

Mơ thăm đoàn em nhỏ
 Áo lục quần điều
 Thơm đất ruộng hiền hát khúc đồng dao
 Mẹ già tóc tuyết
 Thương con lục bát
 Bức lưng quỳên ngát tím đào
 Cầu đối ngõ sen
 Cây nêu vút
 Pháo hồng sân
 Từ nay không tháng năm
 Lớn bằng kinh-dị Thiên Vương Phù-Đổng.

CHẤP NỔ

Mắt thương đời giao-diễm
Bài thơ không mùa
Khóc tan vỡ
Những đoạn thời gian
Cứ mịt mù vừa chào ánh sáng
Nhớ nhau giòng nước hai bến sông
Tìm hình bóng rã rời đen trắng
Đỉnh Hy-Mỹ vọi vọi Thái-Bình-Dương
Trăng biếc ngọc âu yếm tay nhân loại thơ trẻ
Ngăn cách những vạn-lý thành
Mý khép trở về
Tiễn đưa nghẹn bước
Xanh lên hơn hờ nhạc hội
Trao gửi một lần nhiều lần chuỗi ngày thơ
Bánh xe tròn nẻo cũ
Địa-ngục xa niết-bàn
Đường đi dài mãi mãi không thôi
Có những suối đàn nở hoa che miệng súng
Ấm tình người trắng biên giới màu da
Lòng vũ-trụ
Chấp nổ
Linh hồn và linh hồn
Cháy yêu thương ngàn nhịp điệu

BÀI THƠ YÊU

Tặng Thanh Tâm Tuyền

Một đêm thao thức buồn ngược mắt
Đêm sao mờ tri kỷ
Ngủ lim dim những đám mây mờ
Trên mảnh trời cắt xén nhia từ ngũ hém
Tôi nhớ em đẹp một bài thơ

Xa cách nhau ngàn vạn dặm
 Hay chẳng còn bao giờ gặp
 Trên đường dù vạn ngã tháng năm
 Nhưng tôi vẫn nhớ yêu người em đẹp

Hình ảnh em ngự trị trong tôi
 Như vẫn từ thuở nào thấm đượm
 Trên đồi làng xanh cỏ hai bờ lượn
 Mà em đào nắng sớm xiên lầy tre
 Tóc em huyền nón trắng tơ
 Mắt em lạnh buồn sông mùa thu
 Và em nói quê hương cười lộng lẫy hoa đất nước

Tôi chưa bao giờ thổ lộ
 Bởi thương tiếc nói gì
 Vì nói không hết và sợ giết
 Tình Yêu
 Mà tim em đã nhận không biết

Có bao giờ ai hỏi tôi còn yêu
 Hẹn ánh mắt cuối cùng
 Người em vẫn đó tìm không thấy
 Tiếc chưa trao tặng
 Ngoại trừ yêu em và Đất Nước
 Mà nhận không bao giờ hết

trần thanh hiệp

BÌNH NGUYÊN LỘC

Bọn buôn mọi của thế kỷ 20

— Chị ơi, cứu em, chị ơi !

Mỹ giết nầy mình, đừng khượng lại mấy mươi giây đồng hồ rồi mới day ra sau để nhìn người con gái rượt theo nàng và hồn hèn nói lên câu cầu cứu trên đây.

Đây là lần đầu tiên mà nàng nghe được một câu tiếng Việt, từ ngày để chơn lên nước Huế Kỳ đến nay là ba tuần rồi. Hôm mới tới Hoa Thịnh Đốn, nàng đã ghé tòa đại sứ Việt Nam để làm thủ tục chiếu khán nhưng ở đó nhân viên làm việc trong im lặng, không hỏi người đồng bào mới tới xứ lạ, lấy một tiếng ngán. Bạn hữu của nàng đã cho nàng biết tình trạng đó, rằng cái ông viên chức phụ trách công việc đó, rất sợ sinh viên nhờ cậy điều nầy điều nọ, nên quyết định cấm khẩu, muốn hỏi gì, tới tòa đại sứ Thái Lan hay Anh Đô Nê Xia người ta mách cho, ở hai nơi ấy, họ cho sinh viên ngủ trọ hai ba ngày đêm đầu, có cả ăn uống, hai ba ngày đêm quan trọng mà kẻ chơn ướt chơn ráo mới tới nơi, chưa tìm được nơi trú ngụ, khách sạn thì giá buồng mắc như vàng, họ không mong với tới.

Quả thật, nàng được hai nơi đó giúp đỡ, mách cho nàng chỗ có buồng cho thuê rẻ dĩ nhiên đó là nhà trọ của sinh viên họ. Vì thế mà rồi nàng bị xử án phải nói tiếng Anh từ đó những nay,

với sinh viên Mã Lai Á, Anh Đô Nê Xia và Thái Lan đều có biết tiếng Việt.

Chủ nhà trọ là một người đàn bà Tàu, bà ấy thuê một biệt thự mỗi tháng hai ngàn đô la, rồi ngăn thành nhiều buồng, cho thuê lại để thủ lợi hai ngàn Mỹ Kim nữa. Bà ta rất tử tế, chỉ phiền là bà ta là người Đại Loan, không biết lấy một tiếng Việt, chỉ hiểu bôm vôi câu tiếng Anh thông thường.

Cũng may là Thái và Việt đồng chủng nên thỉnh thoảng nàng được nghe một tiếng rất có vẻ do người Saigon nói, thí dụ « Nuôi người », tức « Lũn người », tức « Lũ người », không thôi nàng đã chết mất vì cảm giác bị cô lập.

Người Mã Lai cũng đồng chủng với ta, nên thỉnh thoảng nàng cũng nghe các bạn ấy nói « H' lóa », tức « Lá cây », « Kta », tức « Chúng ta », đỡ khổ lắm, nhưng dầu sao, những trợ ngữ cũng lạ hoặc nàng không thể hiểu trọn câu của họ, và nghề bơ vơ vô cùng.

— Chị bị giựt tiền hả ? Mỹ hỏi.

Mỹ bị ám ảnh vì hai vụ cướp mà nàng là nạn nhân hai tuần trước đây. Ở Hoa Thịnh Đốn, đa số thường dân là người da đen. Nàng ở khu da trắng, nhưng vì người da đen đông tới 80 phần trăm dân số nên không đi đâu mà thoát khỏi họ được.

Họ tổ chức cướp đường ngay trước mũi cảnh sát, vì họ huy động cả trăm người để chỉ cướp có một người, xong họ giải tán chạy tủa ra khắp bốn phương tám hướng, bốn năm người cảnh sát đâu có đủ sức bắt một trăm người, vả lại cũng không dám bắt vì hai lẽ, một là xứ người ta rất dân chủ, bắt lầm một cái là mất chỗ làm ngay tức khắc, lẽ thứ nhì là một trăm người ấy sẽ mào thật họ đến mềm xương ra.

Hoa Thịnh Đốn, thủ đô của một nước văn minh, một đại cường quốc mà giữa lúc thái bình, lại kém an ninh hơn cả Saigon chiến tranh của dân Giao Chỉ.

Người con gái cầu cứu đã rượt theo kịp Mỹ. Cô ta còn thở nhiều hơn lúc kêu gọi nữa :

— Kh... ô... ông... Không ! Chị bị...ết tiếng Mỹ...ý hôn ?

Mỹ bật cười. Sao lại có câu hỏi lạ đến thế ? Không biết tiếng Mỹ, sang đây sẽ đói rã ruột bởi vào quán ăn không biết gọi món ăn thì làm sao ? Nàng hỏi lại :

— Bộ chị không biết hả ?

— Không. Em chỉ biết có bốn tiếng : Yes, No, Monney và O.K. Mỹ lại bật cười. Cô bạn này sao mà giống mấy cô bán bái Sài gòn thế. Nhưng người con gái ấy không cười mà trái lại còn mếu máo nói :

— Thấy chị mặc áo dài ta, em mừng quá, mừng đến mức khóc đi chị ơi !

— Tôi cũng mừng lắm mà được nghe một người đồng hương nói. Tôi rất thêm nghe tiếng Việt.

— Ở đây cũng có người da vàng, và tôi đã thử nói chuyện với họ, nhưng họ không hiểu gì hết. Chắc họ là các chú họ Nhứt Bồn gì ấy.

— Sao không hỏi thử coi họ là ai ?

— Hỏi bằng tiếng gì bây giờ ?

— Bộ chị không biết tiếng Anh thật sao ?

— Em nói láo với chị làm gì.

Ở trường mà Mỹ theo học, Mỹ không có người Việt, các trường khác thì có, nhưng sau buổi học, họ đi chơi, hoặc về nhà trọ, thành thử chính nàng mà cũng không gặp họ bao giờ, huống là gì cô gái này, cô ta không có vẻ gì là sinh viên hết.

— Chị không bị cướp sao lại cầu cứu ? Ở đây, xem không có tai họa nào hết trừ tai nạn xe cộ và người da đen là cướp giữa ban ngày.

— Em lấy chồng Mỹ.

— Đó lại là yếu tố bảo đảm an ninh cho chị.

— Không, em cầu cứu chính vì vậy.

— Tôi không hiểu.

— Nó nhứt định không dạy tiếng Mỹ cho em.

— Cũng chẳng có gì là bí kịch.

— Nhưng em hóa ra người câm.

— Thì cũng khó chịu thật đó. Nhưng tôi đâu có thì giờ để dạy chị.

— Không, em không cầu cứu về chuyện ấy đâu.

— Chớ về chuyện gì ?

— Nó bắt em làm việc như trâu ngựa. Em muốn thoát thân, nhưng xử lẹ què người, lại không hiểu ngôn ngữ của họ, thành thử em giống hệt một kẻ bị cầm tù.

Mỹ không tin cô gái này, mà trái lại, còn nghi ngờ cô ta là kẻ gian manh, kiếm chuyện để rồi lát nữa đánh lừa nàng. Nàng hỏi :

— Chồng chị bắt chị làm những gì ?

— Tầy sàn nhà. Mà chị biết chớ. Sàn nhà ở đây bằng gỗ chớ không phải bằng gạch như bên nước ta. Muốn tầy phải dùng nước sà bông và bàn chải. Tầy xong là lã người đi.

— Không lã mỗi ngày mỗi tầy.

— Ừ, nhưng một tuần tầy hai lần cũng đủ chết rồi.

— Còn gì nữa.

— Đi chợ. Mà chắc chị Mỹ biết là tắc xi ở đây mắc như vàng, em phải toàn đi bộ. Mỗi tuần đi chợ hai lần, mỗi lần ba cây số đi ba cây số về mà phải ôm, xách, vác kè, tức đĩ mất hết bốn ngày chết cái thân rồi. Vì ôm xách nhiều quá nên không thể đi xe buýt được.

— Còn gì nữa ?

— Chị còn muốn gì nữa ? Bấy nhiêu đó chưa đủ giết con người hay sao ? Còn gì à ? Còn nấu ăn, giặt gĩa, lau chùi. Đủ thế, thỉnh thoảng nó còn đánh đập em nữa.

— Bộ chồng chị là Mỹ đen hả ?

Mỹ lại bị ám ảnh vì người Mỹ đen. Ở Sài Gòn, mỗi lần ta nghe tin họ xuống đường chống kỳ thị chủng tộc, ta ủng hộ họ hết mình bằng tinh thần. Nhưng đến nơi rồi, biết rõ thực chất của họ, ta kinh ngạc và ghê tởm quá. Chính họ kỳ thị người da vàng, còn họ bị da trắng kỳ thị hồi nào, ta không thấy mà còn thấy ngược lại, vì họ chiếm 80 phần trăm thủ đồ Hoa-Thịnh-Đốn, đuổi hết người da trắng ra ngoại ô xa.

Ở Sài Gòn, cô Mỹ có người anh họ, anh ấy có nhân tình làm chủ ba. Theo lời cô chủ ba ấy kể thì người Mỹ đen ở Sài Gòn, uống rượu rồi vô tiền lại, ném xuống gạch, trước mặt nhân viên, rồi bỏ đi, luôn luôn như vậy, không có ngoại lệ. Người anh họ

của nàng cho biết rằng anh ấy đã chứng kiến cảnh đó nhiều lần nhưng cô Mỹ không tin.

Có một lần, một đám sinh viên Mỹ đến tỉnh cô biết nàng là người Saigon, họ vây lấy nàng, sừng sộ hỏi :

— Tào sao đồng bào của cô xâm lăng đất Bắc Việt ?

Mỹ chỉ cười rồi bỏ đi. Nhưng họ toan hành hung nàng, may nhờ có cảnh sát can thiệp nên nàng mới thoát được.

Người con gái ấy vội đính chính :

— Không, Mỹ trắng chó.

— Tại sao chồng chị lại đánh đập chị ?

— Em không biết.

— Có thường lắm không ?

— Em về nhà chồng sáu tháng rồi, và bị đòn tới ba lần

— Đánh cách nào ?

— Nó tát tai em.

— Nhưng chị làm thế nào để sang đây được ?

— Ban đầu nó xin giấy cho em, chính phủ ta không cho. Rồi thì em nghe các chị khác đồn có mấy hãng tư chuyên mua xin giấy tờ dễ dàng, em mách nó, nó tới đó đóng tiền, và qui xin được dễ dàng thật.

— Họ làm cách nào để xin được dễ dàng ?

— Họ làm hôn thú cho em với nó. Hễ có hôn thú là chính phủ ta cho đi.

— À, té ra là vợ chồng chánh thức ?

— Ừ.

— Nhưng chị và chồng chị gặp nhau trong trường hợp nào ?

— Em bán ba.

Mỹ « À » một tiếng lớn trong bụng nàng. Gái bán ba có khác, nàng đoán đúng không sai, bằng vào bốn tiếng Anh mà cô ta biết.

— Nè, tôi bận đi học, tôi cho chị địa chỉ của tòa đại sứ Việt Nam, chị tới đó mà cầu cứu.

— Em đã tới rồi.

— Họ không cứu chị sao ?

— Em tới lần nào cũng chỉ gặp có cái ông người Saigon ấy thôi, không gặp ông nào khác hết, mà ông đó thì nói một câu kỳ cục lắm,

— Ông ấy nói làm sao ?

— Ông ấy nói : « Ai bảo ham lấy chồng Mẽo ! »

Mỹ biết ngay ông đó là ai. Đó là người nổi danh nhất trong hàng ngàn sinh viên ta ở Huế Kỳ. Có lần họ tràn tới tòa đại sứ định làm càn, hành hung ông ta, ông ta trốn mất.

Mỹ mở xắc ra, lấy sổ con, xé một tờ, ghi chép vội vàng rồi trao cho thiếu phụ không may ấy và nói :

— Giờ tới bận lắm. Đây, số điện thoại của tôi. Chị sẽ gặp bà chủ nhà trọ người Tàu, bà ấy không biết tiếng Việt đâu mà nói lời thôi cho nhiều, chỉ hỏi Miss Mỹ là bà ấy hiểu ngay, và gọi lại tôi liền. Thôi, xin tạm biệt.

Mỹ đi rồi rất lâu mà người thiếu phụ mắc nạn còn đứng đó mà ngầu ngơ nhìn bóng dáng xa của nàng.

Hôm đó Mỹ bận thực sự. Người ta bảo trước rằng chỉ còn có hai ba hôm nữa là tuyết rơi, mà chiếc măng tô thường của nàng thì không đủ khả năng ngự hàn.

Ở đây, cái gì cũng mắc tiền, tìm cho ra được một chiếc áo lạnh vừa với khả năng tài chánh sinh viên, phải mất ít lắm là hai ba ngày trọn lực lạo, mới mong thấy được cái gì.

Ngày 22 tháng Chạp, ngày lễ kỷ niệm ông Tổng Thống Hoa Thịnh Đốn, các hàng sách báo sang trọng ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn sẽ bán đại hạ giá bất cứ món đồ nào, mà « đại » thật sự vì họ bán có MỘT đồ là, một chiếc Cadillac mới toanh cho người khách đầu tiên trong ngày. Bao nhiêu món khác, không đến nỗi bán rẻ như vậy, nhưng cũng rẻ mạt, nhưng Mỹ không mong vào ngày đó, vì nàng đã chết lạnh mất rồi trước khi ngày đó tới, và bà chủ nhà trọ cho biết rằng đêm 21, người da đen ngủ ngay trên vỉa hè, trước các cửa hàng ấy, đông hàng vạn, không làm sao mà người da trắng và da vàng thúc cùi chỏ cho bằng họ để mà mua sắm cái gì.

Tuyết chưa rơi, và Mỹ đã quen được với thu ở đây rồi, nhưng tự nhiên đang đi, nàng bỗng rùng mình, nghe ớn ớn nơi xương sống.

Những gì cô gái bán ba vừa kể cho nàng nghe, nàng chưa dám tin là đúng sự thật một trăm phần trăm. Để kiểm soát lại xem sao. Tuy nhiên vẫn có vài sự thật chắc chắn trong đó.

Chẳng hạn tình cảnh của con gái dốt nát ấy, cô ta giống hệt một người câm, đúng y như cô ta nói, và giống hệt bị câm tù, cũng đúng y như cô ta nói. Như vậy cô ta là nô lệ đứt đuôi rồi, không còn ngờ gì nữa cả.

Việc kết hôn chánh thức rõ ràng là một lối mua nô lệ tri hình, và giữa thế kỷ 20, giữa thành phố Sài-gòn, đang sống phây phây một bọn buôn Mồi.

Bọn đó chia ra làm hai thành phần, thành phần ý thức và thành phần vô tình.

Thành phần ý thức là những bà chủ ba chuyên làm mai mối và xúi dục các cô lấy chồng. Thêm vào đó, các tú bà, các bà này thì lại còn chuyên môn hơn. Các ông bà chủ ba chỉ muốn làm ơn cho một khách hàng lâu năm, mặc dầu biết các cô sẽ khổ, chỉ như các tú bà thì làm mỗi đề ăn tiền, họ kiếm gái giang hồ cho Mỹ, họ chỉ lấy được có vài trăm, nhưng giới thiệu gái bằng lòng lấy chồng Huê Kỳ, theo về xứ chồng, họ được tới trên mười ngàn là ít.

Bọn vô tình là bọn chạy giấy tờ. Họ làm việc hợp pháp, lấy tiền công hợp pháp, nhưng họ quên mất hiệu quả của công việc họ làm : một cô gái vốn là gái gánh nước mướn, số phận sẽ ra sao giữa một dân tộc xa lạ, mặc dầu cô ta biết mặc đầm, biết uống rượu Tây ?

Ở xứ này không có ăn mày, không phải vì có luật cấm ăn mày mà vì dân nghèo được quỹ an ninh xã hội cho tiền ăn bữa. Thành thử cô gái khi này mà có cuốn gói trốn chồng, cũng không thể sống được như ở Sài-gòn bằng nghề hành khất. Mà Cô ấy đâu có phải là công dân của nước Huê kỳ để mong hưởng cái ân huệ đặc biệt là an ninh xã hội, nếu cô ta biết ngôn ngữ để mà xin cái ân huệ đó

Cô ta là nô lệ thật sự, mà như vậy, cho đến trọn kiếp cũng chưa thôi.

Theo luật của Huê Kỳ thì lấy chồng Mỹ chánh thức, cô ta sẽ được quyền cư trú trong xứ ấy cho đến ngày đủ điều kiện nhập quốc tịch Huê Kỳ. Nhưng được làm dân Huê Kỳ rồi, cô ta lại không biết ngôn ngữ, luật lệ của xứ họ, thì cũng chẳng mong được pháp luật của họ bảo vệ.

Và lại cái anh Mỹ đó, không chịu dạy vợ nói tiếng Anh thì anh ta phải có hậu ý nào, thì chắc chắn anh ta sẽ không xin cho vợ anh ta vào dân Mỹ đâu. Anh ta cứ để vậy, để lại dụng sức lao động của cô ta, cô ta sẽ không bị trục xuất nhờ có hôn thú với người Mỹ, mà cũng không được nhập quốc tịch Huê kỳ vì không có đơn xin.

Đó là một con người lơ lửng giữa không trung y như một phi hành gia mà phi thuyền hỏng máy, không trở về trái đất được mà cũng chẳng đi tới đâu hết.

Bằng đi một tuần lễ, Mỹ đã quên một người nô tỳ đồng hương rồi. Không phải là nàng vô tình, nhưng nhịp sống ở đây thanh nhàn như các, cha chết, chắc cũng sẽ không có thì giờ để khóc thì sá gì cô gái bán ba.

Lại thêm cái lạnh ở đây mà người da trắng cho là rất dịu hiền, nó làm khô dần nhiệt đới ghê lắm. Nàng lạnh cóng tay cóng chân, sáng đi học như là đi lên đoạn đầu đài. Tất cả bọn Đồng Nam Á đều ngưng sống hết 50 phần trăm.

Thân thể họ co ro trong áo ngự hàn, giữa buồng kín. Trí não của họ cũng co ro trong nỗi nhớ nhà.

Con gái Thái Lan ọ lắm. Họ may mắn lấy được tới bốn cô trong nhà trọ này, thế mà họ khóc rấm rức cả ngày vì nhớ mẹ. Con gái Việt chỉ cu kỳ có một mình Mỹ thôi, sầu xú muốn chết đi được. Mỹ cũng may có được một người bạn là gái Mã Lai Á lai Tàu, biết nói tiếng Quảng Đông mà nàng cũng biết lỏm bẻm nắm bảy câu, nên tạm người được nỗi nhớ nhà phần nào. Tiếng Quảng Đông, cũng như tiếng Anh, đều không phải là tiếng mẹ của họ, nhưng đàm đạo với nhau bằng ngôn ngữ đó, họ nuôi được ảo tưởng rằng họ đang sống ở Á Đông.

Bà chủ nhà trọ nhiều thiệp chí lắm, nhưng như đã nói, bà ta là người Đài Loan, mà người Đài Loan thì nói tiếng Phúc Kiến, thành thử bà ta cũng không an ủi được Mỹ chút nào.

Đêm nay, chỉ bạn Mã Lai Á đem mẹ tới đãi Mỹ. Dân Thái và dân Mã Lai ăn mẹ can không nổi. Họ thêm mẹ đến muốn khóc và

cứ viết thư về nhà đòi mẹ. Nhưng thư đi hôm cuối hạ, mà cha mẹ chị bạn này chậm trễ thế nào mà tới đầu đông, mẹ mới sang.

Mẹ sở dĩ được dân Đông Nam Á ưa thích vì nó chua, tạm tạo được cảm giác mát mẻ trong vùng nhiệt đới của họ. Ăn mẹ vào đầu mùa đông, thật không còn ý nghĩa gì nữa hết.

Mỹ hỏi :

— Cái bệnh « Harak » của chị thế nào ?

Họ nói với nhau bằng tiếng Quảng Đông, nhưng tên bệnh, họ dùng tiếng Thái để đùa nhại các chị bạn Thái của họ.

Đó là một chứng bệnh ngứa da mà toàn thể chủng Mã Lai-Bách Việt gồm Mã Lai, Chăm, Thái, Việt đều nói hơi giống nhau. Thái nói Harak, Hà nội nói Hắc, còn Mã Lai, Chăm nói Lak, người Saigon nói Lác.

Vì Harak hơi xa Hắc, Lác và Lak, nên bọn Đông Nam Á đồng chủng này thường đùa người Thái lắm bởi tuy đồng ngôn, nhưng họ nói khác hơn tất cả mọi nhóm khác.

Đôi bạn cười với nhau rồi chị bạn đó đáp :

— Cái thằng cha đốc tởm đó, nó trị tôi bằng cái câu cổ điển của người Huế Kỳ.

Đôi bạn lại cười ngả nghiêng, ngả ngữa. Cái câu cổ điển ấy là : « Cô nên có bạn trai »

Các vị bác sĩ Huế Kỳ, hử con gái mắc bệnh nào không nguy hiểm, như là những chứng bệnh không ai biết đường đâu mà rờ như đầu đầu mà xem mạch thì không thấy gì cả, thì các ông thường nói nửa đùa nửa thật : « Cô nên có bạn trai »

Cái sự nửa thật đó, cũng là sự thật phần nào, vì con gái không chồng mà gìn giữ nhiều năm quá, thường hay bị những biến chứng kỳ dị lắm, không có bệnh gì hết mà vẫn nghe khó chịu thật sự, đôi khi đau đớn thật sự nữa.

Và có kếp là chuyện giải trí thông thường của con gái đa trắng, họ không coi đó là tội lỗi, kể cả vị hôn phu của họ mà có biết, cũng bỏ qua cho, miễn khi cưới nhau rồi, đi đường ngay là đủ, y như dân Thổ ở Thượng du Bắc Việt.

Người Á Đông cho cái quan niệm đó là quái dị lắm, và có nào ở đây cũng đã nghe các bác sĩ nói đùa như thế ít lắm là

một lần, nên họ thường lấy câu đó để làm đầu đề đùa cợt với nhau.

Bên ấy, con trai, con gái sẵn sàng làm mỗi không công để giúp người ngoại quốc, hoặc giúp những đồng bào nhút nhát của họ, thành thử những cậu nhát gái nhút cũng có đào, những cô nhát trai nhút cũng có kếp, không ai mà sống trơ trọi như người Á Đông hết thấy.

Thình lình, chông điện thoại reo lên. Mỹ vội chạy lại chụp lấy máy nói. Tiếng bà chủ nhà trọ vang lên trong đó. Bà ta có tông đài, và ở quá gần, nên nói nghe to lắm.

— Hè lô, cô Mỹ đó hả ?

— Vâng, tôi đây. Bà có lạnh không ?

— Không, tôi là người Trung hoa mà. À, tôi trao cô cho một phụ nữ đồng hương của cô.

— Được, cảm ơn bà.

Rồi Mỹ lại nghe, xa vắng lắm !

— Hè lô, chị Mỹ đó hả ?

— Vâng, tôi đây, nhưng chị là ai và ở đâu ? Tôi mừng quá mà nghe tiếng con gái Việt Nam.

— Tôi không là con gái đâu, mặc dầu cũng chưa thành bà già. Tôi là Cầm.

— Cầm ? Ơ... a... a... có phải là chị Cầm Huế đó hay không ?

— Chính tôi đây. Nghe chị cần buồng tại một nhà trọ có người Việt hả ?

— Vâng.

— Sống chung với con gái Huế và con gái Bắc di cư, chị có bằng lòng không ?

— Sao lại không. Chị khéo hỏi. Nhưng sao chị nói giọng Sài Gòn ?

— Tại tôi lai dân Sài Gòn.

— Tôi nghe danh chị từ lâu, muốn tìm thăm chị, nhưng chưa có dịp.

— Dẹp cái đó đi. Mai tôi sẽ đi thăm chị đó. Mai chúa nhật, sẽ ở nhà chờ ?

— Nếu có hẹn với chị. Nhưng tôi phải đi thăm chị mới phải lễ cho.

— Đẹp, con gái Sài Gòn mà cũng bày đặt khách sáo. Chị ở ngoại ô North West, tôi ở ngoại ô South sức mấy mà chị đi thăm tôi được. Vả lại tôi có xe nhà, tôi sẽ đưa chị đi đây đi đó tiện hơn. Thôi chào.

— Khoan cúp. Sao vội dữ vậy ?

— Vừa tẩy sàn nhà mới xong, một muốn ngất đây.

— Sao lại tẩy sàn nhà ? Chị có là nô lệ của ai hay không ?

— Chị nhà quê bầm sáu cục, vậy mà đòi đi thăm tôi không khéo lạc đường, bị Chà Và bắt mần thịt nấu cà ry mất.

Họ cười xóa trước câu nói đùa đó, nó là câu hăm dọa của các bà mẹ Miền Nam khi con họ không ngoan. Chị Cầm dần Huế, nhưng chắc đã học được câu hăm dọa đó của ai, từ khi sang đây.

Nhưng chị Cầm vẫn cúp như thường, mặc dầu Mỹ muốn nói nữa. Nàng trở lại bàn đề ăn me, và cô bạn Mã Lai Á hỏi :

— Ai đó ?

— Cầm.

— À Cầm.

— Té ra chị cũng biết chị Cầm ?

— Chỉ nghe danh thôi và dân Đông Nam Á, ai lại không nghe danh chị đó.

Quả thật thế, chị Cầm được giới sinh viên ta gọi là Tòa đại sứ Việt Nam vì chị là người độc nhất ở đây giúp đỡ sinh viên Việt một cách tận tình. Chị chỉ kém tòa đại sứ Thái Lan và Anh Đô Nê Xia có một điểm là không cho sinh viên mới tới ngủ ở nhà chị vài đêm, vì nhà chị không đủ chỗ.

Mỹ vui rộn lên, nhưng đồng thời, cũng tự lự mãi không thôi. Theo chỗ nàng biết chắc thì chị Cầm là nhân viên của Ngũ Giác Đài, lương tháng bảy trăm đô la, cao hơn cả lương của một số người Mỹ. Chồng chị là một nhà bác học Huế Kỳ, thì tại sao chị lại phải tẩy sàn nhà y như cô gái đã cầu cứu với nàng hôm nọ ?

Thình lình, chuông điện thoại lại reo vang lên nữa. Mỹ ngỡ chị Cầm gọi lại nên nàng quỳnh quít. Nhưng không phải. Tiếng người ở đầu dây bên kia nghe quen quen :

— Hê lô, chị Mỹ đó hả ?

— Ủ, ai đó ?

— Em đây, em là người cầu cứu với chị hôm nọ đây.

— À, té ra là chị, tôi vừa mới nghĩ đến chị đó.

— Vậy hả? Cảm ơn. Tôi gọi chị ngày một, nhưng đều không gặp.

—Ừ, ban ngày tôi đâu có ở nhà.

— Tôi cũng đoán như vậy, nhưng ban đêm « nó » lại có ở nhà, tôi không dám gọi chị. Đêm nay nó đi vắng, ta mới nói chuyện được với nhau đây.

— Có lẽ tại chị sợ hãi đó thôi chứ người Mỹ họ đâu có cấm đàn bà giao thiệp.

—Ừ, thẳng này nó không có cấm đàn bà giao thiệp, nhưng em đâu có phải là đàn bà.

Mỹ ngạc nhiên lắm, hỏi :

— Sao, chị nói sao? Chị không phải là đàn bà?

—Ừ, em chỉ là « Mọi » mà thôi. Nó cấm Mọi giao thiệp với bên ngoài.

Mỹ thừ người ra. Thì ra vụ này có thật chứ không phải đùa. Danh từ Mọi đối với những người miền Nam không có học, có nghĩa là « Nô lệ ».

— Có cấm thật hả?

— Có một lần, một cậu sinh viên cũng đã cho em địa chỉ, em gọi cậu ấy, và bị nó tát tai.

— Trời ơi!

— Sao chị, chị có giúp gì em được không?

— Chưa, tôi chưa nghĩ ra kế nào hết. Để tôi hỏi lại bạn hữu và tòa đại sứ xem sao.

— Tòa đại sứ thì khỏi hỏi. Nhưng chị ráng làm ơn lo cho em thoát thân thì ngàn ngày, em sẽ không quên ơn chị.

— Không cần được chị nhớ ơn, tôi cũng lo. Nhưng chưa có kế gì hết. Chị sẽ gọi lại tôi khi nào chị có dịp. Thôi chào.

Mặc dầu không bận như chị Cẩm, Mỹ cũng cúp ngang xương và chắc cái chị bán ba này cũng ngầu ngơ tiếc y như nàng khi nãy.

Chị bạn Mã Lai Á lại hỏi :

— Ai nữa đó?

Mỹ ấp úng đáp :

— Một người quen.

Nàng bối rối lắm trước câu hỏi tò mò theo lối Á Đông đó. Nàng sợ đại rằng cô bạn này biết sự thật. Họ không có lấy chồng Mỹ quá dễ dàng như ta, thì không hiểu họ sẽ nghĩ sao về ta.

— Nữ hay nam ?

Họ lại cười xòa với nhau rồi cô bạn nói :

— Mấy con Thái Lan đang họp nhau đề khốc chung đẳng kia.

— Hoan hô, khốc chung là một trò vui lắm.

— Mà tốn nhiều nước mắt nhưt là con Nuối Nười.

Hai cô lại cười lẫn ra.

Cô bé có cái tục danh Nuối Nười ấy mới có 16 tuổi, chắc vừa thôi bú, dứt sữa không lâu, nên cứ gọi Má hoài, cũng gọi bằng danh từ Má y như Việt Nam, và tối tối, cứ bỏ buồng riêng đi xin ngủ nhờ với bạn đồng nhà, vì cô bé rất sợ ma.

Người Thái, xưa kia là dân của nước Tây Âu, một thứ dân bành nhứt Đông Nam Á mà Tần Thi Hoàng đã gọi là dân « Lục lương », tức dân cứng đầu cứng cổ. Chính họ đã hạ sát Đồ Thư, viên tổng tư lệnh của đạo quân viễn chinh bách chiến bách thắng của Tần Thi Hoàng, thì có sao nay con gái họ lại ướt át đến thế không rõ.

Cô bé ấy trắng trẻo mà mảnh mai như một tiểu thơ trong sách Tàu đời xưa, và đi đâu về, cô ta kêu om lên : « Nuối Nười ! Nuối Nười ! »

Giọng cô bé nói lên hai tiếng đó nghe dễ thương lạ, như một em nhỏ đòi quà, nhưng cũng rất là buồn cười.

Mỹ bị ám ảnh chưa thôi về câu chuyện người mắc nạn, hỏi cô bạn Mã Lai-Á :

— Chỉ có thể lấy chồng ngoại quốc được hay không ?

— O... hơ... chỉ hỏi thình lình quá, tôi biết đâu để trả lời. Nhưng lấy người Anh-Đô-Nê Xia thì được.

— Khỉ khờ ! Anh Đô Nê Xia là Mã Lai, đồng ngôn nhưt với chị, còn ngoại quốc gì nữa. Cho đến cả Thái và Việt mà cũng có ngôn ngữ không khác với tiếng của chị bao nhiêu nữa là !

— Lấy chồng Trung Hoa thì được. Nhưng không về Trung hoa.

— Sao vậy ?

— Biết họ sẽ làm gì mình bên xứ họ.

— Hay, sao mà chị khôn ngoan lắm vậy !

— Họ nói người Trung hoa lấy vợ Đông Nam Á chỉ để dễ bề làm ăn. Tôi không nói xấu ba tôi đâu. Ba tôi không có như vậy, nhưng những người khác thì có. Họ làm giàu rồi thì họ về Trung hoa, cưới vợ Trung hoa và xem vợ đó là vợ chánh, còn vợ Đông Nam Á là tỳ thiếp.

— Hay, ở xứ tôi, chuyện đó cũng thường xảy ra. Nhưng chị lai Tàu, chắc sẽ được xem là Tàu.

— Chưa chắc. Người lai, chỉ được xem là Tàu khi nào họ cần đến.

— Cần về chuyện gì ?

— Thí dụ đề biếu tình. Thí dụ làm đa số để đòi tách ra độc lập như Tân gia Ba chẳng hạn. Rồi người lai ở Tân gia Ba vẫn cứ là công dân hạng nhì không hơn Mĩ kiều bao nhiêu.

— Đồng bào của ba chị thật là đế quốc, khi không, nước của người ta, các ông cướp một cách công khai không tốn một viên đạn, và công dân của người ta lại biến thành dân kiều cư trên đất của người ta.

Chị bạn chỉ cười, không dám cãi lại, vì sự thật là thế. Rồi Mỹ nói tiếp :

— Câu nói của chị khi nãy hay lắm. Chị nói rằng biết họ sẽ làm gì mình bên xứ họ. Ở Việt Nam, trong dân chúng người ta kể nhiều câu chuyện xưa nghe ghê gớm lắm.

— Sao lại chuyện đời xưa ?

— Vì hồi xưa nước tôi bị nước của ba chị cai trị. Họ kể rằng các ông chồng Trung Hoa khi nào chạy loạn thì mang vợ Việt theo để có người khâu vác vàng bạc. Khi gần tới biên giới Việt Hoa, họ để cửa trong các hang núi rồi thủ tiêu các bà vợ Việt đi.

— Chỉ vậy ? Sao họ không về luôn bên Tàu.

— Về luôn bên Tàu, các bà cũng bị thủ tiêu nữa.

— Có thật hay không ?

— Ai biết đâu. Nhưng khi mà ai cũng nói như vậy hết thì ta vẫn phải tin phần nào.

— Nhưng với mục đích gì ?

— Nếu về luôn bên Tàu thì họ bị coi thường, bởi dân Đông Nam Á bị bên ấy gọi là man di, mà kẻ lấy vợ man di, không rạn rỡ lắm.

Nhưng họ đâu có tính chuyện về luôn, họ nghĩ rằng loạn rồi thì trị và họ sẽ trở lại làm ăn. Như vậy, họ khỏi phải tốn công nhiều trong việc mang của đi xa thêm, và tốn công nhiều, khi trở lại.

— Nhưng sao phải giết vợ ?

— Chỉ là Tàu lại mà còn hỏi như vậy. Tục người Tàu thường yếm của bằng xác của một người vô tội chết oan, kẻ ấy sẽ thành ma giữ của cho họ.

Nước chỉ chịu ảnh hưởng Trung hoa nhiều hơn nước tôi, nhưng đó là ảnh hưởng kinh tế. Bên xứ tôi, chúng tôi thọ lãnh ảnh hưởng văn hóa nhiều hơn. Chúng tôi đọc sách Tàu, thấy người Tàu giết vợ giết con là chuyện thường mà đó là vợ Trung Hoa chứ không phải vợ man di đâu. Họ coi rẻ mạng người, nhưt là mạng của người đàn bà.

— Tôi không có đọc sách Tàu, nên không hay biết điều đó. Nhưng tôi chắc tục ấy không còn.

— Tôi cũng tin như vậy, nhưng không phải vì người Tàu ngày nay tốt hơn người xưa mà vì ngày nay pháp luật bảo vệ con người nhiều hơn, cho dầu đó là con người man di, không như từ thế kỷ 19 trở lên mà một gia trưởng có thể tuyên bố rằng vợ mình chết bệnh mà yên thân với pháp luật. Thuở bé, tôi ở làng, tôi được biết vụ một chú Tàu lấy vợ Việt. Con gái chú ấy có chữa hoang. Chú đánh cô ấy tới chết rồi tuyên bố là cô ấy chết bệnh, tưởng được êm xuôi như xưa. Nhưng ngày nay nhà chức trách thường khám xét thi thể của những người chết dưới 30 tuổi, nên chú ấy bị bắt. Nhưng tôi đã đi lạc ra ngoài đề. Ý tôi muốn hỏi chị có thể lấy chồng ngoại quốc mà không thông ngôn ngữ của anh chồng đó hay không ?

— À, cái đó thì không, nhưt là từ lúc nghe chị nói chuyện thủ tiêu.

Mỹ cười rồi nói :

— Ngày nay chồng khó thủ tiêu vợ lắm. Nhưng vẫn còn nhiều thứ khác đáng sợ không kém. Chị khôn ngoan lắm đó, và tôi cũng đồng ý với chị.

Chị Cẩm tới hồi 9 giờ sáng. Mùa đông, ngày nghỉ mà đến như vậy là rất sớm. Chị giải thích rằng sợ Mỹ phải chờ đợi lâu. Mỹ thấy chị đẹp quá, và bảnh quá cứ nhìn chị mà khâm phục hoài. Nàng hỏi :

— Ai cho chị hay biết nhu cầu của tôi ?

— Thăng Minh.

— À, anh ấy ở với sinh viên Mỹ, tôi có cậy anh ấy thật đó. Hình như là sinh viên ta, ai có cái gì không giải quyết được đều kêu réo chị phải không ?

Chị Cẩm chỉ cười dòn lên mà không đáp. Chị lại đánh trống lảng :

— Bữa nay, đức phu quân tôi đi vắng, tôi mời chị ăn cơm Tàu với tôi.

— Rất sẵn lòng. Nhưng có làm mất thì giờ chị lắm không ?

— Có chớ sao không. Nhưng đừng ngại gì hết. Không phải là một hi sinh lớn lắm đâu.

— Nghe chị bận lắm, tôi làm sao không ngại được.

— Xứ này, ai cũng bận tuốt hết, nhất là những kẻ có nhà. Thế nên phần đông họ thuê buồng, để chủ khách sạn hay chủ nhà trọ làm bớt công việc cho họ.

Chị Cẩm có xe Wolsvagen, xe nhà nghèo ở xứ này. Nhưng đó là nhà nghèo có hạng. Đôi bạn lên xe ấy xe đã bị tuyết phủ lên đó một lớp dày. Cẩm cho bánh xe xấn vào tuyết trên mặt đại lộ.

— Ta đi đâu đây ? Mỹ hỏi.

— Đi lại nhà trọ.

— Hay lắm. Ở đó có mấy người mình ?

— Hai cô gái Huế, một gái Sài Gòn và hai cô Hà Nội di cư, đã có chồng, chồng Việt, chồng nhà binh đi tu nghiệp, ở tiểu bang khác, ngoài ra toàn là con gái da trắng mà không phải Huế Kỳ.

- Cũng là nhà trọ cho sinh viên chứ ?
- Ừ, và cũng cứ do người Tàu quản trị.
- Người Tàu họ không phải chỉ tài ở Á Đông, mà tài cả ở đây nữa là nơi người khôn của khó. Họ ngồi đó, mà hưởng lợi mỗi tháng hai ngàn đô la, chạy đi non một triệu bạc ta, một cách khỏe ru.
- Nhưng họ cũng có chi phí.
- Không đáng kể. Họ đưa nhân công từ Đài Loan sang đây, nhân công ăn rẽ mạt, sánh với nhân công ở đây, vì không biết đòi hỏi. Họ còn lời ít lắm là sáu trăm ngàn. Họ có tốn gì đâu ? Vì không phải là khách sạn nên họ chỉ lau quét mà không cung cấp tra, không giặt gĩa tra, một nhân công là làm được công việc đó cho cả mười buồng. Họ chỉ còn tốn tiền điện, tiền nước và tiền hơi sưởi vào mùa đông. Nhưng ta lại đi vắng cả ngày, là đâu có tiêu thụ bao nhiêu nước, điện và hơi sưởi.
- Các bà chạy áp phe ở Huế, ở Saigon, cù lần lẩn. Chắc ở bên nước nhà các bà bỏ ra mười triệu vốn mà kiếm được mỗi tháng sáu trăm ngàn. Nhưng không bà nào biết sang đây làm cái nghề này hết, nghề ít vốn nhất thế giới, bởi chủ bỏ ra có hai ngàn đô la là thuê được một biệt thự lớn ở ngoại ô.
- Còn ở trung tâm thành phố ?
- Ở trung tâm, nhà cửa rẻ hơn vì người da đen đông quá, người da trắng họ không chịu sống chung nên nhà ế.
- Kỳ thị !
- Kỳ thị cũng có, mà nhất là họ sợ.
- Sợ gì ?
- Tôi đã hay tin chị bị cướp đến hai lần, có phải không hè ?
- Ừ.
- Nếu ở trung tâm thì họ sẽ không dám ló ra khỏi nhà, nhất là con gái.
- Có bắt cóc con gái để hiếp hay không ?
- Không nghe nói. Nhưng cướp thì nghe thường bữa. Để tôi kể tiếp cho chị nghe cái cù lần của các bà Việt Nam.
- Sinh viên gốc Saigon rất khoái ăn rau răm và rau húng. Các bà Việt nghe vậy, đồ mở hời đồ trồng. Trồng xong không biết mở tiệm để bán, tới van lạy các tiệm tạp hóa của người Tàu bán giùm.

Họ bán chạy vo, vì cả sinh viên Bắc Kỳ di cư cũng khoái ăn rau húng.

Thế rồi họ cũng sấm chấu, sấm vйм, lấy rau ấy làm giống để trồng rồi thì hai tháng sau, họ đã sản xuất được rồi, từ chối không nhận hàng của các bà Việt Nam nữa.

Cả bánh tráng Sài gòn cũng vậy. Các bà nhập cảng rồi cũng tới van lạy người Tàu bán.

Người Tàu họ bán chạy vo rồi thì họ liên lạc thẳng với Chợ lớn khiến các bà nhập cảng người Việt cut hứng.

— Họ tài quá !

— Chỉ chỉ biết nói có rứa thôi rần ? Chị phải thấy tương lai của cái Đông Nam Á cù lẩn của ta nó mờ mịt ra sao.

—Ừ, mờ mịt thật, khi mà người Tàu trồng đến cả rau răm để bán cho ta.

Nhà trọ này cũng ở ngoại ô N.W tức cùng khu với Mỹ mà nàng không biết. Xe chạy có 15 phút là tới nơi. Và ngôi nhà trọ, cũng hơi giống giống ngôi nhà mà Mỹ đang ở, tức khá lớn, nhưng xoàng xoàng, không xinh đẹp gì hết. Chủ nhà cho thuê hai ngàn Mỹ kim là được tiền lắm rồi đó, nên họ không ganh tỵ với người thuê, mặc dầu họ biết các bà Tàu ngồi không, không xuất vốn mà kiếm lời gần bằng họ.

Bà Tàu ở đây cũng là người Đài Loan, và cũng tử tế, và thương lượng mất có năm phút là xong cả. Một tuần nữa bà sẽ có buồng cho Mỹ, khít vách với buồng của ba cô gái Việt. Thật là ổn vì đúng vào ngày ở đây có buồng trống thì Mỹ đã hết hạn bên kia.

Xong, Cầm đưa Mỹ tới một hàng bách hóa nhỏ để uống cà phê nóng. Những ngôi hàng bách hóa nhỏ ở đây, họ kiếm luôn nhà thuốc tây, hiệu sách và bán các thứ ăn uống thường thường như là vài trứng gà ốp la, ăn đỡ dạ khi lỡ đường.

Mỹ nhìn chị Cầm rồi hỏi :

— Có quả thật chị tẩy sàn nhà hay không ?

Cầm đang quây máy tách cà phê, ngước lên, bật cười rồi nói :

— Tôi đã bảo là chị nhà quê bầm sáu cục. Ở xứ này, trẩy phủ ra, còn thì không ai mướn nổi tôi tớ hết.

— Sao họ lại ần mắc?

— Vì công việc nhiều, họ đi làm thợ lương cao mà tự do hơn. Nếu tôi không tẩy sần nhà thì ai tẩy cho tôi?

— Còn giặt gỵa, đi chợ nấu ăn?

— Cũng tôi làm hết, hoặc chồng tôi làm.

— Té ra...

— Té ra còn khổ hơn ở bên nhà? Vâng, cái đó thì đúng. Nhưng nếu nước nhà có kỹ nghệ thì cũng sẽ đi tới tình trạng đó là không ai dám mướn tôi tớ hết và ai cũng phải làm lấy việc nhà cả. Vì thế mà, như tôi đã nói, ở xứ này, trừ nông thôn, ít ai dám sắm nhà lắm, bởi có nhà thì khổ thêm quá sức.

— Sao chị lại sắm nhà?

— Tôi đâu có sắm. Đó là nhà của ông bố anh ấy, ông cụ qua đời, để lại cho anh ấy đó chớ.

— Anh ấy có đánh chị hay không?

— Chị có những câu hỏi rất lạ. Tôi có sống ở Saigon, tôi biết. Người Saigon còn bảnh hơn người Huế nữa, thì tại sao lại có các hỏi như thế? Cũng có người da trắng đánh vợ thật đó, nhưng chỉ có hai hạng thôi. Đó là những người đàn ông ghen, và những anh thợ rượu chè. Tôi đâu có ở trong hai trường hợp đó.

— Tôi đã hiểu rồi.

— Chị hiểu cái gì?

Mỹ bèn đem câu chuyện cầu cứu kể cho Cầm nghe.

Cầm tư lự giây lâu rồi nói:

— Trước hết, tôi khuyên chị đừng có can thiệp. Trừ khi nhà có đơ thừa của nạn nhân, ngoài ra, nhà chủ trách cũng chẳng dám xía mũi vào gia đạo của ai hết.

— Nhưng tội nghiệp chị ấy lắm.

— Còn ngờ. Theo lời chị, thì chị đó chỉ phải làm việc y như tôi. Lương tháng của tôi là 700 đô la mà tôi còn phải chịu nhọc xác như vậy, chị ấy không kiếm được lấy một xu, chị ấy không làm nội trợ thì làm gì bây giờ?

Lại cũng cứ theo chị nói thì cô ấy nguyên làm nghề bán ba. Các cô bán ba thì cô nào cũng tưởng tượng đến các nước khác

trắng, qua các phim xi-nê-ma. Các cô thấy đào xi-nê trong ấy cả ngày gọt móng tay, chải tóc rồi lái xe đi dạo, các cô ngỡ phụ nữ da trắng luôn luôn sống như vậy, nào cô biết đâu một bà giáo sư đại học vẫn phải tẩy sần vân như thường.

Phương cho các cô được các chú lính Mỹ bao mỗi tháng hai ba mươi ngàn bạc, các cô ở không thật sự tại Saigon, Cam Ranh, Đà Nẵng, các cô ngỡ làm vợ chánh thức của Mỹ rồi thì đời càng lên hương hơn. Các cô đâu có biết rằng đối với giá sinh hoạt ở xứ ta thì lương một chú lính Mỹ rất cao. Nhưng khi các chú hồi hương, trở lại đời sống dân sự thì lương tuy không thấp hơn lương lính, nhưng các chú hóa nghèo bởi sự mắc mớ ở đây. Các chú không còn dám tặng các cô mỗi tháng một trăm đô la nữa, trái lại, vì đã lập gia đình, các cô không còn được ngồi không để gọt móng tay như ở Saigon, rồi các cô đâm ra thất vọng, bị thâm hóa tình cảnh của các cô với người đồng hương.

Chỉ có biết hay không, chính các cô đã gieo tiếng xấu cho dân ta ở đây nhiều lắm.

— Bằng cách nào ?

— Không phải là các cô lãng nhãng với ai, nhưng phần đông không biết pha cà phê, không biết nướng một con gà, khiến người Mỹ ở đây họ cho rằng người mình rất dốt man. Nhưng chị nghĩ xem, một cô thợ cấy trời giạt lên Sài-gòn làm gái bán ba, cô ấy làm thế nào để biết nội trợ ?

— Theo chị thì chị ấy không có bị dày ải ?

— Tôi đã nói chính tôi vẫn phải tẩy sần nhà, giặt gya và đi chợ. Tôi chỉ đỡ khổ là tôi có xe, khỏi phải ôm xách lè kè, chỉ có thế thôi.

— Chị lấy chồng Mỹ nên chị binh Mỹ quá sá.

— Tùy chị nghĩ sao thì nghĩ.

— Bằng chứng có việc lợi dụng sức lao động của con người là kẻ đó không dạy tiếng Anh cho vợ y, và cấm vợ y giao thiệp.

— Chị không biết gì hết. Một người lính Mỹ muốn cưới vợ Việt chánh thức, đã phải tốn bằng hai ba mươi lần một người Việt. Các cô vợ đó thất vọng quá sớm, muốn thoát quá sớm thì các cậu phải sợ lỗ vốn, đó là lẽ dĩ nhiên.

— Nhưng mà ghê tởm quá !

— Chỉ ghê tởm vì chị đồng hóa thái độ của anh chồng ấy với một vụ bắt cóc, cầm tù và sử dụng nô lệ. Nhưng nếu chị biết rằng một bà giáo sư đại học vẫn phải làm việc nhà y như chị ấy, thì cái điểm « nô lệ » phải được xóa mất nơi trí chị.

— Nhưng cái điểm cầm tù lỏng vẫn còn.

— Biết sao giờ. Nó đã mất ít lắm cũng bốn năm ngàn bạc mới cưới và đưa về nước nó được cô gái bán ba đó, thì nó không muốn buông tha cô ta, nghĩ ra con người ai cũng vậy.

— Nó mua cô ta à ?

— Đâu có, đó là tổn tiền chánh thức và hợp pháp đó chứ.

— Nhưng sao tôi cứ nghe khó chịu ?

— Tôi cũng vậy.

— Chị rất sắt đá.

— Tôi chỉ trình bày ra tất cả mọi khía cạnh của sự thật.

— Dầu sao, chị ấy vẫn có khổ. Người ta đã không muốn tẩy sần nhà thì không ai có quyền bắt ép người ta tẩy hết.

— Hoàn toàn đồng ý với chị. Nhưng như vậy là lý do rồi. Tôi đẹp vấn đề luân lý lại, nhìn nhận sự chánh đáng của lý do. Nhưng cô ấy lại không biết xin lý do.

— Tại thằng bất lương đó không chịu dạy tiếng Anh cho chị ấy.

— Hoàn toàn sai. Chị ấy biết tiếng Anh, vẫn không biết xin lý do. Phải có học, phải biết luật chút ít, phải có tiền nữa kia.

— Rồi sao ?

— Rồi có sao đâu. Tôi chỉ kể ra các điều kiện mà một cô vợ phải nắm vững để có thể xin lý do.

— Giải pháp ?

— Sao chị hạch sách tôi quá lắm vậy ? Tôi có trách nhiệm gì về tình trạng đó đâu mà bắt tôi phải tìm giải pháp ? Nhưng chị hỏi thì tôi cũng xin nói. Tôi nghĩ rằng chánh phủ ta nên lưu ý những người Mỹ kết hôn với những cô gái trời đánh, bắt họ suy nghĩ cho thật lâu mới được. Các cô tưởng tượng hoàn toàn sai về các bà vợ Mỹ, ngỡ sẽ được sống nhàn hạ và sang trọng như đào trong xi-nê, rồi các cô thất vọng, các cô kêu cứu.

Chính phủ ta cũng nên lưu ý các cô sắp sửa kết hôn với người Mỹ, cho các cô biết thực trạng ở Mỹ không phải là thế, không thể nằm không gọi móng tay mà mỗi tháng có một trăm đô la như làm

đi ở Sài Gòn, vì các chủ lính Mỹ, ở Sài Gòn xài như ông hoàng, nhưng về xứ họ, họ cũng lãnh bấy nhiêu lương đó trong một tháng, mà họ trở thành bần dân. Như vậy, tưởng còn thua lấy một anh thợ bốt tóc ở Sài Gòn nữa.

— Khi chị lấy chồng Mỹ, chị có được sự lưu ý như vậy không ?

— Không, bởi thế tôi mới cho đó là giải pháp mới mà tôi vừa nghĩ ra để trả lời đòi hỏi của chị.

— Nhưng chị không có thất vọng chứ ?

— Tôi làm sao thất vọng được, vì tôi biết trước rằng nó sẽ như vậy. Như chị, tôi lại là con nhà, tức đã quen làm nội trợ chứ không quen ngồi không đánh móng tay thì nếu phải cực nhọc, nào có khác gì tôi lấy chồng thầy kỹ ở Sài Gòn đâu.

— Nhưng mà...

— Nhưng mà chị cứ bị ám ảnh mãi vì cái cảm giác ban đầu của chị, khi mới nghe cô gái bán ba ấy kể thân phận, ám ảnh vì chuyện buồn mọi, có phải hay không nè ?

— Ừ.

— Cái ông ở tòa đại sứ ta, ông ấy đã nói một câu quá tàn nhẫn, nhưng đúng : « Ai bảo ham lấy chồng Mẽo ».

— Chớ chị không ham hay sao ?

— Không. Tôi ý thức rõ về đời sống ở đây, và không xem việc tây sà nhà là làm nè lệ. Tôi lấy anh ấy vì hạp ý, chớ không vì ngộ nhận bởi lòng ham tiền như cô kia.

— Nhưng sự kiện nó lệ cứ còn nơi chị ấy.

— Tùy chị muốn hiểu rần thì hiểu.

Mỹ nói đùa :

— Rứa thì tôi còn biết mô mà hiểu.

binh nguyên lộc

DU TỬ LÊ

trên sàn gỗ

Người con gái uốn cong người như một con giun bị hơ trên lửa ngọn, vẻ đau đớn với những nét nhăn nhúm toàn thể hiện trên gương mặt nàng, mái tóc xõ tung như bị bới vỡ bởi chính nàng, cũng như bởi bàn tay người đàn ông giật kéo ; người đàn ông nằm nghiêng, mặt day về hướng khu trường học với miếng sân thềm thang và những thân cây cổ thụ, cành lá che rợp cả ánh trăng khuyết, vốn yếu ớt, treo chênh vênh phía bên kia vòm trời xanh tối, người ta không thể đoán được rằng anh ta đang nghĩ gì, cũng như trong thế nằm của anh ta, không cho ta có thể nói trước được rằng anh ta sẽ làm gì sau đấy, chỉ biết đại khái khuôn mặt anh ta vẫn phẳng lờ như một miếng gỗ để lâu ngày đã lên nước, chiếc lưng anh ta phơi trần, tương phản với màu trắng sữa của người con gái, cho ta cái cảm tưởng một tấm chăn dạ được xếp bên cạnh một tấm chăn trải giường trắng nọp ; người con gái chột mắt sau quầy hàng vẫn như chưa thể bình tâm với cuốn truyện mở trước mặt, đúng hơn là cô ta đã tắt đi ngọn đèn nhỏ đủ soi cho một trang sách, công việc này, cô đã làm lúc nào mà chính cô, có lẽ cũng không hề nhận biết ; ánh sáng từ những ngọn đèn đường, trên những trụ xi măng cao, chừng cũng cúi đầu xuống thấp hơn, tuy nó có vẻ sáng hơn một chút, so với lúc ban đầu, nhưng ánh sáng của nó, cũng chỉ có

chia ra một phần nào đó, rất nhỏ, bắt ngược lên ngôi lầu, những chiếc bàn vuông ngồi im lặng trong cái thế của những dàn đang đang ra chiều suy tư một cách ngơ ngẩn, gương gạo khếch cồm; người con gái đôi thể nằm, nằng xoay người nghiêng theo chiều của người đàn ông, cô thấy rõ hơn bao giờ, im lặng lớn nổi lên một đường xương sống to và rõ từng đốt, trên đó, đoạn gần vai, những bắp thịt bị sức nặng của thể nằm ép xuống, tạo thành từng miếng có cạnh góc hình thoi, cô đưa tay vuốt ve trên phần da thịt gần gũi nhất và bỏ ngơ đó, cô có cảm giác như những ngón tay cô cũng rịn rịn một thứ mồ hôi đã thấm se khô; người đàn ông bắt thần quay lại, với một tay anh lơ lửng dưới cổ người con gái, nhắc bổng đầu cô lên và xê dịch lên về phía mặt mình, người con gái nhắm nghiền hai mắt, chắc cô phỏng đoán, anh ta sẽ hôn lên môi hay chính trên đôi mắt cô, nhưng một lát sau, cô mở mắt ra, mà không thấy gì khác hơn đôi mắt tròng trừng, nhìn, xa lạ, dữ tợn, của người đàn ông, cô rùng mình, nghe gai ốc nổi lên từ khắp nơi trên thân thể, cô quàng tay về phía sau, chắc muốn tìm lấy cho mình một chiếc áo, hay quần đã trút bỏ, nhưng tay cô không chạm phải một vật gì khả dĩ cho cô nghĩ rằng đó là vải, mà cô chỉ thấy cái lạnh trơn của sàn gỗ đánh bóng; có lẽ người đàn ông đoán ra ý định của cô, nên anh ta đã nhào người, vươn lên, nắm lấy bàn tay đang quờ quạng của cô gái, ở sau lưng, anh ta nói: « cô định làm gì? » « em lạnh » — « xích gần đây », người đàn ông vừa nói vừa kéo mạnh cô ta hẳn về phía mình, người con gái đã thực sự được che kín hoàn toàn phía trước bởi người đàn ông, người ta chỉ còn thấy phía sau cổ, với tấm lưng cong và những đường uốn lượn của phần dưới thân thể, đôi chân cô xếp chồng lên nhau, như một đặt dễ tự nhiên của hai ống cống xi măng quét vôi trắng, hình thước thợ, cô cảm tưởng như nghe được mùi nắng khét, mùi chầy râm và mùi thịt da lâu ngày thiếu nước; hơi thở người đàn ông điều hòa, anh vẫn nhìn chằm chằm, cái nhìn xé rách, cái nhìn khảo tra, soi mói, nhưng có lẽ chính anh thấy rằng cái nhìn của anh trơn tuột không bám víu vào một dấu mốc nào được, người con gái nhìn lại, mặt cô thoáng vẻ khó chịu, bực tức, cô nói « anh thất vọng? », người

đàn ông lắc đầu « nếu có, là sự đau đớn của cô, tôi không thích sự đau đớn đó ! » « Đó là một điều khó nói, anh ta không, nếu em nói, lần đầu », những nét nhăn trên gương mặt người đàn ông chợt rúm lại cùng lúc, anh ta không còn che dấu sự kinh hoàng hiện lên tột độ cùng với cái nhúm mày khó hiểu, tất cả những biến chuyển đột ngột này đều trong mắt thấy của người con gái, phản ứng ngược lại ở cô ta cũng là sự run rẩy, sợ sệt, chừng như cô cảm thấy niềm âu lo, với bị mặt riêng của mình đã đến lúc, có thể bị phát hiện, nhưng có thể cô trầm tĩnh hơn người đàn ông, cô đã đẩy che được niềm xao xuyến của mình bằng một nụ cười băng quơ, một nụ cười không ăn nhập vào đầu nụ cười thân nhiên, lạnh lùng, như chiếc bóng của lũ bàn ghế và những ly tách ở chỗ họ vừa rời đi ; bất giác người đàn ông cũng cười, anh cười lớn, tiếng cười vỡ ra, làm rung rinh khối bóng tối trên sàn lầu, khiến người con gái mất chợt như bị lay động, vụt chạy ra khỏi cơn mê hoặc của mình, cô nhấn một ngón tay trên nút đèn, ánh sáng lóe lên, vẫn chỉ soi đủ, nguyên một trang truyện ; người đàn ông vẫn cười sặc sụa, tiếng cười bần bật, tiếng cười rung chuyển toàn thân anh, tiếng cười vang đi, xoáy vút như những quả đạn có cánh ở sau đuôi, chạm va vào bất cứ một vật cứng nào, cũng phát nổ và dội vỡ từng tiếng rền vang, tiếp tiếp, bỗng người đàn ông bật cười, có lẽ ánh đèn là những ngọn dao cắt đứt tiếng cười của anh ; anh đổi giọng, ngóc đầu, hướng về phía quấy, quát lớn « tắt đèn đi, khỉ » — ngọn đèn phụt tắt ngay sau đấy, khuôn mặt người con gái chợt mất lại chìm lùi, sâu vào bóng tối, thứ bóng tối trở về sau phút ánh sáng lóe lên, là thứ bóng tối đã thêm phần quánh đặc, người con gái như cảm thấy yên tâm và bằng lòng hơn sự ngừng tắt cùng lúc tiếng cười và ngọn đèn, cô đưa tay vuốt vuốt mặt người đàn ông, bàn tay lần xuống ngực, cô nghe được nhịp tim đập không điều hòa của anh ta, cô ngấp ngừng như muốn nói hay đang cố gắng để nhớ lại một điều gì, một kỷ niệm, một lời nói, và cân nhắc, xem nên nói cái gì, người đàn ông cũng dần dần trở lại vẻ lăm lăm, xa lạ cũ ; anh ta nói « Đã bao giờ cô nghĩ đến việc giết một người nào đó, nhất là một người thân, hay sự chết,

của mình, đến từ tay một người thân khác », trong bóng tối, anh ta không nhận ra nét tái xanh, nhợt nhạt của người con gái, và ngược lại, người con gái cũng không kịp nhận ra cái giọng nói vốn lạnh lùng, có pha lẫn chút ít xúc động, cô ta bưng mặt, lắc đầu « anh đừng nói những tiếng ấy với em, em sống trong chờ đợi, có nghĩa là tất cả, tất cả, bất cứ, một cái gì, đến với em », người đàn ông gỡ bàn tay cô gái ra khỏi mặt cô ta, và hôn lên đó, với những tiếng nói đều đều, trầm trầm tôi nhớ, khuôn mặt này, tôi thêm khát, đôi môi này, tôi mơ ước, hơi thở này, tôi ghen tỵ, tôi thù ghét tôi, trong tuổi niên thiếu mình, và tự đó, tôi thù ghét cô, tôi thù ghét, những người ở quanh cô, đến bên cô » — người con gái, lần đầu tiên tỏ vẻ miễn nguyện với những lời chứa chan, tâm sự của người đàn ông, cô bảo « em cũng oán thù những người quanh em, những người thân thiết nhất, em muốn giết, giết tất cả những kẻ thù bí đó, bởi vì không một ai, đã đến với em, bởi vì không một ai... nên em tìm đến anh, em tìm đến với anh, bằng mọi cách, kể cả, sự dối ngụy, những người ruột thịt, những rào cản, những lá chắn, trên bước đường em đi tới ấy », « tôi không hiểu cô nói gì hết » người đàn ông nói, nhưng rồi cũng chính anh, tự tìm lấy cho mình hay cho người con gái kia một lối thoát, anh tiếp « phải chăng thời gian đã làm lu mờ kỷ ức tôi, kỷ niệm, dĩ vãng đã được xóa đi bằng những đòn đau và dần vật chất ngắt, chúng ta hãy xóa đi đời mình, để gầy lại một ván cờ khác, một ván cờ không có quân sĩ, một ván cờ cũng không có cả tướng, chẳng có ai, chẳng có chi, ngoài những vạch khắc, và chúng ta lẫn mò, trong màn lưới chẳng chặt đó, bằng trí tưởng tượng khôi của mình, bằng một ý thức, bắt đầu, từ số không, vắng mặt kinh nghiệm, vắng mặt thói quen » — người con gái bộc lộ sự sung sướng hân hoan của mình bằng những xiết ghi mới mẻ, vụng về nhưng cũng không hẳn là đã thiếu nồng nàn và đam mê, người đàn ông tiếp nhận bằng sự sáng suốt, tinh táo cực kỳ của trí óc rộng không, thênh thang những vòm cây đầu lá và bóng tối, điều này, có lẽ anh ta đã tự cho mình thấy, hoàn toàn bất lực, hoàn toàn phản bội, lời rao ước, lời kêu gọi trở lại từ đầu, nguyên thủy; ngọn đèn trên mặt quày của người con gái chợt mất lại loé sáng

tự lúc nào, mà có thể, rất ngay tình, chính cô ta, không hay biết ; khi người đàn ông đẩy người con gái ra khỏi vòng tay mình, người con gái vẫn như còn chìm lặn trong cơn hôn mê của cảm giác và sự liệt tê hoàn toàn của thần kinh, trí giác, thì người đàn ông đã chồm lên, chiếc thân trần trụi, lưng lửng lao vút đi như một con gấu đen và ngay sau đấy, tiếng hét thất thanh, rồi ú ớ nổi lên ở sau quầy ; người con gái trên sàn lầu gỗ vẫn nằm bất động trong thế của một kẻ yên nghỉ, thanh thoi và hoàn toàn tự do, mặt không gợn một nét nhăn dù rất nhỏ.

du tử lệ

(11-1970)

THANH TÂM TUYỀN

lồng treo

Người gác trực sâu quầy, nói : Ông đợi cháu mời ông Quản lý xuống, quay điện thoại, viên quản lý có lẽ còn ngủ, người gác chuyển ống máy qua lại hai bên tai, cắt đường dây, quay số 1 lần nữa. Mới khoảng gần 10 giờ, nắng đang bắt đầu thắm, trải ngoài sân trước và mặt tiền dãy nhà chệt lâu đời, bên kia con phố chật ngắn. Khắp mấy tầng Building lặng lẽ.

Tiếng chuông, máy ngắt gọn. Mời ông đợi, ông quản lý sẽ xuống... Dạ, năm phút. Trên lối thang chân rộng, đứa con gái nhỏ chừng 10 tuổi chậm chạp đi xuống. Con bé thường gập, lặng lẽ như chiếc bóng, tha thẩn trong hành lang, trên cầu thang ngoài thềm, chơi 1 mình. Đôi mắt mở to trên khuôn mặt bình tĩnh, gầy gò hơi xanh như vỏ trái cam khô úa. Con bé hỏi giọng nhỏ nhẹ tự nhiên như gặp kẻ quen thuộc thân tình : Ông mới về ? Xong đến đứng dựa bên tường gần khung cửa thông sang hàng ăn của chung cư, ngửa mặt nhìn cái kệ lớn gần thành những ô học ghi số buổi đóng trên vách trong quầy. Tia mắt im lững không chuyển dịch.

— Tôi mới về... Em tên gì ?

— Cháu tên Hương.

Tạo vậy con bé lại gần nhưng nó không nhúc nhích. Tạo bảo người gác : tôi sang ngồi đợi bên kia — dạ... ông quản lý chắc

sắp xuống, đẩy cánh cửa tự động vào hàng ăn, Gian phòng rộng không người. Người thiếu nữ ngồi kết chăm chú đọc truyện. Tạo đặt chiếc va ly bên chân, trông qua vách kính. Mấy chiếc xe hơi đậu không hàng lối trong sân. Trên đầu tường rào những lớp ngói cũ của dãy nhà trong phố nhỏ dưới nắng.

Lồng thang máy rè rè chuyển động lên xuống. Cửa sắt sô đóng rung rinh. Viên quản lý xuống quầy cất tiếng hỏi người gác tiếng vang cụt hẫng, bước sang. Tiếng dây để da chắc nịch. Tạo ngồi lơ, trông đứa bé lăn tròn bi ngoài thềm. Viên quản lý vừa đưa tay bắt, vừa kéo ghế đối diện. Hân đợi, muốn Tạo phải mở lời. Bà ria mép đen nhánh như chiếc « uơ » trên cổ áo động dẩy. Mắt mí nhỏ như hai kẻ rách, mí sụp u. Cuối cùng hân nói :

— Phòng vẫn khóa cửa đề đấy. Nhưng hồi ông đi, ông bảo ông giao trả. Chính ông bảo thế. Tôi có thông báo cho... trong kỳ biết. Tôi không nhận được lệnh gì cả. Bây giờ ông muốn lấy lại, cũng phải hỏi lại. Ông hiểu tôi chỉ làm...

— Tôi hiểu. Không sao, ông coi tôi như khách đến thuê đi cho tiện.

— Nhưng phòng ấy là phòng đặc biệt, dành riêng không cho mượn.

— Bất cứ phòng nào cũng được. Ông còn phòng trống chứ ? Còn, còn chứ.

Hân nhui mày liếc trộm, hai tay chống trên bàn trong thế sẵn sàng đứng dậy. Một ngón tay trở cong khum gồ khế. Rồi nó nụ cười cầu thân, đoán trước sẽ thấy. Hân chỉ còn lối ấy, định thử bài toán nhưng lại không đủ can đảm làm đến cùng. Tạo biết hân sẽ nói những gì sau đó và bất mệt. Hân không thể hiểu, không giám hiểu, thực tình Tạo muốn bất cứ buổi nào cho nhẹ mình.

— Hay ông định cho tôi 1 tí đi. Để tôi gọi điện thoại hỏi xem thế nào. Ông đừng phiền, tôi phải làm hết phần trách nhiệm của tôi. Tôi đi hỏi ngay bây giờ... Ông dùng gì ? Xin mời ông, xin phép ông tôi ra ngoài.

Ngoài thềm, con bé ngồi xồm, ngẩn ngơ nhìn bóng nắng. Bút chọt nó quay lại và Tạo mỉm cười. Con bé như không trông thấy. Viên quản lý nói chuyện khá lâu trong điện thoại. Qua cửa kính ngăn của hàng ăn, chỉ thấy dáng hân đứng nghiêng mặt tựa quầy, tay làm cử chỉ. Viên quản lý trở lại, vẻ trầm ngâm. Cứ phải chờ

ng những nghi thức, những dáng điệu trơ trên phố bày.

— Tôi không gặp được người có thâm quyền... Hay thôi thế này ị. Ông cứ giữ cái phòng cũ đi. Tôi cũng đã biết ông. Chiều ị hay mai tôi sẽ hỏi lại. Gọi là hình thức vậy. Chắc chẳng có thay đổi đâu. Nếu có sự gì thay đổi thì lúc ấy ông cũng hiểu cho tôi... Tôi ở đây chỉ là đại diện thừa hành...

Tạo xách va ly, theo chân viên quản lý. Hắn ra lệnh cho người gác trao chìa khóa không để trên ổ hộc, được cất kỹ trong ngăn kéo bàn giấy. Hắn bắt tay Tạo nói thêm: Ông thấy đấy, tôi có thể cứ cho ông mượn phòng khác rồi sau sẽ hay... nhưng tôi không muốn thế, chuyện nhỏ nhất trong nhà, mình người trong nhà cả phải không ông, cứ linh động... Tạo cười.

Buồng trên lầu hai, đầu dãy, biệt lập, rộng rãi tiện nghi hơn các phòng cho mượn: giường gỗ, không phải giường sắt, tủ trang, bàn viết lớn được hai chiếc ghế, một phòng tắm và vệ sinh riêng, dấu hiệu đặc biệt ưu đãi là máy điều hòa không khí và điện thoại trên bàn đêm. Căn buồng không của ai hết, hơi bám bụi, vẫn chỉ là một buồng trọ không vết tích riêng tư. Trong phòng tắm, Tạo bắt gặp đôi dép cao su đã bỏ lại. Chị giúp việc lạ mặt thay khăn trải giường, lau chùi đồ đạc quét sàn. Tạo nhìn qua cửa sổ xuống dãy sân và bậc cửa một xóm nhà trong đường hẻm. Các mảnh sân vuông, các bể chứa nước giống hệt nhau, dây phơi quần áo dăng khắp, bóng đèn bà ra vào. Người ta đang sửa soạn bữa cơm trưa.

Chị giúp việc đi khỏi để hé cửa buồng. Tạo nằm dài trên giường lưới biếng ngại bước xuống đất. Cơn buồn ngủ vậy ám, giấc ngủ muộn buổi mai sắp sửa phủ lấp. Thức dậy thường đã quá buổi trưa. Gian buồng như chiếc lồng treo lơ lửng đã chui vào. Tạo nằm im, ngó thấy màu sáng không dờ dỗi trong dãy hành lang hút bên ngoài, đêm cũng như ngày, vàng bệt trên ô gạch, những mảnh tường to những khuông cửa hèm đều đặn (cửa đóng hay mở không thể biết); điện bật lên soi rõ cảnh bưng bát lênh dềnh như trên con tàu biển đồ ngoài khơi lạng mịt mùng. Nằm im, nghe những tiếng động: thang máy đi chuyển, tiếng cười đùa theo các bước giầy lượn vòng theo bậc thang chân lên cao hay xuống thấp, tiếng vang ồn rồi rạc trong nhà tắm chung

tít cuối hành lang, nước sôi tỏa từ hoa sen nghe như đám mưa bóng mây. Nằm im, nghĩ đến bữa ăn trưa như cực hình không thể tránh, chậm chạp nhai nuốt những bã bời nhặt nhèo đều đặn trong một góc quán, uống rượu mật mồi sẽ nặng nề khó chịu, không uống sẽ nếm vị tẻ tanh hàng ngày chán nản. Tạo không buồn nhấc tay chân, muốn cắt lìa mọi xô đẩy, mỗi cử động sẽ phát khởi hàng sau chuỗi cử động liên tiếp không thể kìm giữ. Lúc này Tạo muốn dừng nghỉ, bỏ trắng.

Trưa bức bối ngột ngạt. Trời muốn mưa, đầu óc vằng vặc còn say ngủ, Tạo bước xuống đất ra đóng cửa buồng, mở máy điều hòa không khí. Trong giấc ngủ vì mê mệt tiếp theo, tiếng máy chạy như tiếng nước chảy róc rách xa gần bên tai. Dường như có người gõ gọi ngoài cửa buồng. Tạo lẩn trở nhưng không sao mở nổi mắt. Mỗi lúc hơi lạnh buốt giá hai bên cẳng, Tạo lại phải trở dậy tắt máy. Cơn mưa vẫn chưa đổ. Trời âm âm như gian buồng kín. Tạo chấp chờn thêm lúc lâu rồi tỉnh hẳn.

Đã chiều. Sự khuất lặng riêng lẻ bao bọc. Tạo nhớ lại đêm trước những đêm trước, nhớ miệt cùng không chịu dừng như người lẩn sâu tràng hạt không đánh dấu. Rốt cuộc như chưa hề rời bỏ nơi này. Tạo ngại tiếng chuông điện thoại bất chợt reo lạnh lạnh khuấy động những lúc này, chuông reo vang dội từng hồi bắt buộc phải nhấc ống nói, như những bữa cơm chán nản trong quán trưa phải ăn cho xong chuyện, như những quãng ngày trống trải hoa mắt không biết làm gì cho hết. (Nhưng tất cũng qua, lơ lửng bất giác như trong cơn mộng du). Chiếc máy điện thoại, đen trũi im lìm trên bàn đen, bên cạnh bao thuốc lá xanh và hộp diêm quẹt Tạo với lấy, tiện tay nhấc bỏ. Ống nói ra ngoài. Cử chỉ thật vô ích, buồn cười. Người ta sẽ hỏi dưới quầy, nhân viên trong Building sẽ lên tận nơi tìm kiếm. Còn Lucie thiếu gì cách: đột nhập nằm đó ngay trên giường hay đợi dưới hàng ăn có thể đến nửa đêm hoặc đuổi theo qua những chốn công cộng thường bị thói quen dẫn tới.

Mỗi lần nhấc ống máy, Tạo nói: tôi nghe. Thường đầu bên kia là một quãng im ngắn trước khi nổi—tiếng cười trong của Lucie kèm theo khẩu hiệu *Mon poète...*—trong điện thoại giọng cười của người đàn bà dễ chịu, có lẽ vì có mặt người khác ở

bên. Nếu không có tiếng cười như thổi phù trong tai, sẽ là 1 giọng chậm chạp thôi : ông Tào phải không ? giọng nặng chịch rồi rạc lúc nào cũng như ngái ngủ, nhạt lạnh như phát từ chiếc đĩa quay sai vòng. Tào nghĩ sẽ phải yêu cầu bỏ máy điện thoại. Tào chẳng bao giờ cần dùng đến nó, bây giờ chỉ vì mình cần định 1 thời khóa biểu liên lạc : chọn 1 buổi trong tuần, đúng ngày đúng hẹn để gặp như 1 công việc, như ngày trước ông ta còn ở bên kia đường trong gian nhà sau, làm tờ báo 1 mình với vài tay chân thân tín trông nom việc phát hành, ông mời đến sau khi đăng bài thơ, hẹn mỗi tuần đến chơi trò chuyện, bài thơ ấy không hiểu tại sao viết, viết lúc nào, tại sao gửi đến cho ông ta quen hẳn.

Đạo ấy Tào vừa về thành, tóc cắt ngắn, chân đi dép cao su, mặc quần ngắn, khoác áo dạ màu cát ngựa giữa mùa đông Hà-nội. Tào đứng trên diềm cầu đặt trước thềm nhà hát lữa, hừng hờ say sưa nói với đám đông được tụ họp bên dưới để nghe « 1 thanh niên kháng chiến trở về ». Gió rét căm, bật hơi, gào to dậm chân, dậm tay, căng chân tím ngắt, tay nhả nhúm như vỏ trám. Đông tai lắng nghe lúc ngắt nghĩ khu phố bên lao đao trong cơn lạnh, tiếng xuýt xoa rào rào trong đám đông. Dứt tiếng trơ trẽn vang dội thành tràng vỗ tay tề ngất. Và bỏ vào Sài-gòn, mùa may quay cuồng trong hư tưởng mù quáng. Mỗi ngày mỗi thấy bị rớt đùa và cũng rớt đùa trong 1 tấn tưởng liên hồi không phút nghỉ. Còn bài thơ ? Ông ta đã bảo ? Lần thứ nhất tôi đăng 1 bài thơ ở... ở... bài thơ để làm gì ? Marx lúc trẻ cũng làm thơ, ông biết chứ ? Tào đáp : Ông không hiểu bài thơ của tôi đâu — Cũng có thể... Cũng có thể... Tôi không thích thơ.

Hút hết mấy điếu thuốc còn sót. Tào vào buồng tắm. Ngoài cửa sổ gió đang lộng. Các cánh cửa sổ dưới thấp va động. Trong các sân nhà, người ta vội chạy cơn mưa sắp đổ. Nước xối sạch những vết ố ề lem luốc. Đêm trước, Tào đã gõ cửa vợ chồng Hoán. Gian nhà sàn lợp sêu, nhô trên mặt sông, rung rinh theo bước đi bên hàng xóm hay trên ván cầu bắc vào xóm nhà chen chúc lổ xổ. Hoán nói : Tôi tưởng không gặp anh ; nghe người ta nói anh đi xa — tôi đi đâu ? Hoán cười : anh ở đâu về đây ? — Tôi đi loanh quanh thôi có ; tôi đi làm cho đồn điền chán quá lại bỏ về. Đi loanh

quanh và vẫn yên 1 chỗ, loanh quanh ở trong đầu nên vẫn yên 1 chỗ. Trên hàng ba ngoài mé sông, quanh ấm trà đặc chất Hoán nhắc nhở những kỷ niệm của thời sôi nổi sống chung ở Liên khu 5. Đêm khuya mỗi lúc thêm mù mịt lạnh lẽo tấm chăn ánh trắng và hồi tưởng. Hàng ba được rọi sáng, nước vỗ đều dưới chân cừ. Gương mặt của Hoán trắng bệch như người ốm. Bãi bờ hoang bên sông nổi dềnh trên mặt nước đầy. Một lúc Hoán nói : Người sung sướng không có tiểu sử, có phải không ? — Nhưng anh không phải là kẻ sung sướng chứ gì ? Tôi hiểu — Anh thật đã hết... — Lúc này, lúc này... những quặng chết mở hoặc như cái miệng ngủ mê chảy rãi rớt. Hoán như vừa thoát tỉnh khỏi sự ngăn chặn vướng vấp ; không phải bỗng chốc cứ lúc nào mình cũng có thể bắt đầu lại từ đầu, từ bỏ hết quá khứ... Như 1 tình yêu lắm lần, nhưng mình trót yêu rồi, trót gần bó rồi, trót đặt hết ý nghĩa của đời vào mình đó, từ bỏ hết, hết sạch, mình còn chút gì là của mình nữa đâu, thành thử cứ phải dẫn tới mãi cho trọn... chuyện gì cũng có kẻ sau người trước, chuyện làm lại là chuyện của người sau không phải của mình, đã yêu thật tình không thể làm khác... thà làm kẻ si tình ngu ngốc hơn là kẻ phản bội. Tạo hiểu Hoán nhấm nói gì, da mặt Tạo căng bạnh như sắp nứt rách nhưng Tạo cười, như vẫn thường cười với ông ta, thường cười với Lucie, cười lấp lửng nửa phi bác, nửa chấp thuận, khi không thể nói với người khác như nói với chính mình. Ông ta lúc trước cũng có nụ cười ấy, khi ông còn trú bên kia đường, ngồi khuất ở cái bàn viết rộng chất đống sách vở báo chí, ban ngày phải bật đèn làm việc. Sáng tinh mơ trong quán cà phê đầu ngõ, Hoán hom hem khổ cần, vẫn còn nói nửa đùa nửa thật : anh nên thử đổi chỗ ở xem sao, coi bộ anh nhiễm không khí trường giả, vợ chồng tôi sẵn sàng mời anh — Tôi đang đổi cái đầu của tôi, trăm tội là ở nó, nó lung bung đáng ghét.

Ngoài trời mưa lất phất nặng hạt, nhưng cơn đang tan. Ráng chiều xăm trên phố xa. Dưới quặng đường hiện lộ bé ngắn xe cộ ùn ùn không tiếng vọng. Tạo thay quần áo chậm rãi, chưa muốn chui ra khỏi bầu không khí biệt tịch. Buổi chiều trong Building lập lờ như mọi lúc trong ngày. Nhiều buồng các

tầng trên còn bỏ trống. Điện ngoài hành lang bật sớm. Trên những bậc thang chầu rộng, gạch mài nhẵn mới, tiếng giầy dội vọng trở lên cao như có 1 người khác đang cũng đi xuống. Dưới quầy người gác trực mặt trắng trẻo, quần dài áo sơ mi trắng rộng, lưng phồng, vẻ tươi iết buồn cười, sửa soạn ra về. Ông dắt chiếc xe máy qua sân, đến cổng mới lên yên. Trong hàng ăn, các bàn trải khăn bầy biện đón khách. Viên quản lý ngồi quay mặt nhìn ra, ngó lơ như không thấy. Tào mồm cười nếu 1 ngày nào có sự thay đổi, hẳn sẽ nhảy từng ba bậc thang 1 lên phòng, nắm cổ mình ném qua cửa sổ lập tức, chắc chắn như thế...

thanh tâm tuyến

MÙƠNG MÁN

xuân trắng

đêm chợt rụng như tàn thuốc lá
như bàn tay tình ấm vừa buông
âm vang mưa nghe chừng cũng lạ
thôi em về cho kịp mùa xuân

cây cối đẹp lộc non vừa nhú
hương thời gian óng mượt trắng thêm
mắt tháng chạp níu chân trời lựa
đã nghe lòng thương nhớ tháng giêng

ôi bóng mát một thời im ngủ
bay về đâu mấy sắc cầu vồng
chặng đời em sẽ qua mấy trạm
lệ nào thơm trí nhớ mùa đông

xiêm y cuốn tuổi xanh giòng bướm
nhã nhạc lừng hương sắc đêm sâu
bỏ sông nước quên sâu khói bạc
mai em về lạnh mấy hàng cau

có ai biết tắc lòng tơ cổ
 mọc âm thầm khe suối tình hoang
 có ai biết mặt trời thuở đó
 là nốt ruồi của nụ cười duyên

shánh huệ trắng dâng mừng tình mới
 mừng tuổi em mừng tuổi tuyết băng
 sương đông giá phủ đầu đêm hạt
 sao đêm thu vẫn rặng tim rằm

ruân công trước đã vàng rộ cúc
 ruân công sau vừa ngát tiếng chim
 mai em về từ mai em về
 muộn thế nào cũng kịp nhớ nhung

ôi hạnh phúc xum xuê tóc biếc
 là thoáng hồng ửng thẹn đầu tiên
 lúc em đứng dưới ngàn xanh hát
 biết chẳng xuân trải mộng qua miền

hồn bực gió nên mềm đáng bước
 từ mù khơi ngơ ngác trông tìm
 lành đèn nắng ghen đời sóng vọng
 soi đời chung từng sợi buồn riêng

mai em về tơ hồng niu áo
 lá lẳng lơ nổi gió trao tình
 mây bên trời chắc rằng sẽ trắng
 trắng hồn ta và trắng bóng mình.

ÔM TRONG TAY RỜI

một đóa hoa trụy thái
bay hương ngoài bờ dậu
lúc em đọc kinh chiều
và đưa tay làm dấu

BUỒN THẨM

trăng ngự trên vai sương
sương mím cười nũng nịu
trăng rớt xuống lòng sương
sương âm thầm nhỏ lệ

ÁO MÂY VÀNG

áo mượn màu mây vàng
ôi mùa thu mùa thu
áo và mây tràn ngập
suốt những chiều lang thang
áo điệp màu khăn tang
ôi mùa thu mùa thu
lòng phai rồi phấn son

NHÃ NHẠC

cho em cho em tình đầy
cho em cho em bàn tay
tình đầy mà chỉ ?
bàn tay mà chỉ ?
cho em cho em một miếng gừng cay

MÃN KHAI

sông buồn đổ nước về xuôi
hỏi thăm cây quế dưới đời lớn chưa
thương nhau biết mấy cho vừa
đợi nhau đời đã xế trưa mất rồi.

mường mán

(tặng giáp ; ngừ)

TỪ KẾ TƯỜNG

loài chim trừ tịch

TIẾNG kèn xe chọt réo inh ỏi, đánh thức Thủ dậy. Hai mắt anh cay sè như những đêm thức khuya đánh bài với các bạn mà không tiếp tục giấc ngủ muộn khoảng nửa đêm về sáng. Thủ ngồi nhồm dậy dụi mắt nhìn ra bên đường. Xe đã vào thành phố, tỉnh lỵ với con đường quen thuộc cũ dẫn ra bến Bắc, Thủ nom đã mòn những gốc cây. Mỗi một lần về chỉ thấy khác đi ở những tấm bảng quảng cáo vẽ màu lòe loẹt. Thủ còn nhớ như in một căn nhà ngói nằm khuất trong vườn cây um tùm có cái cổng vào trồng toàn hoa giấy đỏ. Khi Thủ thức giấc thì xe đã chạy qua khỏi chỗ ấy. Thủ nhìn quay lại, bất gặp một con đường ngang. Con đường không lớn lắm để được gọi thành đại lộ, nhưng so với nơi Thủ ở thì nó là con đường ít ra cũng phải gấp hai lần cái ngã ba dẫn tới nhà trọ, thuộc một khu phố lớn, yên tĩnh. Một vài người ngồi cùng băng cũng làm điệu bộ như Thủ, họ có vẻ nôn nóng hơn với những vệt nắng chiều chọt vắt ngang qua thành cửa sổ xe. Thủ đưa tay vẹo tấm bạt lên cao. Cô gái ngồi bên cạnh phải khum đầu xuống tránh ánh tay của Thủ. Anh mỉm cười nói :

— Xin lỗi.

Cô gái hình như không quan tâm đến, chỉ khẽ nhếch môi rồi quay ra nhìn xuống đường. Thủ ngóng ra phía trước. Qua vai

người tài xế, một dãy xe còn nằm chờ qua sông, ánh nắng hắt lên những cửa kính chói lóa tạt sang những trụ điện đen. Vài con điều giấy của lũ trẻ thả nghêu ngao trên nền trời có những đám mây trắng đục, thấp xuống và như thề kéo theo những cơn gió lạnh.

Cô gái bỗng chép miệng :

— Như thế này sợ đến tối mới qua sông được.

Thủ bắt chuyện :

— Có thể được sang một chuyến Bắc bất ngờ nào đó chẳng, cuối năm xe nhiều người đông, ai cũng nôn nóng về nhà, chắc họ cũng biết.

Cô gái thở ra, giọng đầy vẻ chán nản :

— Họ đâu có như mình, làm hết giờ chứ không làm hết việc. Cô gái xem đồng hồ, cúi xuống lục soạn những đồ vật gói giấy xanh đỏ trong chiếc giỏ xách lớn. Thủ nghe ớn ớn trong xương sống, hơi thở phà ra nóng hôi hắc da mặt. Giấc ngủ không đầu không đuôi trên đoạn đường đầy cát bụi và nắng gió lạ kỳ hình như làm Thủ nhuộm một cơn đau. Đêm trước Thủ còn thức khuya đánh bài với bọn Định, Quân, Ngón Sáng. Năm đứa ngồi quanh một đồng tiền, trên tay mỗi đứa những cây ách, già, bồi dằm, sập. Thủ đã mua lỡ một con suốt ở cây bài thứ năm, thua gọn hơn ngàn bạc nên đứng lên trước. Định về nhà ngủ bù đến ngày hôm sau nhưng cũng không chợp mắt được. Gần sáng thấy người ớn lạnh vội tìm mấy viên thuốc cầm uống ngừa. Rồi trở vào nằm nghe gió đánh những tàu lá chuối khô bên hiên nhà, tiếc không ở lại chơi nổi canh bài bọn Định. Thủ móc trong túi ra hai viên thuốc cầm còn dành lại lúc lên xe ra nuốt, nghĩ thầm trong bụng Tết đến nơi mà đau thì không còn gì xui hơn.

Người tài xế mở cửa xe bước xuống đường nói lớn :

— Kẹt Bắc lâu lắm, bà con cứ tự tiện xuống ăn uống nghỉ ngơi, khi nào xe sắp chạy nhớ trở về.

Người đàn bà ngồi bằng sau cùng bỗng hoảng hốt nói :

— Như vậy trễ giờ giấc của người ta hết rồi, có cách nào qua sông sớm không ông ?

— Có chứ. Chị đi đồ mà qua. Nhưng giờ này sóng to gió lớn sợ tụi đồ nó không dám chạy.

— Tụi có hẹn người ra đón. Trễ phải đi bộ cả cây số đường hư đầy chông mìn ngăn quá.

Người tài xế cười :

— Tết người ta ngưng bán bà chị ơi. Đường ngon lành lắm. Không thì tụi này chắc nằm nhà chờ chết rồi.

Người đàn bà có vẻ không tin tưởng, cứ đứng lên ngồi xuống, hết ngóng phía trước tới kêu hỏi anh tài xế. Cô gái ngồi bên cạnh Thủ mở cửa xe bước xuống, bỏ cái xách lại dưới chân. Thủ nhìn lơ mơ những gói đồ bọc giấy xanh đỏ, chợt nhận ra trong cái xách của anh thiếu những thứ đó. Thủ ngồi một lúc buồn miệng chầm một điệu thuốc, và bước xuống đường vào trong cái quán giải khát nằm ép bên mấy gốc cây to.

Quán chỉ lưa thưa vài người đàn ông. Họ ngồi rải rác và có người uống bia, mặt đỏ gay. Tất cả hành khách đi xe đều dồn vào quán ăn bên kia đường. Thủ kêu một ly nước sinh tố, ngồi hút từng ngụm trong chiếc ống hút nhỏ. Gió cuối năm lướt trên các đỉnh cây bên ngoài cửa quán, cuốn lá khô bụi cát bay tốc lên, chơn vờn trên mũi xe. Vài người tay che mặt băng qua đường. Giọng người xướng ngôn viên trong chiếc máy thu thanh nhỏ treo lủng lẳng bên cạnh cái máy xay nước sinh tố loan báo một chương trình đặc biệt dành cho đêm Giao Thừa. Thủ mơ hồ nghĩ đến một cánh chim nào đó bay qua trong trời tối, hồi hữ cho kịp một ngày cuối cùng còn lại của năm. Bây giờ sắp sửa qua Bắc sang bên kia sông về căn nhà không còn một người nào thân thích. Thủ mới hối hận tại sao anh không chịu ở lại nhà trọ. Ít nhất nơi đó cũng còn lại bà chủ nhà hiền thực như một người Mẹ đã mất của Thủ, có hai cô con gái ngoan như hai đứa em, và một cái Tết xa lạ vẫn theo thời gian hết mà tới, bàng hoàng như những đêm mưa xáo động những tàu lá chuối ngoài vườn. Thủ có thể quay trở lại, cũng có thể ở ngay tỉnh qua mấy ngày Tết nhạt nhẽo, rồi trở về với công việc như một người thợ quay lại với cái máy của ông ta. Tại sao Thủ lại phải qua Bắc, về căn nhà chỉ còn có ông Hoạch ? và những bàn thờ nghi ngút khói nhang trong mấy ngày Tết ? Phải chăng Thủ không thể ăn

Tết ở nơi xa lạ mà thiếu những thứ đó. Ông Hoạch dù sao cũng là hiện thân của quá khứ tình cảm gia đình Thủ, những ngôi thờ yên lặng trong căn nhà lớn đó dù sao cũng nhắc cho Thủ nhớ tới những người thân thuộc đã khuất. Và ngày Tết, cánh chim xa xứ nào mà chả quay về. Thủ phải có một chỗ ngồi bên cạnh ông Hoạch, trong bữa cơm đầu năm.

Người tài xế đứng bên chiếc xe vỗ tay bốp bốp kêu lớn :

— Mời bà con lên xe, qua Bắc được rồi.

Mọi người đang ăn uống trong các quán dọc theo đó đều ùn ùn chạy ra leo lên xe. Người đàn bà lúc nãy cười nói luôn miệng, Bà gặp Thủ đứng phía sau chờ bước lên vui vẻ nói :

— Tưởng đến tối mới qua được ai ngờ... thật phước đức. Một người ngồi yên chỗ bên trên nói :

— Có hai chuyến Bắc kệt lúc này bây giờ qua một lúc. Xe mình lại là xe thơ, nên được ưu tiên. Phước đức cái nỗi gì. Thủ bước lên vào chỗ ngồi đã thấy cô gái ngồi sẵn từ lúc nào. Dưới chân cô gái bây giờ lại có thêm những trái bưởi, thơm, trong giỏ xách có thêm những gói đồ lớn, và mấy ổ bánh mì. Xe thật chật chội. Thủ không thể duỗi chân thẳng ra được. Mọi người cười nói ồn ào cùng với tiếng la hét kêu réo ở phía dưới mãi cho đến khi chiếc xe xích chạy tới trước. Xe Thủ đi vượt qua hàng dãy xe còn nằm lại để lên trên đầu, sau những chiếc xe nhà binh to lớn đầy lính. Mọi người hi hục leo xuống, đứng chờ. Thủ hút tiếp một điếu thuốc.

Lúc lên Bắc bất ngờ Thủ gặp Thuận, một người bạn hồi còn ở trung học, Thuận bây giờ cũng đổi đi dạy ở một trường cách ly rất xa, đường đi không có an ninh. Hai người kéo nhau ra ngoài lan can nói chuyện. Thuận cho hay vài người bạn cùng lớp ngày xưa đã chết trận. Thủ moi óc nhớ lại gương mặt của từng người theo lời Thuận kể, anh chỉ lơ mơ nhớ được một mình Ngụy. Còn mấy người kia không tài nào Thủ nhớ nổi. Bắc đi ra giữa sông. Chiều nay sóng thật dữ dội, đánh ầm ầm vào thân Bắc tung bọt trắng xóa. Thủ phải nhảy tránh những vụn sước bắn từ dưới lên. Sóng mênh mông, và sóng kéo đến tít mù theo chân trời nghiêng hẳn xuống, sắp tắt hết nắng. Tiếng người

nói chuyện, tiếng máy nổ, tiếng sóng và tiếng gió trộn lẫn vào nhau, thành một âm thanh ù ù, nghe mệt mỏi lạ lùng. Thủ che tay ngáp than mấy hôm thức khuya đánh bài với bạn. Thuận nói :

— Tụi này chả được đánh bài đâu, đêm nào cũng sẵn sàng để chui vào hầm ngay tiếng đạn đầu tiên. Thế mà vẫn chui không kịp. Cách nay một tuần có thằng chết vì trúng mảnh đạn pháo kích. Cái thằng số con rệp. Tết đến đấy.

Thủ cười. Cả hai bấy giờ trông ra mặt sông. Sông quá lớn nên phía bên kia bờ mây xuống thấp với nền trời nom như sương mù. Các ngọn cây trên cái cồn giữa sông đem thắm. Bắc phải chạy vòng qua cái cồn đó. Thủ chợt nghe tiếng gà vịt kêu oang oác, đám đông ngồi dưới chân Thủ nhón nháo vì có con vịt bắt ngờ bay xuống sông. Người đàn bà tiếc của nhào ra lan can đứng chửi chó mắng mèo một hồi làm mấy người khác cười ầm. Thủ nghĩ đến một lát nữa đây anh trở về căn nhà chỉ còn mình ông Hoạch, mấy ngày Tết sẽ qua. Thủ không biết rồi còn sự mệt mỏi nào hơn. Có lẽ ngay bây giờ Thủ thêm một giấc ngủ, định lên xe sẽ ngủ tiếp. Thuận im lặng nhìn xuống mặt nước. Một lúc Thuận vỗ vai Thủ nói :

— Nếu chán có thể theo mình về ăn Tết. Chắc chả biết làm gì đánh bài chết thôi.

Thủ cười :

— Dù sao cũng phải có mặt trong căn nhà đó. Chờ sang ngày xem sao.

Qua bên kia sông Thuận biến mất lúc nào trong đám đông. Thủ lóng ngóng tìm một lúc không gặp đành theo hành khách khác tìm xem cửa mình. Những căn nhà đã sơn lại, những cánh cửa xanh rờn màu sơn mới. Quả trái bày đầy theo hai bên lề đường mang một hương vị Tết rõ ràng nhất so với bên kia sông.

Ông Hoạch lom khom bên bụi hoa không hay Thủ bước tới. Thủ đổi cái xách sang tay kia, vỗ vai ông nói :

— Sửa soạn ăn Tết ghê thế ông Hoạch.

Ông Hoạch chợt nghe kêu, ngừng tay ngó lên, bắt gặp Thủ ông mừng rỡ đánh rơi chiếc kéo tĩa xuống đất. Ông la lớn :

— Trời ơi cậu Thủ. Năm nay cậu về đây ăn Tết à ?

— Thế không về đây thì tôi biết về đâu ?

— Cậu thì thiếu gì nơi. Mọi năm cậu đâu có về.

— Nhưng năm nay tôi về. Ông có dành sẵn quà bánh cho tôi ăn mấy ngày Tết không?

Ông Hoạch cười :

— Tưởng cậu không về như mọi năm nên tôi chả có làm gì cả. Nhưng bây giờ cậu về thì lo mấy hồi. Hà năm nay ăn Tết lớn một lần mới được.

Thủ buông cái xách ngồi xuống bãi cỏ nhìn bằng quơ hết một vòng căn nhà rộng lớn. Buổi chiều rải nắng vàng trên màu tường xám ngoét. Mái ngói nâu thẫm, cũ kỹ, có những chỗ bị vỡ vì trúng đạn. Bầy chim Sẻ chọt bay lên kêu tíu tít sà vào các đỉnh cây. Căn nhà của một quá khứ đó. Thủ nhìn những cánh hoa mới nở. Ông Hoạch khoe :

— Chăm sóc kỹ lắm mới trở được mấy bông. Năm nay không có cậu về tôi định ăn Tết với mấy chậu bông này với mấy cây Mai ngoài lối đi kia.

Theo tay ông Hoạch chỉ Thủ thấy những cây Mai đã được tước hết lá. Trên các cành chỉ còn nụ. Ông Hoạch vẫn có cái hay là tước lá cho Mai nở đúng ngày mồng một. Thủ ngắt những bông cỏ ném vào bụi hoa. Ông Hoạch nói :

— Vào nhà tắm thay quần áo rồi bàn chuyện ăn Tết. Cậu về thật bất ngờ.

Ông Hoạch cúi nhặt cây kéo. Thủ xách cái xách đứng lên bước theo ông.

Lối đi trải sỏi trắng. Ngày nhỏ Thủ đã té mấy lần trên lối đi này trong trời mưa. Ông Hoạch vừa đi vừa kể chuyện. Thủ nghe một cách lơ ngơ. Anh không biết mình phải làm gì, có những xúc động nào rõ ràng khi bước chân về căn nhà đã bỏ đi bao nhiêu năm. Ông Hoạch bỗng nắm tay Thủ nói :

— Quên kể cậu nghe chuyện này. Cậu nhớ chị Nghiễm không?

Thủ nhàu mày :

— Chị Nghiễm nào?

— Chị Nghiễm con bác cả ấy mà. Ngày xưa chị ấy điên bỏ nhà đi mất, cậu nhớ chưa?

Thủ à một tiếng :

— Nhớ rồi. Chị ấy làm sao?

— Đi bằng một thời gian không ai biết đi đâu bây giờ đột nhiên trở về. Không ai nhìn mới đến ở đây. Tôi thì chỉ có bốn phận gìn giữ căn nhà này cho cậu, thấy chị ấy bỏ vợ tội nghiệp thôi thì cũng cho chị ấy ở đây. Bây giờ chị ấy hình như đã hết duyên, nhưng lại có chữa hoang. Thế mới khổ.

Thủ không ngờ chị Nghiễm lại trở về ở trong căn nhà này. Ngày trước chị bỏ nhà đi cả gia đình bên nhà bác Tịnh đều không nhìn nhận. Lúc đó Thủ còn ở trung học, chỉ nghe người bên bác Tịnh nói chị điên chứ không rõ lắm. Chỉ biết ngày nhỏ chị rất thông minh, lớn lên đẹp. Thủ chỉ về nhà vào mỗi dịp hè, gặp chị nói năm ba câu chuyện rồi đi chơi.

— Cậu Thủ.

— Gì thế.

— Người ta nói ông Quận dụ dỗ chị Nghiễm đến có chữa rồi bỏ.

— Tôi có biết ông Quận nào đâu ?

— Ông Quận ngày trước ở quận mình, bây giờ chết rồi, bị phục kích bắn chết.

Vào nhà Thủ gặp chị Nghiễm ngay trên thềm cửa. Cái bụng chị đã to, như sắp sanh. Chị ấp úng :

— Cậu Thủ... phải không ?

Thủ cười :

— Chị vẫn nhớ.

Chị gật đầu :

— Nhớ chứ. Năm nay cậu về đây ăn Tết. Vui quá.

— Thì chị cũng trở về đây ăn Tết. Không ngờ gặp lại chị. Từ trước nghe nói chị bỏ nhà đi đâu đó.

Thủ định hỏi có vui không. nhưng chợt nghĩ lại câu nói ấy như đề hỏi một người điên, chị Nghiễm được ông Hoạch bảo không còn điên nữa. Thủ cười nhìn chị, chị trả lời.

Chị Nghiễm lắc đầu :

— Tôi không nhớ gì hết. Tôi chỉ nhớ tôi trở về đây, căn nhà của chú Tánh.

Thủ nhìn cái bụng chữa của chị Nghiễm tự nhiên thấy người chị như xiu đỏ, chông chênh trên nền đất. Cỏ chị có những đường gân xanh.

Ông Hoạch nói đứng sau lưng Thủ đành lấy cái xách nói :

— Cậu để tôi soạn đồ cho, đi tắm thay đồ rồi ăn cơm.

Thủ nói với chị Nghiễm :

— Chị chờ tôi một chốc, tôi đi tắm, xe đông người một quá. Lúc Thủ trở lên ông Hoạch đã dọn sẵn một bình trà và hai người ngồi chờ Thủ ngoài chiếc bàn dài kê ngoài thềm, dưới một cây Lựu lớn đã có những trái vàng. Mùi trà thơm hương hoa Lài, trong chiếc đĩa nhỏ có mấy cái bánh đậu xanh. Thủ ngồi xuống chiếc ghế còn lại, đối diện với chị Nghiễm. Buổi chiều đã tắt hết nắng. Khoảng sân lát gạch Tàu đỏ nom mướt thướt vì bám bụi cát dẫn lên ngôi nhà lầu đồ nát. Hồ nước màu đen nổi hắt lên trong nền trời. Bầy chim từ vườn cây sau nhà bay lên đập trên những gốc tường đứng kêu. Thủ trở về nhẹ nhàng như một chiếc lá cuối năm rụng rơi đầu đó trên đất ướt. Qua khoảng trống của bức tường lớn Thủ thấy những cây cột cháy xém thành than, những cây hoa đại nở bông màu tím sậm. Ngày nhỏ Thủ vẫn thường đứng trong khoảng sân đó gọi chị Nghiễm khi chị mang quà từ bên gia đình bác Tịnh sang cho, Tiếng gọi của Thủ vang lên đập bức tường dội lại, ngân nga, cô quá. Chị Nghiễm cười bằng đôi mắt mờ lớn. Thời gian không ai nhớ, thoáng một cái đã vụt mất. Bây giờ Thủ lại ngồi trước mặt chị Nghiễm, tiếng kêu ngày xưa không thể lặp lại, nghe thấy nữa.

— Cậu Thủ còn nhớ gì không ?

— Nhớ gì. Quá khứ của một gia đình đồ nát như ngôi nhà lầu đó phải không ?

Chị Nghiễm cười :

— Ông Hoạch nhớ gì không ?

— Tôi nhớ nhiều lắm. Thiếu gì chuyện.

— Thế đêm mai đón giao thừa ông kể cho chúng tôi nghe nhé.

— Chuyện gì mà kể ?

— Chuyện ngày xưa của tôi, của cậu Thủ. Chuyện gia đình Ba Má tôi, gia đình Ba Má cậu Thủ. Chuyện căn nhà này, ngôi nhà lầu đồ nát kia. Tôi muốn nghe lại trước một năm mới.

Ông Hoạch cười :

— Đêm giao thừa tôi thích uống rượu thật say hơn là ngồi kể chuyện.

Thủ bưng ly trà lên uống một ngụm. Những cơn gió cuối năm lướt thướt ngoài hàng cây làm bầy chim Sẻ co ro trên đầu tường. Hàng Gòn trong khoảng sân đất trống bay những chùm bông trắng xóa, như tuyết. Hương trà thơm mùi hoa lải trong chiếc bình rất cũ mà ngày xưa Ba Thủ thường chụm trà ngồi uống một mình.

Từ buổi chiều Thủ về ông Hoạch và chị Nghiễm lo chuẩn bị đầy đủ những thứ cần thiết cho ba ngày Tết. Thủ rảnh rang mang những chiếc lư đồng ra chùi bóng lại, dùng chổi lông quét dọn các bàn thờ, ông Hoạch khệ oẻ đón những cành Mai búp đem cắm trong những chiếc Lộc Bình lớn. Mỗi bàn thờ đều được thay giấy lót mới. Căn nhà lờn đóng kín cửa quanh năm suốt tháng cũng được ông Hoạch mở ra, quét dọn sạch sẽ. Những quả năm bằng sứ trắng cũng được lau chùi bóng nhẫy. Chiều ba mươi Tết ông Hoạch dọn sẵn những mâm thức ăn, hoa quả mang đặt trên các bàn thờ. Tối đến ông thấp nhàn và nền bập bùng chờ đón giao thừa. Ông Hoạch trịnh trọng trong bộ đồ lễ, si sụp lạy, râm râm khăn vái, Thủ không biết ông khăn vái cầu nguyện cho ai. Cho ông, cho những người thân của ông, cho Ba Mã Thủ hay cho Thủ. Từ nhỏ đến bây giờ Thủ ít khi hay đúng hơn chưa bao giờ nghe ông nhắc tới vợ con hay những người thân thích của ông. Chị Nghiễm mang cái bụng chứa lên lời qua những bàn thờ kê chặt chội đốt những cây nhang tàn, thấp lại một ngọn nến bị gió vờn tắt ngúm. Mặt chị cũng nghiêm trọng âm u không kém gì ông Hoạch. Nom chị trong ánh nến bập bùng và mùi nhang mới thấy chị tội nghiệp không cần gì phải nhìn thấy cái bụng gần ngày của chị. Bây giờ sự liên hệ gia đình, quyền thuộc của Thủ chỉ còn lại mỗi một mình chị Nghiễm. Ông Hoạch là một chứng nhân, lâu lâu nhìn thoáng ông một cái, Thủ nhớ tới quá khứ, nhớ tới thời thơ ấu của mình, nhớ tới Cha Mẹ. Tất cả đều như những cánh dơi vỗ bành hoàng trong đêm tối, trong buổi chiều hôm Thủ về, lần đầu tiên vén những màn giáng nhện thấp nhàn trên các bàn thờ những người đã khuất.

Lễ cúng Giao Thừa xong, ba người ngồi vào bàn ăn giữa nhà. Ngọn đèn mờ mờ rải ánh vàng ra bốn góc nhà khói nhang ngút. Trong một chiếc Lộc Bình cành Mai đã nở những bông đầu tiên của năm mới đúng như lời đoán của ông Hoạch. Ông có vẻ hài lòng về cảnh Mai lắm nên rót rượu uống lia lịa rồi khề khà

những câu chuyện từ đầu đầu. Chị Nghiễm buồn bã theo từng miếng ăn, có lúc Thủ thấy hình như chị muốn khóc. Thủ cũng muốn say với ông Hoạch nhưng anh không uống được nhiều rượu. Chỉ vài ly là thấy đầu óc bưng bưng. Thủ chỉ ngậm lo sợ chị Nghiễm bật khóc. Chị khóc bây giờ thật Thủ không biết làm sao. Lẽ ra không có điều gì ngăn cản chị Nghiễm khóc. Và biết đâu tiếng khóc của chị ngay trong lúc này lại giải thoát cả những ứn ứn từ lâu trong lòng chị. Và có thể ngay cả những thắc mắc trong đầu Thủ cùng ông Hoạch. Bởi dù không nói ra nhưng chắc hẳn Thủ và ông Hoạch đều muốn chị Nghiễm giải thích về những ngày bỏ nhà ra đi của chị, cái bụng chưa, cũng như là tại sao chị không còn điên như ngày xưa. Cái tình đột ngột của chị Nghiễm không phải là một điều vĩnh viễn, có thể chị tỉnh lại để sửa soạn cho một lần điên thứ hai, dữ dội hơn, và không bao giờ trở về trạng thái của một người bình thường nữa. Nhưng chị Nghiễm không khóc. Chị vừa ăn vừa nhìn chung quanh căn nhà. Mắt chị luôn luôn nhìn lên bàn thờ, âm u, chán chường, như đang dõi theo về một cõi nào. Gió cuối năm lạnh lướt trên da mặt, hơi rượu làm Thủ nóng người, anh nằm ngả trong lòng ghế lẳng nghe tiếng chim kêu ngoài trời, có con chim nào về trong đêm nay làm con chim của năm mới? Tất cả những âm thanh bên ngoài đều mơ hồ quá, đêm giao thừa tĩnh đến rợn người. Tự nhiên Thủ thích những những tiếng động. Anh cầm chiếc ly không ném ra ngoài cửa. Chiếc ly vỡ tan tành. Tiếng thủy tinh rơi trên đá làm Thủ thích thú: Ông Hoạch cười khà khà uống rượu như uống nước. Chị Nghiễm bỗng nói:

— Đừng ném những chiếc ly đó.

— Chị sợ à?

— Chị sợ lắm.

— Chị thích yên lặng?

Chị Nghiễm gật đầu, Thủ hỏi:

— Chị đoán xem đêm nay loài chim nào ra đời?

— Không đoán được.

Thủ thấy gương mặt chị Nghiễm tái xanh, những đường gân nổi lên rõ ràng dưới ánh đèn. Rồi ngày mai, ngày một đứa con của chị sẽ ra đời chị sẽ làm sao? Thủ lo sợ chị Nghiễm sẽ không đủ can đảm sống lại những ngày mà chị đã sống, bởi lúc trước

chị không phải là người bình thường. Chị điên. Và người điên thường yêu đời cũng như yêu chính những lời điên loạn của mình thốt ra. Thế giới đó chị đã ra khỏi.

Thủ đứng lên đi ra ngoài sân. Anh ngược nhìn những vì sao trên trời. Đêm nay là đêm Ba Mươi, những vì sao trên trời đều rực sáng. Gió làm xao động các đỉnh cây trên đầu Thủ. Cơ say hích như lắng xuống. Thủ ngồi xuống bành ghế dài kê dưới gốc Lựu ban chiều nhớ tới căn nhà trọ của bà Liên. Đêm nay chắc bà Liên cũng đón Giao Thừa một mình, và cùng với hai cô con gái chờ nghe tiếng kêu của một loài chim lạ bay ngang trời trong đêm Trừ Tịch.

Chị Nghiễm ra đứng vịn gốc Lựu nói :

— Ngày mai chị sẽ sẽ mừng tuổi cậu, để được đồng tiền mới. Như ngày nhỏ chị qua mừng tuổi Chú, nhớ cho chị tiền giấy, vì chị thích tiền giấy,

Thủ cười :

— Ai mừng tuổi bằng tiền cắc bao giờ ?

— Cho chị một đồng thôi. Thủ có một đồng không ?

Thủ nghe chị Nghiễm hỏi sợ chị đã hóa điên. Anh nhìn lom lom vào mặt chị Nghiễm làm chị bật cười :

— Nhìn chị chỉ làm thế ?

Thủ cười :

— Sợ chị sẽ điên như ngày xưa.

Chị Nghiễm cười lớn. Và chị ngồi xuống bên cạnh Thủ. Cả hai im lặng. Và cả hai hình như cùng nhìn lên một vì sao nào đó sáng nhất. Một lúc chị kêu lạnh, vào nhà. Thủ lắng nghe những sợ mầu trong người dịu xuống, bỗng bèn như đang trôi trên một giòng sông không màu sắc. Đến khi Thủ bắt đầu thấy lạnh mới vào nhà. Chị Nghiễm nhăn nhó trên ghế kêu đau bụng. Thủ nghĩ tới đứa con trong bụng chị. Anh kêu ông Hoạch. Một lúc ông Hoạch thấp một cây đuốc thật to, ánh lửa soi sáng hết căn nhà rộng, chị Nghiễm theo ông Hoạch xuống nhà thương quạ. Thủ quay vào ngồi xuống rót một ly rượu uống hết. Có tiếng chim bay ngang ngoài trời, kêu oang oác. Thủ nằm ngả trong ghế, nhắm mắt.

từ kể tường

